



# THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 24 Square des Cottages, 91200 Athis-Mons, France  
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359  
Directeur de publication: Vũ Thiện Hân

Vấn đề trong tháng

## Trở ngại và động lực của phát triển và dân chủ hóa

Tiếng súng đã ngưng nổ trên đất Việt Nam hơn hai mươi năm nay. Tuy thế, những chỉ dấu đầu tiên về hòa bình chỉ mới bắt đầu xuất hiện từ đầu thập niên này, sau khi chủ nghĩa cộng sản bị chối bỏ công khai, các đảng cộng sản ở Liên Xô cũ và Đông Âu bị sụp đổ. Nói "hòa bình" không phải để nói rằng đất nước đã thái bình thịnh trị mà để nói theo nghĩa bầu không khí áp bức ngột ngạt của thời "xây dựng xã hội chủ nghĩa" không còn đủ uy thế kìm kẹp dân như trước nữa. Trước những bước lùi vị tình thế bắt buộc này của bộ máy cầm quyền, dân chúng về mặt thực tế dần dần khôi phục một cách tự nhiên nhiều quyền đã bị tước đoạt trong suốt mấy thập niên qua. Những khả thể mới này đã mang đến cho họ cơ hội tạm thời xoay sở để đời sống được phần nào "để thở" hơn trước, đặc biệt, để thoát nạn nghèo đói đang đe dọa trước mắt.

Trước bối cảnh đó, Đảng cộng sản Việt Nam ngày 30 tháng Tư vừa qua, đã rậm rộ tổ chức lễ kỷ niệm tuổi thọ năm mươi năm cầm quyền của "Đảng", hai mươi năm chiến thắng tại Miền Nam

Việt Nam. Các nhà lãnh đạo "Đảng", các quan chức của chính quyền không tiếc lời ca ngợi - mà cũng để tự ca ngợi - cái gọi là những "thành tựu quan trọng của quá trình đổi mới". Năm 1992, họ đưa ra "chiến lược" để cầm quyền tới năm 2000. Đầu năm nay họ lại "dự báo" còn cầm quyền tới năm 2020! Tất cả các luận điệu đã được tung ra tuy chỉ nhấn mạnh ở một điểm là nhờ có "đổi mới" nên "Đảng" đã "trụ" được nhưng thật sự còn để gián tiếp khẳng định rằng "Đảng" còn phải tiếp tục cầm quyền để "đổi mới", ít ra 25 năm nữa!

Cần phải đánh giá việc "đổi mới" này như thế nào? Đổi mới vì đâu, từ đâu, đến đâu, cho ai, do ai v.v...? Biết bao nhiêu là nghi vấn phải nêu lên để mọi người cùng tìm những giải đáp đúng nhất, tốt nhất nếu có thể được, vì số phận của hơn 70 triệu người Việt Nam tùy thuộc vào những giải đáp này. Không thể để cho "Đảng" tự quyền giải đáp rồi dùng nguy biện và bạo lực để dưới chiêu bài "ổn định" ép buộc cả nước phải nhắm mắt theo "Đảng" với những kết quả thảm hại, như những gì đã xảy ra từ 1975 đến nay đã cho thấy.

Không ai chối cãi rằng trong khoảng thời gian gần đây, đã có một số thay đổi trong đời sống của người dân Việt Nam, thay đổi từ những điểm xuất phát thấp nhất về mọi mặt - Việt Nam dưới chế độ xã hội chủ nghĩa đã rơi xuống hàng những nước nghèo đói nhất thế giới. Đảng Cộng sản Việt Nam vào thời điểm 85/86 đã nhận được lời khuyến cáo phải "đổi mới" của Gorbachev, người xướng xuất và thực hiện những cải tổ sâu rộng chế độ chuyên chính cộng sản theo chiều hướng pháp trị hóa và dân chủ hóa. Tuy không theo đường lối của Gorbachev nhưng Đảng CSVN cũng ý thức được rằng không thể duy trì nguyên vẹn quyền lực toàn trị của mình, phải có "đổi mới", nếu không thì "chết", như lời cảnh cáo của cựu Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh là người tiếp nhận thông điệp của Gorbachev. Có điều sau đó, Đảng CSVN chỉ "đổi mới" một cách cầm chừng, co cụm, vừa đủ để xoa dịu được sự bất mãn của dân chúng. Nói cách khác, "đổi mới" trước hết và trên hết là để cho "Đảng" trụ được trước phong ba bão táp của cao trào dân chủ đang dâng lên mạnh mẽ ở các châu Âu, Á, Mỹ, Phi. Đảng CSVN ngày càng lâm vào thế phải tự động từ bỏ bớt quyền lực, từ bỏ mộng làm lãnh chúa một mình một cõi để mở cửa, hòa nhập vào đời sống cộng đồng quốc tế và đón nhận nhiều thế lực quốc tế xâm nhập vào Việt Nam. Những tiền bạc, kỹ thuật, văn hóa đến từ ngoại quốc đã tạo ra một quang cảnh mới trong đời sống Việt Nam, quang cảnh phồn vinh giả tạo ở một vài

### Trong số này

1. Vấn đề trong tháng	Thông Luận
3. Chính trị quốc tế:	
Toán học và ngoại giao	Huỳnh Hùng
4. Vai trò của quân đội Trung Quốc	Phùng Nguyên
7. Đề nghị của nhà thơ Bùi Minh Quốc	Mai Chi
8. Máy suy nghĩ nhỏ về ...	Nguyễn Thanh Giang
13. Yêu nước hay là không...	Nguyễn Thành Nhân
15. Chỉ có con đường duy nhất...	Nguyễn Hộ
22. Dân chủ là hướng đi bắt buộc	Nguyễn Văn Huy
24. Kháng thư viết từ Xuân Lộc	
25. Du lịch Việt Nam	Nguyễn Anh Tuấn
27. Thời sự - Tin tức	
29. Độc giả viết	
31. Tạp ghi	Nguyễn Gia Kiểng
32. Sổ tay: nhạc sến	Phù Du

đô thị, nhưng chưa chuyển đổi sâu rộng được các cơ cấu của xã hội. Điều đáng quan tâm là những yếu tố ngoại sinh đó đã hủ hóa thêm nữa bộ máy cầm quyền đồng thời làm cho Việt Nam ngày càng lệ thuộc các thế lực tài chính ngoại quốc và có cơ trở thành một "bãi phế thải kỹ nghệ" cho những thế lực này.

Nhà cầm quyền Việt Nam luôn luôn đề cao những thành tích xuất khẩu gạo, hạn chế lạm phát ở mức 8% - 10% hàng năm, thăng bằng cán cân xuất nhập hàng năm, giữ vững ổn định chính trị tạo điều kiện thuận lợi thu hút nguồn đầu tư nước ngoài đồng thời phát triển kinh tế, gia tăng mức tăng trưởng GDP từ 6 đến 8% hàng năm v.v... Và từ đó đưa ra những dự kiến trên giấy tờ rằng chế độ hiện tại có khả năng duy trì mức phát triển hiện nay liên tục trong "vài ba thập niên" để đạt được mức giá trị GDP/đầu người 2000 USD tức là gấp 10 lần giá trị hiện tại.

Nếu chỉ cần vận dụng những con số ở trên giấy tờ và bằng lời nói suông thì Việt Nam từ lâu đã tiến mau, tiến mạnh, tiến thẳng được lên xã hội chủ nghĩa rồi mà không cần phải qua thời kỳ tư bản! Nhưng thực tế đã cải chính một cách phũ phàng những lời dự ước của Đảng cộng sản. Tuy có những bề ngoài của một nước phát triển mạnh, Việt Nam thực sự đang suy thoái tới mức phải báo động về rất nhiều mặt.

Nguyên tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam, trừ hải sản và năng lượng, không phải là nguồn sức mạnh chủ chốt cho phát triển kinh tế: diện tích núi đồi trọc (13 triệu ha) đã vượt xa diện tích rừng bao phủ (9 triệu ha), diện tích rừng còn khả năng dùng để khai thác kinh tế vì bị phá hủy vô tội vạ nên ngày càng thu hẹp dần, chỉ còn ở những vùng xa, vùng sâu khó khai thác vì lý do vận chuyển; đất và thổ nhưỡng của Việt Nam thuộc loại thấp nhất thế giới tính theo bình quân đầu người, chất lượng đất suy thoái, có độ xói mòn cao, có hiện tượng ô nhiễm; đất vùng châu thổ các sông lớn có những diện tích bị nhiễm mặn, lụt úng quan trọng; khoáng sản chỉ có qui mô nhỏ và vừa, lại không có trữ lượng lớn. Đó là chưa kể tệ nạn phá hủy, gây ô nhiễm môi trường, lãng phí một cách đáng sợ tài nguyên thiên nhiên.

Vì vậy, muốn phát triển nhanh và dài hạn, chỉ còn trông vào nguồn lực "con người", phải quan niệm được một mô hình phát triển kinh tế có khả năng khuyến khích, lôi cuốn con người tích cực tham gia quy trình sản xuất. Ngoài ra lại còn phải có giáo dục tốt để đào tạo con người có trí năng, kỹ thuật cao, hạ tầng cơ sở tốt để tăng năng suất. Nếu những đòi hỏi này là những bắt buộc không thể lẩn tránh được thì rõ ràng là Đảng CSVN và công cụ của nó là bộ máy cầm quyền độc tài, tham nhũng hiện nay là trở ngại cho sự nghiệp chấn hưng nước Việt Nam trước ngưỡng cửa thế kỷ 21.

Thật vậy, đảng này vẫn chưa từ bỏ tham vọng độc tài toàn trị. Chính tham vọng đó đã đẻ ra chủ trương phải cương quyết gạt bỏ đổi mới chính trị và chỉ đổi mới kinh tế nửa vời, thị trường tự do nhưng lại phải theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhưng theo định hướng xã hội chủ nghĩa là gì, nếu không phải là vẫn theo mô thức chỉ huy tập trung để duy trì tình trạng tham nhũng, cửa quyền? Nói là kinh tế nhiều thành phần nhưng rút lại thành phần quốc doanh vẫn là nòng cốt. Đã vậy, Đảng CSVN lại vẫn cố thủ trong thái độ thù nghịch đối với những người khác chính kiến, vẫn coi rẻ nhân quyền, dân quyền. Do đó Đảng CSVN không có khả năng huy động toàn khối dân tộc Việt Nam tham gia phát triển kinh tế. Vì nó đã và đang tự biến mình thành một thiểu số

có đủ loại đặc quyền, đặc lợi, tách biệt khỏi số phận chung của tuyệt đại đa số còn lại của dân tộc. Vì nó đã và đang gạt bỏ với chính sách chỉ nhằm ve vãn, lợi dụng, một nguồn lực phát triển kinh tế - rất dồi dào về người và của - là cộng đồng người Việt hải ngoại. Vì nó vẫn tiếp tục chính sách phân biệt đối xử, nuôi dưỡng hận thù, chia rẽ dân tộc.

Mới đây chẳng hạn, trong bài trả lời phỏng vấn của nhà báo J.C.Pomonti (đăng trên nhật báo Le Monde (Pháp) ngày 5-5-1995), ông Võ Văn Kiệt, đã công khai miệt thị những người, vì tự do tôn giáo hay nhân quyền đã chống lại đảng của ông. Điều khó nghe là ông Kiệt đã dùng những luận điệu chụp mũ vừa bừa bãi vừa hồ đồ, không tương xứng với một người thủ tướng. Ông chụp lá "cờ vàng sọc đỏ" cho tất cả những người tranh đấu cho dân quyền, nhân quyền trong đó không những có rất nhiều người không dính dáng gì với chế độ VNCH mà còn có cả những người cộng sản cảnh tỉnh, ly khai với đảng cộng sản vì nhận thấy đảng phản lại quyền lợi của dân tộc. Lời tuyên bố vô trách nhiệm của ông đi ngược lại nguyện vọng xóa bỏ hận thù của người Việt Nam. Ông đổ lỗi cho Vatican, cho những "thế lực ngoại quốc" những bất ổn trong giáo hội Công Giáo, Phật Giáo do chính "Đảng" gây ra với chính sách đàn áp, chia rẽ qua các giáo hội quốc doanh. Ông quên mất rằng chính các đảng viên phải thi hành chính sách đó, gần đây, đã công khai lên tiếng tố cáo nó trước dư luận. Ông hạ nhục lá "cờ vàng sọc đỏ" bằng những lời chỉ trích mà những người trước đây đã tranh đấu dưới lá cờ này, có thể dùng lại để định tính cho lá cờ "đỏ sao vàng". Trong ký ức tập thể, những món nợ máu của lá cờ này đối với các chính đảng tả cũng như hữu, đối với tín đồ các tôn giáo, đối với đồng bào cả hai miền chưa dễ gì tẩy xóa được. Phải chăng Ông Kiệt vẫn muốn áp dụng chính sách "chia để trị"? Bài học lịch sử cận đại chắc chắn sẽ cho phép những người tranh đấu cho nhân quyền, dân chủ hiện ở nhiều chiến tuyến, không rơi vào cạm bẫy của ông.

Trở lại việc thúc đẩy kinh tế Việt Nam phát triển, chúng ta cần dứt khoát rút ra kết luận rằng cộng đồng hải ngoại có khả năng và có thể góp phần hữu hiệu vào tiến trình phát triển và dân chủ hoá của đất nước. Trong diễn tiến hòa bình này dân chủ phải đẩy lùi được chuyên chế còn đang ngự trị ở Việt Nam. Đó là thách đố của thời đại, của văn minh tiến bộ cho người Việt Nam ở trong nước cũng như ở ngoài nước. Những người Việt ở ngoài nước không sợ cô đơn trước sứ mạng này: Một lực lượng mới đã xuất hiện, lực lượng những người Việt thâm lạng. Từ hơn năm năm nay, những người này hữu ý hay vô tình, đã có cơ hội tự mình quyết định lấy số phận của mình, bắt đầu trên bình diện kinh tế. Họ là tác nhân của hệ thống kinh tế không chính thức, ngoài quốc doanh mà vai trò trong tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam chưa ai đánh giá đúng được. Qua cửa ngõ kinh tế, họ bắt đầu làm quen với văn hóa, kỹ thuật, sinh hoạt dân chủ, văn minh của các quốc gia kỹ nghệ tiên tiến. Họ sẽ mau chóng nhận ra trò chơi "chuyên chế" lộ bịch của Đảng CSVN để một lúc nào đó sẽ không chịu thâm lạng nữa.

Bước vào thế kỷ 21, nếu nước Việt Nam không có được một thể chế dân chủ đa nguyên để giải phóng con người và trí tuệ thì nạn "tự hậu" với những hậu quả không lường trước được sẽ là điều không thể tránh khỏi. Tuy hai động lực là người Việt hải ngoại và những người Việt thâm lạng mà Việt Nam trước kỷ hạn này có đi tới tự do, dân chủ hay một lần nữa lại lờ lợ.

**Thông Luận**

## Toán học và ngoại giao

Trong bài phỏng vấn trên nhật báo Pháp, Le Monde, số ra ngày 5-5-1995, khi được ký giả Jean Claude Pomonti đặt câu hỏi về chính sách của Việt Nam đối với những đòi hỏi của Trung Quốc trên biển Nam Hải, ông Võ Văn Kiệt đã trả lời như sau: "... Gia tài của quá khứ cũng ảnh hưởng (như tại Cambodge) trên biển Nam Hải, các quốc gia trong vùng đều liên hệ, nếu tình hình giữa hai hay ba nước không được tốt sẽ ảnh hưởng đến cả vùng. Những lo lắng hàng đầu này là lan can ngăn ngừa mọi tranh chấp. Mỗi nước phải quan tâm đến sự kiện dùng vũ lực ngày nay là một điều không thể chấp nhận được. Thật là khó cho những ai không quen cuộc diễn biến này và không tôn trọng những ước vọng chính đáng của các nước láng giềng. Những liên hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc không thể đi ra khỏi khuôn khổ này. Việt Nam nhắc lại luôn luôn mong muốn giải quyết các tranh chấp bằng đường lối hòa bình. Chúng tôi tin chắc rằng đó là giải pháp độc nhất. "

Theo lời tuyên bố này chính sách ngoại giao của Việt Nam đối với Trung Quốc dựa trên định đề gồm ba điểm sau:

- Một cuộc tranh chấp song phương hay tam phương sẽ biến thành một cuộc tranh chấp của cả vùng.
- Ngày nay dùng vũ lực là một điều không chấp nhận được.
- Liên hệ của Việt Nam và Trung Quốc bị ràng buộc trong khuôn khổ của hai điều trên.

Ở đây ông Võ Văn Kiệt đã áp dụng toán học vào ngoại giao. Ai cũng biết rằng toán học dựa vào một số định đề có tính tiên thiên được chấp nhận không cần chứng minh. Từ định đề, các nhà toán học đã dùng lý luận thuần lý để xây dựng những hệ thống không tài nào bắt bẻ, phá vỡ được. Chúng ta ai có học qua trung học đều nghe nói đến định đề Euclide và hình học Euclide. Đó là loại hình học đơn giản nhất, vì ngoài ra còn có hình học khác phức tạp hơn dựa trên những định đề phủ nhận định đề Euclide.

Đường lối ngoại giao của ông Võ Văn Kiệt giống như hình học Euclide. Hình học đó chỉ áp dụng được cho các nước của khối ASEAN, mà Việt Nam sẽ được gia nhập vào tháng 7 tới, nhưng không áp dụng được đối với Trung Quốc vì nó quá đơn giản và không đi sát thực tế.

Thật vậy, các quốc gia trong khối ASEAN có rất nhiều tranh chấp về lãnh thổ, hải phận, nhưng họ đã có những cố gắng giải quyết bằng thương lượng. Điển hình là trường hợp Nam Dương. Đây là một quốc gia mà lãnh thổ là một số đảo tiếp giáp một cách gần gũi với một số quốc gia láng giềng. Vào năm 1960, Nam Dương đòi hỏi nguyên tắc chủ quyền trên hải phận với tên Nusantara có nghĩa là "thế giới hải đảo giữa hai lục địa". Các cường quốc hàng hải cũng như các quốc gia láng giềng đã phản đối viện dân quyền hải lộ qua các eo biển. Nhưng cuối cùng qua các cuộc thương thuyết, Nam Dương đã thỏa thuận hải phận với Mã Lai vào năm 1969, Thái Lan vào năm 1971, Singapore vào năm 1973, Ấn Độ vào năm 1974 và với Úc vào những năm 71,72, và 73. Nam Dương cũng đã ký kết những hiệp ước tam phương về eo biển Malacca với Thái Lan và Mã Lai vào năm 1971, với Thái Lan và Ấn Độ vào năm 1978. Đặc biệt là vào năm 1985, Nam Dương đã thương thuyết với Phi Luật Tân để nước này nhường cho đảo Miangas trong eo biển Sarangani, thông thương giữa Thái Bình Dương và biển Célèbes. Hiện nay Nam

Dương chỉ còn hai tranh chấp chưa được giải quyết. Đó là tranh chấp với Việt Nam về các hải đảo Nantuna và với Úc về một phần của đảo Timor trước kia thuộc chủ quyền Bồ Đào Nha.

Trung quốc không giống như Nam Dương. Những đòi hỏi về các hải đảo và hải phận của Trung Quốc không phải vì lý do xác định biên giới, nhưng vì những lý do chiến lược quân sự và chiến lược kinh tế. Các hải đảo mà Trung Quốc đòi chủ quyền trải dài từ Bắc chí Nam của biển Nam Hải, quần đảo Prats, Hoàng Sa, Macclesfield, Trường Sa, Luconia, Nantuna. Chiếm được chủ quyền các hải đảo này, Trung Quốc tha hồ làm mưa làm gió trên hải trình quốc tế giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. Con đường thương mại bằng đường biển giữa Nhật Bản, Đại Hàn với châu Âu sẽ bị Trung Quốc kiểm soát.

Trung Quốc đã đang và sẽ dùng vũ lực để thực hiện tham vọng này. Trong quá khứ, Trung Quốc đã dùng vũ lực để thôn tính Hoàng Sa. Quần đảo này có một vị trí vô cùng quan trọng để tấn công Việt Nam ngang hông bằng đường biển. Quần đảo này gồm 130 hải đảo, chia ra làm hai nhóm, nhóm Amphitrite ở phía bắc gần đảo Hải Nam, và nhóm Croissant về phía Nam. Trước ngày 16-01-1974, nhóm Amphitrite do Trung Quốc chiếm giữ, nhóm Croissant do Việt Nam Cộng Hòa kiểm soát. Nhưng vào thời điểm trên, Trung Quốc đã dùng vũ lực chiếm nhóm Croissant và đã tăng cường xây dựng hạ tầng cơ sở quân sự tại đây.

Vào tháng 2 vừa qua, Trung Quốc đã chiếm đảo Mischief Reef thuộc quần đảo Trường Sa. Phi Luật Tân phản đối kịch liệt. Ông Nguyễn Mạnh Cầm, trong một chuyến thăm Trung Quốc gần đây, đã bị ngoại trưởng Trung Quốc răn đe không được tham gia một các tích cực vào phong trào phản kháng của các nước trong vùng, nhất là các nước thuộc khối ASEAN.

Trong một chuyến thăm gần đây, sau khi Trung Quốc hoàn thành cuộc thí nghiệm hạch tâm lần thứ 42 và các cuộc hành quân tại quần đảo Trường Sa, tổng trưởng quốc phòng Nga, Pavel Gratchev, để buộc chân Trung Quốc, đã đưa ra ý kiến thành lập một cơ cấu an ninh tại Bắc Thái Bình Dương, giữa Nga, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản và hai nước Triều Tiên. Trung Quốc đã không tán thành vì chủ trương chỉ muốn nói chuyện tay đôi, để có thể dễ dàng thao túng đối thủ, nhất là đối thủ là kẻ yếu.

Trong tình thế đó, ASEAN sẽ đem lại gì cho Việt Nam? ASEAN không có tham vọng cũng như ý chí thành một liên minh quân sự trước sức bành trướng của Trung Quốc. Ngay cả trong nội bộ ASEAN, thái độ của các thành viên đối với Trung Quốc cũng không nhất trí. Nam Dương và Mã Lai đồng ý đứng trong hàng ngũ đối đầu, trong khi Thái Lan thì lại có thái độ mềm mỏng vì sợ Trung Quốc trả đũa bằng cách xúi dục, hỗ trợ Thái cộng. ASEAN không có thiên chức trở thành liên minh quân sự một cách tổng quát: một điều khoản hủy bỏ, trong tương lai, các căn cứ quân sự ngoại quốc đã được ghi vào trong tuyên cáo sáng lập ASEAN tại Bangkok.

Trong quá khứ, các nước trong ASEAN như Thái Lan, Phi Luật Tân dựa vào cái dù SEATO, Mã Lai vào AMDA, Mã Lai và Singapore vào ANZUK. Các liên minh này đã chết vì lý do chống cộng không được các cường quốc Anh Mỹ xem là ưu tiên nữa. Nhưng lý do chống bành trướng của Trung Quốc (containment) lại là vấn đề thời sự.

Cơ sở giải quyết bằng hòa bình các tranh chấp giữa Việt Nam và Trung Quốc không thể đứng vững. Lịch sử và bài học Hoàng Sa đã chứng minh điều đó. Cơ sở giải quyết chỉ có thể tìm ra trong một tương quan lực lượng mới với sự tham gia của các nước Mỹ, Pháp, Nhật Bản, Anh và Úc.

Huyình Hùng

# Vai trò quân đội trên chính trường Trung Quốc

Phùng Nguyên

Vai trò quân đội trong đời sống chính trị ở Trung Quốc rất quan trọng. Nó càng quan trọng hơn nữa ở giai đoạn chuyển tiếp trong việc chỉ định người thừa kế. Vì là không phải một chế độ dân chủ do dân chúng bầu lên cho nên mỗi lần các nhà lãnh đạo từ trần thường có chính biến. Chẳng hạn như hiện nay ông Đặng Tiểu Bình đang hấp hối chưa chết, nhưng ở hậu trường các phe cánh đang công khai tranh quyền. Lịch sử ở Trung Quốc thường hay lặp lại. Người thừa kế do chỉ định ít khi được tôn trọng hay nếu có, số phận thường ngắn ngủi. Mao lúc sinh thời đã ba lần chỉ định người thừa kế mình, nhưng ba lần đều thất bại. Như ai cũng biết, Mao lần lượt chỉ định Lưu Thiếu Kỳ, Lâm Bưu và Hoa Quốc Phong thừa kế mình.

Lưu Thiếu Kỳ bị loại vì đã tranh quyền với Mao. Lâm Bưu bị tử nạn vì đã mưu toan làm đảo chính. Hoa Quốc Phong, "người con rơi" của Mao cũng không may mắn hơn. Ông ta bị Đặng Tiểu Bình cho hạ đài sau hai năm cầm quyền. Ông Đặng Tiểu Bình cũng không may mắn hơn ông Mao trong việc chọn người thừa kế. Hai người được ông ta chọn lựa lần lượt bị chính ông truất phế. Đó là hai cựu tổng bí thư đảng Hồ Diệu Bang và Triệu Tử Dương. Giang Trạch Dân được bổ nhiệm sau biến cố Thiên An Môn năm 1989 qua một thỏa hiệp giữa các phe nhóm và quân đội. Họ Giang sẽ là người thừa kế sau ngày ông Đặng từ trần? Điều này chưa có gì chắc chắn cả. Nhưng quân đội sẽ có dịp đứng làm trọng tài cho các phe phái.

## 1. Vai trò lịch sử của quân đội

Quân đội Trung Quốc bắt đầu ở cuộc khởi nghĩa Nam Xương (Giang Tây) ngày 1-8-1927 của hai tướng Diệp Đình và Hạ Long, từ đó lấy tên là Hồng Quân cho đến năm 1948 trước khi trở thành Quân đội nhân dân. Trong thời gian chống Nhật và Tưởng từ 1937 đến 1950, quân đội lúc đó là quân du kích. Từ 1950 đến 1957, quân đội trở thành chuyên nghiệp trước khi tham gia trực tiếp vào đời sống chính trị.

Lý do quân đội đóng vai trò trọng yếu là trong cuộc vận lý trường chinh năm 1934, nhiều quân nhân thống lĩnh quân đội trở thành nguyên soái khi có chế độ quân hàm. Ngay cả những nhân vật dân sự như Mao, Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình, cũng đã là những tướng lĩnh quan trọng. Mao đã từng thống lĩnh quân đội sau trở thành chủ tịch quân ủy trung ương. Chu Ân Lai lúc còn đấu tranh trong bóng tối cũng phụ trách về quân sự trước khi trở thành trách nhiệm khoa chính trị của trường quân sự Hoàng Phố bên cạnh Tưởng Giới Thạch trong thời kỳ hợp tác quốc-cộng. Đặng Tiểu Bình cũng từng là chính ủy của sư đoàn 129 của nguyên soái Lưu Bá Thừa. Ông ta có lúc là tổng tham mưu trưởng quân đội trước khi trở thành chủ tịch quân ủy trung ương từ 1980 cho đến 1989.

Sau ngày đảng cộng sản Trung Quốc lên cầm quyền, một danh sách đầu tiên của 10 vị nguyên soái được công bố ngày 22-9-1955. Tuần tự là Chu Đức, Bành Đức Hoài, Lâm Bưu, Trần Nghị, Lưu Bá Thừa, Hạ Long, Từ Hướng Tiên, Nhiếp Vinh Trăn, Diệp Kiếm Anh, La Vinh Hoàn. Sau này có thêm hai người nữa là Dương Thành Vũ và Túc Dự. Nếu Diệp Đình không tử nạn

trong chuyến bay từ Trùng Khánh về Diên An (1945) và Nhiệm Bất Thời không tử trần ở Bắc Kinh (1950) thì hai người này có thể trở thành nguyên soái. Ông Đặng Tiểu Bình cũng được đề nghị chức này nhưng ông ta đã khước từ vì lúc đó đang nắm giữ chức tổng bí thư đảng. Ngày nay, đa số các nguyên soái này đã từ trần, không còn ai tại chức nữa.

## 2. Vai trò quan trọng của quân ủy trung ương

Về tổ chức quân đội, trên lý thuyết, vấn đề quốc phòng do hai cơ quan chính đảm nhiệm. Đó là hội đồng quốc phòng do chủ tịch nước chủ trì, và hội đồng quốc vụ viện (chính phủ) do tổng trưởng bộ quốc phòng thay mặt thủ tướng. Thực tế là do ban quân ủy trung ương của đảng lãnh đạo. Lý do là khi Mao còn là chủ tịch nước kiêm chủ tịch quân ủy trung ương, vấn đề không được đặt ra. Khi Lưu Thiếu Kỳ trở thành chủ tịch nước (1959) chính thức cạnh tranh với Mao cho đến khi bị thất sủng (1968), trong một thời gian dài không có chủ tịch nước. Phải đợi tới 1983 mới có chủ tịch nước với Lý Tiên Niệm là chủ tịch và Ô Lan Phu phó chủ tịch. Quân ủy trung ương đứng ra đảm nhiệm vấn đề quốc phòng với chủ tịch là Đặng Tiểu Bình.

Một đặc tính khác được các quan sát viên chú ý là chủ tịch quân ủy trung ương phải là người của quân đội có thành tích lịch sử mới được tôn trọng. Mao và Đặng hai người đã từng thống lĩnh quân đội giữ nhiều năm chức vụ này. Hoa Quốc Phong không phải là quân nhân đã "phạm" quy luật nói trên nên số phận quá ngắn ngủi (hai năm). Giang Trạch Dân cũng không phải là quân nhân, đang giữ chức chủ tịch quân ủy trung ương, liệu có khả năng tiếp tục ở tại chức sau ngày ông Đặng từ trần không? Kinh nghiệm chính trị trong quá khứ ở Trung Quốc không cho phép khẳng định điều này. Hai tổng bí thư đảng Hồ Diệu Bang và Triệu Tử Dương cũng đã phải nhường chức vụ chủ tịch quân ủy trung ương cho ông Đặng từ 1980 đến 1989. Ngay cả Dương Thượng Côn một ông tướng có lúc là chủ tịch nước (1988-1993) cũng chỉ giữ chức phó chủ tịch quân ủy. Vì vậy quân ủy trung ương là một cơ quan trọng đại tùy theo hoàn cảnh chính trị. Chẳng hạn, trong thời kỳ cách mạng văn hóa lúc Lâm Bưu trở thành người "thừa kế" của Mao, ban quân ủy ngoài Mao là chủ tịch gồm có 6 nguyên soái phó chủ tịch: Lâm Bưu, Trần Nghị, Từ Hướng Tiên, Nhiếp Vinh Trăn, Lưu Bá Thừa, Diệp Kiếm Anh. Các thành viên khác gồm có các tướng Túc Dự, Tạ Phú Trị, Hoàng Vinh Thắng, Lý Tắc Bằng, Ngô Pháp Hiến, Khuu Hội Tắc, Diệp Quân (vợ Lâm Bưu) với quân hàm đại tá là chánh văn phòng ban quân ủy. Diệp Quân lúc đó cũng là ủy viên Bộ Chính Trị.

## 3. Quân đội qua các đại hội

Từ đại hội I đến đại hội VI, đảng cộng sản Trung Quốc còn trong bóng tối và tùy thuộc sự chỉ đạo của quốc tế cộng sản mà thực tế là Stalin. Phải đợi tới đại hội VII ở Diên An (1945), vai trò quân đội mới được sáng tỏ.

Trong năm căn nhà đục trong đất ở Diên An, do các lãnh đạo chiếm giữ, hai căn được Chu Đức, tổng tư lệnh bất lộ quân và



Nhiệm Bất Thời, chủ nhiệm tổng cục chính trị ở. Ba căn nhà kia do Mao, Lưu Thiếu Kỳ và Chu Ân Lai ở.

Đại hội lần thứ VIII được nhóm họp lần đầu tiên ở Bắc Kinh trong tháng 9-1956. Đây là đại hội của đảng cầm quyền. Trên 26 người của Bộ chính trị, có 8 quân nhân trong đó có 7 nguyên soái vừa được thăng nhiệm trước đó. Đó là Chu Đức, Lâm Bưu, La Vinh Hoàn, Trần Nghị, Bành Đức Hoài, Lưu Bá Thừa, Hạ Long.

Qua đại hội lần thứ IX (1969), cuộc cách mạng văn hóa đã làm đảo lộn tình thế chính trị. Một số nguyên soái bị loại như Bành Đức Hoài, Trần Nghị, Hạ Long. Đây có thể nói là đại hội của vợ chồng Lâm Bưu vì có 13 quân nhân trên 25 người ở Bộ chính trị và 125 quân nhân trên 279 ở ban chấp hành trung ương đảng (45%). Phe nhóm của Lâm Bưu ở Bộ chính trị gồm có các tướng Hoàng Vinh Thắng, tổng tham mưu trưởng, Ngô Pháp Hiến, tư lệnh không quân, Lý Tác Bằng, tư lệnh hải quân, Khuu Hội Tác, chủ nhiệm tổng cục hậu cần và Diệp Quân (vợ Lâm Bưu) với quân hàm đại tá, và ủy viên Bộ chính trị. Sau khi đảo chánh hụt trong tháng 9-1971, các tướng nói trên cùng 41 tướng ở ban chấp hành bị loại. Dù là đại hội của Lâm Bưu nhưng Mao cũng cho người của mình vào bộ chính trị qua 7 nguyên soái và tướng sau: Diệp Kiếm Anh, Lưu Bá Thừa, Chu Đức, Hứa Thế Hữu, Trần Tích Liên, Lý Đức Sinh, và Vi Quốc Thanh.

Ở đại hội X (1973), số quân nhân ở Bộ chính trị bị giảm xuống chỉ còn 8 người trên 25 thành viên. Đại hội này có thể gọi là đại hội của vợ chồng Mao và Giang Thanh. Phe nhóm của Lâm Bưu đã bị loại, nhưng phe nhóm tư nhân bang còn nguyên chức.

Bảy nguyên soái và tướng của Mao ở đại hội IX vẫn ở Bộ chính trị cùng thêm một chính ủy hải quân là Tô Chấn Hoa ở ban dự khuyết. Ở ban chấp hành trung ương đảng, tỷ số quân nhân chiếm 1/3 (100/319 thành viên).

Đại hội XI (1977) là đại hội của Hoa Quốc Phong. Khương Sinh, Chu Đức, Chu Ân Lai và Mao đã từ trần trước đó. Tuy nhiên, Hoa Quốc Phong bắt buộc phải đưa Đặng Tiểu Bình trở lại Bộ Chính Trị dưới áp lực của quân đội. Số quân nhân của Bộ Chính Trị tăng lên 11 người trên 25. Nhiếp Vinh Trăn và Từ Hướng Tiên, hai nguyên soái cuối cùng lần đầu tiên được vào Bộ Chính Trị. Tuy nhiên, chỉ có nguyên soái Diệp Kiếm Anh được ở thường vụ Bộ Chính Trị so với 3 người ở đại hội X là Diệp Kiếm Anh, Chu Đức và Lý Đức Sinh.

Đại hội XII (1982) là đại hội của Đặng Tiểu Bình với Hồ Diệu Bang, tổng bí thư đảng và Triệu Tử Dương thủ tướng chính phủ. Quân đội còn chiếm tỷ lệ đáng kể với 36% (9/25). Bốn tướng lãnh mới được vào Bộ Chính Trị là Dương Thượng Côn, Vương Chấn, Dương Đắc Chí và Tần Cơ Vi (dự khuyết). Năm tướng cũ ở đại hội trước còn ở lại là Diệp Kiếm Anh, Nhiếp Vinh Trăn, Từ Hướng Tiên, Vi Quốc Thanh và Lý Đức Sinh.

Đại hội XIII (1987) là đại hội của Triệu Tử Dương. Sau khi sinh viên xuống đường đòi tự do, Hồ Diệu Bang bị buộc từ chức năm 1986 và Triệu Tử Dương lên thay với chức vụ tổng bí thư đảng. Phái canh tân chủ trương mở rộng kinh tế đang thắng thế cho nên quân đội chỉ còn có hai người ở Bộ Chính Trị là Dương Thượng Côn và Tần Cơ Vi.

Sau biến cố Thiên An Môn 1989, có lẽ vì muốn tránh đưa khuôn mặt đàn áp của quân đội cho nên số quân nhân chỉ có hai người qua đó đốc Lưu Hoa Thanh và Dương Bạch Băng (em Dương Thượng Côn) ở đại hội XIV (1992). Ngay cả tướng Trì Hạo Điền (rể Dương Thượng Côn) bộ trưởng bộ quốc phòng, cũng chỉ là ủy viên trung ương đảng, không được vào Bộ Chính Trị như truyền thống trước đây.

#### 4. Quân đội Trung Quốc ở Đông Nam Á

Quân đội Trung Quốc hiện nay là một lực lượng hùng hậu nhất ở Đông Nam Á châu (xem tài liệu cuối bài viết). Với một ngân quỹ tăng trưởng hơn 20% mỗi năm, các nước lân bang nhất là Việt Nam phải lo ngại ý đồ bành trướng ở biển Đông Nam Hải. Ngân quỹ quốc phòng chính thức của Trung Quốc chỉ có 63,1 tỷ nhân dân tệ (7,5 tỷ USD), chiếm 8% ngân quỹ quốc gia, con số rất lố bịch đối với các chuyên gia quân sự. Viện nghiên cứu hòa bình Stockholm (SIPRI) ước tính ngân quỹ quân đội của Trung Quốc trong năm 1993 lên tới gần 45 tỷ USD trong khi số chính thức của Trung Quốc chỉ có 42,5 tỷ nhân dân tệ (7,3 tỷ USD, hồi đóái lúc đó). Chuyên gia Trung Quốc "quen" tính ngân quỹ dành cho các lực lượng địa phương, dành cho cảnh sát quân đội, các phụ cấp công nghiệp và nghiên cứu, các dịch vụ thương mại do quân đội đảm trách v.v... Ngày nay quân đội Trung Quốc làm dịch vụ thương mại và đang nắm giữ 50.000 xí nghiệp, kể cả khách sạn và các trung tâm du hí. Số thương vụ lên đến nhiều trăm triệu USD. Ý đồ bành trướng của Trung Quốc ngày nay được dựa trên hai lực lượng chủ yếu: kinh tế và quân đội.

Về kinh tế, với sự tăng trưởng hai số trong nhiều năm qua, Trung Quốc đã cho tràn ngập hàng hóa rẻ ở các nước chung quanh và ngay cả thị trường thế giới. Họ lại được các Hoa kiều ngoài xứ có dân số đa số người Hoa (Hương Cảng, Đài Loan, Singapore) hỗ trợ. Thị trường của Việt Nam ngày nay do người Hoa hoàn toàn chi phối với hàng lậu nhập cảng ở biên giới phía bắc và các dự án đầu tư của người Hoa ở trong nước. Nền công nghiệp phổi thai của Việt Nam đã bị chết từ trong trứng nước.

Về quân sự, hải quân Trung Quốc được gia cường tìm thủy đình đã chiếm trọn Hoàng Sa của Việt Nam năm 1974 và chiếm thêm sáu đảo ở Trường Sa của Việt Nam trong năm 1988. Họ lại chiếm thêm một đảo do Phi Luật Tân nắm giữ trong những ngày gần đây.

Ý đồ của họ là kiểm soát con đường biển chiến lược từ bán đảo Miến Điện đi ngang eo biển Malacca đến Đài Loan và Nhật Bản. Đảo Bành Hồ (Pescadores) của Đài Loan được họ cho vào bản đồ Trung Quốc trong khi đảo Shenkaku của Nhật cũng bị họ đòi tranh chấp.

#### Kết luận

Trước đây ở một số nước đang phát triển, quân đội tham gia trực tiếp vào đời sống chính trị như ở Thái Lan. Ở Trung Quốc, quân đội phục tùng đảng như Mao đã nhiều lần nói "Le parti commande au fusil, pas le fusil au parti" (Đảng ra lệnh cho súng, súng không ra lệnh đảng). Quân đội theo truyền thống và theo cách tổ chức đóng một vai trò trọng yếu trong đời sống chính trị. Lại nữa, chế độ không phải là một chế độ tự do dân chủ, cho nên quân đội thường đóng vai trò trọng tài trong sự lựa chọn người thừa kế. Kinh nghiệm trong quá khứ thường dẫn chứng người có quân đội ủng hộ thường thắng cuộc.

Quân đội Trung Quốc từ khi có chính sách mở rộng kinh tế cũng trải qua nhiều thử thách lớn như phải giải ngũ gần một triệu quân nhân hay cuộc thất bại trong việc phiêu lưu trong "bài học" ở Việt Nam trong năm 1979. Tuy nhiên trong những năm gần đây, từ khi bức tường Bá Linh sụp đổ, quân đội được tăng cường về vũ khí hiện đại của Liên Xô cũ. Tất cả những nỗ lực quân sự trước đây ở biên giới Liên Xô - Trung Quốc nay được tăng cường ở phía Nam nhất là ở biển Đông. Các nước trong khối ASEAN và Nhật Bản sẽ theo dõi và xét đoán "thiện chí" của Trung Quốc qua việc tiếp thu Hương Cảng trong năm 1997 và trong việc tổng tuyển cử phổ thông đầu phiếu tổng thống ở Đài Loan trong năm

tối cũng như tình hình ở biển Đông.

Tùy theo tình thế nói trên, Á Châu - Thái Bình Dương sẽ là nơi tập trung của sự phồn thịnh hay phải chăng sẽ là nơi hỗn loạn của thế giới trong đầu thế kỷ 21?

## Phùng Nguyên

### Tài liệu:

#### I. Ban quân ủy trung ương hiện nay gồm có:

**Chủ tịch:** Giang Trạch Dân (1926): chủ tịch nước, tổng bí thư đảng, ủy viên thường vụ bộ chính trị

**Phó chủ tịch:** Lưu Hoa Thanh (1916): ủy viên thường vụ bộ chính trị (BCT); Trương Chấn (1914): ủy viên trung ương đảng (TƯĐ).

**Thành viên:** Trì Hạo Điền (1928) ủy viên trung ương đảng, bộ trưởng bộ quốc phòng; Trương Vạn Niên (1928): ủy viên TƯĐ, tổng tham mưu trưởng; Phó Toàn Hữu (1930): chủ nhiệm tổng cục hậu cần, ủy viên TƯĐ; Vu Vinh Ba (1931): chủ nhiệm tổng cục chính trị, ủy viên TƯĐ.

#### II. Quân đội nhân dân gồm có ba bộ môn sau:

1. Bộ tổng tham mưu: Trương Vạn Niên (1928) tổng tham mưu trưởng, thành viên ban quân ủy trung ương; Từ Huệ Từ (1932): phó tổng tham mưu trưởng, ủy viên TƯĐ; Lý Cảnh (1930): phó tổng tham mưu trưởng, ủy viên TƯĐ; Tào Cương Xuyên: phó tổng tham mưu trưởng, Phụ tá bộ tổng tham mưu; Ngô Thuyên Tự (1939), Ngụy Phúc Lâm, Hùng Quang Khai (1939) ủy viên dự khuyết TƯĐ.

2. Tổng cục chính trị: Chủ nhiệm Vu Vinh Ba (1931), ủy viên TƯĐ, thành viên ban quân ủy trung ương; Phó chủ nhiệm: Vương Thụy Lâm (1929), ủy viên TƯĐ; Châu Tử Ngạc; Đỗ Thiết Hoàn; Từ Tài Hậu. Phụ tá chủ nhiệm: Đường Thiên Đào.

3. Tổng cục hậu cần: Chủ nhiệm: Phó Toàn Hữu (1930), ủy viên TƯĐ, thành viên ban quân ủy trung ương. Chính ủy: Châu Khắc Ngọc (1929), ủy viên TƯĐ. Phó chủ nhiệm: Lưu Minh Phác (1930), Trương Bản (1931), Vương Thái Lam, Châu Hữu Lương. Phó chính ủy: Hứa Thắng (1931). Phụ tá chủ nhiệm: Thẩm Tân Nghị (1944), Lương Hồng.

#### III. Các binh chủng khác:

1. Hải quân: Tư lệnh trưởng: Đô đốc Trương Liên Trung (1931), ủy viên TƯĐ. Chính ủy: Phó đô đốc Châu Khôn Nhân.

2. Không quân: Tư lệnh trưởng: Tào Song Minh (1929), ủy viên TƯĐ. Chính ủy: Đinh Văn Xương (1933), ủy viên TƯĐ.

3. Đệ nhị pháo binh: Tư lệnh trưởng: Dương Quốc Lương (1938), ủy viên TƯĐ. Chính ủy: Tuyền Vinh Cử (1932).

#### IV. Ủy ban khoa học, công nghệ và công nghiệp quốc phòng:

Chủ nhiệm: Đinh Hành Cao (1931), ủy viên TƯĐ. Chính ủy: Đới Học Giang (1930). Phó chủ nhiệm: Nữ tướng Nhiếp Lực,

con cựu nguyên soái Nhiếp Vinh Toàn và phu nhân... Đinh Hành Cao.

#### V. Các viện và đại học quốc phòng:

1. Viện khoa học quân sự: Chủ tịch: Triệu Nam Khởi (1926), người gốc Triều Tiên, ủy viên TƯĐ. Chính ủy: Trương Công (1935), ủy viên TƯĐ.

2. Đại học quốc phòng: Chủ tịch: Chu Đôn Pháp (1927), ủy viên TƯĐ. Chính ủy: Lý Văn Khánh (1930) ủy viên TƯĐ.

#### VI. Các quân khu:

Trong thời kỳ cách mạng văn hóa, Trung Quốc được chia ra thành 12 quân khu. Ngày nay, chỉ còn 7 quân khu và mỗi quân khu bao gồm nhiều thành phố hoặc nhiều tỉnh.

1. Quân khu Thẩm Dương bao gồm ba tỉnh đông bắc Liêu Ninh, Cát Lâm và Hắc Long Giang. Tư lệnh trưởng: Vương Khắc (1931), ủy viên TƯĐ. Chính ủy: Lý Tân Lương (1936), ủy viên TƯĐ.

2. Quân khu Bắc Kinh bao gồm Bắc Kinh, Thiên Tân, Sơn Tây, Nội Mông. Tư lệnh trưởng: Lý Lai Trụ (1932), ủy viên TƯĐ. Chính ủy: Cốc Thiệu Khánh (1931), ủy viên TƯĐ.

3. Quân khu Lan Châu bao gồm năm tỉnh Thiểm tây, Cam Túc, Thanh Hải, Ninh Hạ, Tân Cương. Tư lệnh trưởng: Lưu Tinh Tùng (1933), ủy viên TƯĐ. Chính ủy: Tào Bồng Sinh (1930), ủy viên TƯĐ.

4. Quân khu Nam Kinh bao gồm năm tỉnh An Huy, Chiết Giang, Giang Tô, Giang Tây, Phúc Kiến và thành phố Thượng Hải. Tư lệnh trưởng: Cố Huy (1930), ủy viên TƯĐ. Chính ủy: Phương Tô Kỳ.

5. Quân khu Quảng Châu bao gồm: năm tỉnh Hồ Nam, Hồ Bắc, Quảng Đông, Quảng Tây, Hải Nam. Tư lệnh trưởng: Lý Hy Lâm (1930), ủy viên TƯĐ. Chính ủy: Sứ Ngọc Hiếu (1933), ủy viên TƯĐ.

6. Quân khu Tế Nam bao gồm hai tỉnh Sơn Đông và Hà Nam. Tư lệnh trưởng: Trương Thái Hành (1931). Chính ủy: Tống Thanh Vị (1929) ủy viên TƯĐ.

7. Quân khu Thành Đô bao gồm bốn tỉnh Tứ Xuyên, Quý Châu, Vân Nam, Tây Tạng. Tư lệnh trưởng: Lý Cửu Long (1929), ủy viên TƯĐ. Chính ủy: Trương Chí Kiên (1935)

VII. Lực lượng cảnh sát quân đội được thành lập năm 1983 đặt dưới quyền bộ "an ninh công cộng": Bộ trưởng "an ninh công cộng": Đào Tứ Cầu (1935), ủy viên TƯĐ. Tư lệnh trưởng: Ba Trung Đàm. Chính ủy: Trương Thụ Điền.

(Nguồn tin: Từ I đến VII: China New Analysis, 1-15-7 và 1-15-8-1994)

VIII. Lực lượng quân đội của Trung Quốc hiện nay: Số quân nhân: 2.930.000. Số máy bay chiến đấu: 5.845. Số tàu tuần biển: 870. Số chiến hạm và hộ tống: 55. Số tiềm thủy đình: 51. Số xe tăng: 9.200.

(Nguồn tin: IISS, London được FEER số 13-4-1995).

# Đề nghị của nhà thơ Bùi Minh Quốc

Mai Chi

Tuần qua, nhân dịp làm việc với một số cán bộ đi công tác ngắn ngày ở châu Âu, trong lúc hàn huyên, tôi có nói đến đề nghị của nhà thơ Bùi Minh Quốc yêu cầu Mặt Trận Tổ Quốc cho ra tờ báo "Diễn đàn dân chủ" thì anh trưởng đoàn giãy lên và nói "Đừng quá đi chứ". Tôi qua đây thấy nước người ta văn minh kỷ luật mà mình xấu hổ. Bây giờ đất nước đã thống nhất hoà bình rồi không thể viện cớ gì để bung bít, giữ mãi cái ù lì làm cho dân tộc không tiến lên được. Ở trong nước chúng tôi đã chán ngấy lên rồi, các anh ở ngoài về chắc chán ngấy hơn chúng tôi nhiều". Và anh lại nói thêm, châm biếm "Ở trong nước, chúng tôi kháo với nhau rằng Mặt Trận Tổ Quốc và Mặt Trận Tổ Yến chỉ là một. Tôi không tin đề nghị của nhà thơ Bùi Minh Quốc được thực hiện".

Thực ra, thư của nhà thơ Bùi Minh Quốc gửi ông Hà Sĩ Phu và ông X (xin không nêu tên để khỏi bị mang tiếng "đụng đến người cùng đấu tranh cho dân chủ") đăng trên Thông Luận số tháng 2-95 có đề nghị ra một tờ báo chẳng hạn lấy tên "Diễn đàn dân chủ" cho phép những người không có chỗ chơi trên báo Đảng cộng sản phát biểu ý kiến tự do. Tuy gửi cho ông Hà Sĩ Phu và ông X nhưng theo tôi hiểu, đề nghị này chủ yếu gửi Mặt Trận Tổ Quốc qua ông X, ủy viên đoàn chủ tịch. Còn ông Hà Sĩ Phu như cá nằm trên thớt công an ở Đà Lạt, có đồng ý với ông Bùi Minh Quốc đến một nghìn lần chẳng nữa cũng khó quay ngược "tấm bảng chỉ đường của trí tuệ" để làm nên cơm cháo.

Lấy tên là báo "Diễn đàn dân chủ", tôi e rằng bức lá động rừng, dễ phạm húy các cụ trên Bộ chính trị. Các cụ nói "dân chủ" nhưng có bao giờ nói đến "diễn đàn" đâu. Và lại với chủ trương chuyên chính vô sản, các cụ tự cho mình cái quyền thâu tất cả: từ dân chủ diễn đàn, từ kinh tế thị trường đến "kinh tế thị met". Để đỡ ông Nghè, ông Cống, cả chủ tịch đoàn Mặt Trận Tổ Quốc còn chưa dám phạm húy nữa chi là nhà thơ Bùi Minh Quốc.

Vì vậy hay là cứ đặt tên báo là "Mặt Trận Tổ Quốc" vừa chẳng ai nghĩ kỹ vô ích, vừa đáp lại mong muốn của mọi người vì cứ theo lời ông X, ủy viên đoàn chủ tịch: "Mặt Trận Tổ Quốc là nơi có thể trình bày một cách thẳng thắn những ý kiến đóng góp của mình về các vấn đề của đất nước, có thể trao đổi ý kiến một cách bình đẳng và có thể đề xuất các kiến nghị cần thiết".

Ấy vậy mà nhà thơ Bùi Minh Quốc cứ khẳng khẳng chữ "bàn tiệc bánh vẽ" cho Mặt Trận Tổ Quốc; chứ có phải của nhà thơ Bùi Minh Quốc đâu, đó là "lời trần trối" của nhà thơ Chế Lan Viên, người đã bỏ "bóng ma hời" để chạy theo Đảng Cộng Sản và chỉ được ăn bánh vẽ cho đi khi chết, trở lại làm bóng ma hời.

Của đáng tội, tôi nghĩ rằng ông X tin một cách thành tâm. Nếu hết thành tâm như ông Nguyễn Hữu Thọ, cựu chủ tịch Mặt Trận Tổ Quốc, vừa dùng lại câu "bàn tiệc bánh vẽ" của nhà thơ Bùi Minh Quốc thì Đảng Cộng Sản cho ngay ông cái vinh dự ... về vườn rồi còn đâu. Riêng những "kiến nghị cần thiết" của ông Nguyễn Hữu Thọ thì vào một chỗ rất khiêm tốn là ... sọt rác của Đảng Cộng Sản.

Thật ra, theo tôi, gọi báo gì cũng chưa quan trọng bằng cái việc cầu nguyện ngày đêm cho ông X "trình bày một cách thẳng thắn những ý kiến đóng góp của mình ..." trên báo chí. Tại sao là phải trên báo chí? Vì hai lẽ. Lẽ thứ nhất là tránh được cho cái nhà ông gì ở Đà Lạt khỏi bị công an bắt bớ lôi thôi khi đọc bài ông X trên báo "Mặt Trận Tổ Quốc". Lẽ thứ hai là hơn hai chục năm nay, bao nhiêu người trong đó có cả ông X đã "trình bày một cách thẳng thắn những ý kiến đóng góp của mình ...", thẳng đến lãnh đạo Đảng Cộng Sản qua con đường lỗ tai mà không "kinh qua" con đường báo chí công khai đều được đổ vào một chỗ ... cùng không kém phần khiêm tốn.

Tạo sao lại phải trên báo chí? Đó là một thách đố bởi lẽ Đảng Cộng Sản rất sợ công luận. Muốn phê bình gì cũng được, muốn góp ý gì cũng được miễn là công khai trên báo chí đã là cung cách "đổi mới" của Đảng Cộng Sản.

Tôi còn nhớ đến những năm của cao trào vượt biển. Lúc đó một số trí thức thân Đảng Cộng Sản ở Pháp soạn thảo một lá thư yêu cầu chính phủ suy nghĩ lại chính sách để tránh cảnh vượt biển càng nhiều. Lá thư này được nhiều người ký và trao cho một vị thứ trưởng Hà Nội qua công tác ở Paris. Lá thư được vút vào sọt rác và Hội Việt Kiều tại Pháp của Đảng Cộng Sản đã trả lời cho các trí thức của họ theo chỉ thị trong nước: "Các anh muốn phản đối gì cũng được nhưng không được viết thành văn".

Một trường hợp khác: tâm thư do một số trí thức việt kiều hải ngoại thân chính quyền viết yêu cầu đổi mới thực sự và được rất nhiều người ký tên. Những người chủ trương tâm thư này, dù tâm đầu ý hiệp với chủ nghĩa xã hội do Đảng Cộng Sản lãnh đạo, đều bị cấm về nước, mãi đến cuối năm 93 mới được phép lại. Những người ký tên trong tâm thư chỉ được về nước nếu viết thư bác bỏ chữ ký trước kia. Tôi nhớ trường hợp một anh bạn tôi được bộ Đại học của Hà Nội mời về dự hội nghị nhưng đã ký tâm thư và từ chối phản bội chữ ký của mình nên bộ Đại học đã đón hụt anh ta ở phi trường. Rồi ông Đoàn Viết Hoạt, ông Nguyễn Đan Quế vừa viết được hai ba tờ báo cổ động cho dân chủ, dân giàu nước mạnh thì bị tù mùt mùa.

"Đổi mới" hiện nay là để cho mọi người muốn nói gì thì nói, muốn chửi gì cũng kệ miễn đừng đưa lên báo chí. Đưa lên báo chí là mọi người cùng biết. Mặc dù "dân biết, dân bàn, dân làm" là khẩu hiệu một thời Đảng Cộng Sản nhưng Đảng Cộng Sản chưa bao giờ dám để dân biết sự thật. Phát biểu công khai trên báo chí trở thành một thách đố để xem Đảng Cộng Sản có muốn thay đổi không, ít nhất là trong khuôn khổ Mặt Trận Tổ Quốc.

Một tờ báo như nhà thơ Bùi Minh Quốc đề nghị là ống kính tối thiểu để thấy những gì xảy ra đằng sau những khẩu hiệu "Đoàn kết", "Đại đồng" chung quanh Mặt Trận Tổ Quốc. Nếu không dám xuất bản một tờ báo như thế Mặt Trận Tổ Quốc nên chính

(Xem tiếp trang 12)

# Mấy suy nghĩ nhỏ về công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Nguyễn Thanh Giang

LTS: Nguyễn Thanh Giang, 58 tuổi, hiện phục vụ tại Cục Vật Lý Địa Cầu, là một nhà khoa học nhiều ưu tư với tương lai đất nước. Nhiều bài viết chuyên tay của ông đã gây tranh cãi hào hứng trong nước. Đây là bài viết mới nhất của ông. Độc giả sẽ một lần nữa đánh giá lý luận khách quan và bộc trực của Nguyễn Thanh Giang.

Hãy tạm thời đành lòng chưa bàn đến một ý tưởng đã được đề xuất về khả năng Việt Nam "Xây dựng trực tiếp xã hội hậu công nghiệp thông qua nền công nghệ trí tuệ (intelligence technology) để từ nền văn minh nông nghiệp âm ỉ, bỏ qua nền văn minh công nghiệp náo động, tiến thẳng tới nền văn minh trí tuệ trong sáng..."<sup>1</sup>.

Trước đây căn cứ vào một số hiện tượng lịch sử như các dân tộc Đức, Slav... từ chế độ công xã nguyên thủy chuyển thẳng lên chế độ phong kiến, bỏ qua chiếm hữu nô lệ; một số nước như Mỹ, Canada bỏ qua chế độ phong kiến lên thẳng chủ nghĩa tư bản... Lênin từng khẳng định: "Với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến, các nước lạc hậu có thể tiến tới chế độ xô viết, và qua những giai đoạn phát triển nhất định, tiến tới chủ nghĩa cộng sản, không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa"<sup>2</sup>.

Cố tổng bí thư đảng cộng sản Việt Nam Lê Duẩn cũng từng nói: "Bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa để tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội có nghĩa là, ở ta, không phải chủ nghĩa tư bản mà chính là chủ nghĩa xã hội đảm nhiệm quá trình đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn, và đương nhiên cái mà chúng ta tạo ra phải là sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nghĩa là một nền sản xuất cao hơn sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa không những về mặt bản chất xã hội - kinh tế mà cả về qui mô và trình độ phát triển"<sup>3</sup>.

Dự phóng của Lênin và Lê Duẩn chưa hề thấy có dấu hiệu trở thành hiện thực trong đời sống nhân loại. Song thực tế lại đang chỉ ra rằng, nhìn chung, các nước công nghiệp mới (NIC) nhờ cách mạng hóa lý thuyết phát triển kinh tế của mình dường như đã bỏ qua giai đoạn công nghiệp hóa, đi thẳng vào nền kinh tế thông tin.

Ở Việt Nam, ngay từ năm 1960, Đại hội đảng cộng sản Việt Nam lần thứ ba đã xác định công nghiệp hóa là nhiệm vụ trọng tâm. Vậy mà đến nay, sau ba thập kỷ rưỡi, đất nước vẫn ở trong tình trạng lạc hậu, kém phát triển. Mặc dầu đã có những thành tích vượt bậc của gần mười năm đổi mới, chúng ta vẫn còn là một trong 20 nước nghèo nhất thế giới. Tuy đã có điều chỉnh từ "điểm mấu chốt trong công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là ưu tiên phát triển công nghiệp nặng. Công nghiệp nặng là nền tảng của kinh tế xã hội chủ nghĩa"<sup>4</sup>, sang "ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp đúng đắn công nghiệp và nông nghiệp; xây dựng kinh tế trung ương đồng thời phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế với quốc phòng"<sup>5</sup>, những năm qua công nghiệp hóa ở nước ta vẫn hướng mục tiêu chính vào việc nâng cao khả năng tự đáp ứng các nhu cầu của sản xuất và đời sống trong nước. Cho rằng, ưu tiên phát triển công nghiệp thì có thể tự giải quyết các nhu cầu về vật tư, trang bị kỹ thuật, thay thế nhập khẩu. Cho rằng, với phương thức hướng nội, đóng kín thì có thể xây dựng được nền kinh tế độc lập, tự chủ.

Sai lầm nghiêm trọng đó đã bắt nhân dân ta thêm một lần trả giá quá đắt, sau rông rà bao năm chiến tranh.

Nhận thức đúng xu thế thời đại và khả năng thích ứng của đất nước để lựa chọn đúng đắn con đường đi lên hiện đại hóa phải là

một yêu cầu hết sức nghiêm túc đối với chúng ta trước một dân tộc đã phải hy sinh quá nhiều, chịu đựng đau thương mất mát quá nhiều. Dứt khoát không thể để một lần nữa lại phạm sai lầm.

Trong thực tế, chúng ta đang đứng trước nhiều khó khăn thử thách gay gắt: "Nền kinh tế kém phát triển, lạm phát chưa kìm chế vững chắc; nguồn vốn còn hạn chế, phải đương đầu với cuộc cạnh tranh quyết liệt về kinh tế và thương mại. Tình hình quốc phòng - an ninh còn phức tạp. Công tác giáo dục và đào tạo, nghiên cứu và triển khai chưa theo kịp yêu cầu. Đội ngũ cán bộ còn yếu, bố trí, sử dụng chưa hợp lý..."<sup>6</sup>. Song, nhất định chúng ta phải có những lợi thế rất quan trọng đủ sức thuyết phục nhiều nhà kinh tế thế giới tin vào tương lai "hóa rồng" và khả năng đóng góp vào "sự thần kỳ Đông Á" của Việt Nam.

Vấn đề là chúng ta xác định như thế nào về những lợi thế đó?

Theo nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành trung ương đảng cộng sản Việt Nam khóa 7 thì nước ta có những lợi thế quan trọng để phát triển là: "Chế độ chính trị ưu việt. Vị trí địa lý - kinh tế thuận lợi. Nguồn nhân lực dồi dào, giá công nhân tương đối rẻ, tài nguyên đa dạng. Nhân dân ta có nhiều khả năng học hỏi kinh nghiệm, và tiếp thu công nghệ tiên tiến trên thế giới".

Ngày nay người ta thường cho rằng xã hội muốn phát triển nhanh cần dựa vào ba yếu tố chủ yếu: kỹ thuật hiện đại, vốn và con người. Ba yếu tố này quan hệ mật thiết với nhau nhưng, suy cho cùng, con người là yếu tố quan trọng hơn cả. Thật vậy, ngày nay con người không chỉ có khả năng sáng tạo nên kỹ thuật hiện đại mà trí tuệ của con người còn có thể được vật phẩm hóa ở qui mô công nghiệp, linh hoạt thông qua nhiều công nghệ trí tuệ.

Theo Alvin Toffler - nhà tư tưởng xã hội, nhà tương lai học Hoa Kỳ nổi tiếng - thì trí thức đã biến thành nguồn tư liệu quan trọng cho công nghiệp vì nó là sản phẩm thay thế cuối cùng và có tính vô hạn. Ông cho rằng trí thức có thể thay thế được tiền vốn (tư bản). Nhà doanh nghiệp lớn Vittorio Mecloni - chủ tịch Tổng hội Công thương Italia - cũng xác nhận: "Nền kinh tế Italia tiến triển là vì chúng tôi nhất trí làm giảm bớt nhu cầu của tư bản. Điều ấy chứng tỏ một giai cấp nghèo nàn áp dụng phương pháp "tư bản đồng hạng" thì có thể cải thiện được nền kinh tế".

Theo nhận định của bản nghị quyết nêu trên, ngoại trừ lợi thế quan trọng hàng đầu: "Chế độ chính trị ưu việt"<sup>7</sup>, khả năng tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta là rất nhỏ. Bởi vì, hai yếu tố cần thiết: vốn và kỹ thuật hiện đại đều được liệt vào hàng những vấn đề "khó khăn thách thức gay gắt", còn yếu tố tiềm lực trí tuệ con người thì chỉ được xếp cuối cùng trong danh mục các lợi thế.

Có lẽ cách sắp xếp thứ tự các lợi thế quan trọng trong bản nghị quyết "phát triển công nghiệp, công nghệ tới năm 2000 theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng giai cấp công nhân" là ngược.

Giáo sư Duyt Perkin thuộc Viện Phát Triển Quốc Tế Harvard, sau một số năm nghiên cứu nghiêm túc đã rút ra kết luận: "...Khác với các nước nghèo khác, Việt Nam nghèo bao nhiêu về



đất đai thì lại giàu bấy nhiêu về nhân lực... Nhiều người Việt Nam rất có năng lực trong việc tổ chức và quản lý các công trình lớn...".

Nhà xã hội học Hoa Kỳ, Sony Efron, qua bài viết "Thực trạng cộng đồng người Việt ở Mỹ" cũng phải thừa nhận: "Xét cho cùng, cái mà những người Việt Nam tị nạn mang theo chính là học thức và tư chất ưu tú của họ".

Ở những nơi có đất dụng võ, trí tuệ con người Việt Nam rất dễ thăng hoa. Nhiều tài năng Việt Nam đã chiếm những đỉnh cao khoa học kỹ thuật và trong niềm ngưỡng mộ của bạn bè thế giới. Tại một thành phố Hoa Kỳ, người ta đã thống kê được mặc dù học sinh Việt Nam chỉ chiếm 7% tổng số học sinh ở 11 trường trung học nhưng có đến 23% số học sinh ưu tú ở đây là người Việt Nam.

Trong khi đó ở chính tại nước nhà, trí thức bị coi rẻ và nói chung không được tin tưởng như các thành phần xã hội khác. Đảng tuyên bố rất trịnh trọng trong các văn bản, nhưng lời nói thường không đi đôi với việc làm. Nghị quyết 37 của Bộ Chính Trị Ban chấp hành trung ương đảng khóa V từng đã ghi: "Cần nâng cao tỷ lệ đầu tư tài chính cho hoạt động nghiên cứu và triển khai lên khoảng 2% thu nhập quốc dân". Vậy mà, cho đến nay sau hơn chục năm kể từ công bố đó, mức đầu tư cho khoa học chỉ được khoảng 1% tổng chi ngân sách, tức là khoảng bốn phần nghìn thu nhập quốc dân.

Sự rã đám và tàn lụi của lực lượng khoa học kỹ thuật ở nước ta đang diễn ra như một thảm họa. Trong khi xu thế chung của thời đại là tiến vào nền văn minh trí tuệ với đặc trưng cơ bản là sự phát triển không dựa vào các nguồn dự trữ tự nhiên mà chủ yếu dựa vào trí thức khoa học và công nghệ có khả năng tái sinh và tự sản sinh thì trước mắt chúng ta lại xuất hiện một khoảng trống trí tuệ rất đáng sợ. Ở các trường phổ thông thì chỉ một phần ba số học sinh tiểu học muốn và có điều kiện học hết trung học. Đội ngũ cán bộ giảng dạy đại học thì có thể thấy qua một kết quả điều tra là: 95% số người có học hàm Giáo sư, 71% số người có học hàm Phó giáo sư, 67% số người có học vị Tiến sĩ, 49% số người có học vị Phó tiến sĩ hiện công tác ở trường Đại Học Tổng Hợp Hà Nội đã ngấp nghé về hưu. Những con số tương tự ở trường Đại Học Bách Khoa Hà Nội là: 100% Giáo sư, 83% Phó giáo sư, 87% Tiến sĩ, 55% Phó tiến sĩ.

Thiết bị khoa học - công cụ không thể thiếu để triển khai các đề tài nghiên cứu - thì thật là thiếu nảo. Hiện trạng tới 91% thiết bị khoa học đang có ở ta thuộc thế hệ của các thập niên 50-60-70, trong đó, 37,8% thuộc thế hệ từ thập niên 1950. Chỉ có 35% số thiết bị đang sử dụng tương đối tốt với năng suất bình quân 4 giờ/ngày. Số còn lại (52%) không thể tham gia hoạt động vì thiếu cơ sở vật chất đảm bảo kèm theo.

Tại sao người ta lại chỉ lo lắng đến hết hoảng về nguy cơ của khoảng trống quyền lực trong khi để lấp đầy trở lại khoảng trống quyền lực chỉ cần tính tháng, tính năm, còn muốn lấp đầy khoảng trống trí thức cần đến hàng thập kỷ, hàng thế hệ.

Chưa bao giờ kể si nói riêng và trí thức nói chung bị coi rẻ như bây giờ. Tại sao Đảng lại cứ phải hô hào "đảng viên phải biết làm giàu" và qui định giàu có là một trong 5 tiêu chuẩn để được bầu vào cấp ủy<sup>8</sup>, trong khi mà một cô gái quê thời xa xưa đã biết "chẳng tham ruộng cả ao liền, chỉ tham cái bút cái nghiên anh đồ".

Cách mạng vô sản áp dụng vào Việt Nam đã giúp chúng ta đánh đuổi giặc ngoại xâm, giành độc lập dân tộc. Tuy nhiên nền văn hiến, đức hiếu học, tinh thần tôn sư trọng đạo lại bị xâm hoại ghê gớm. Hãy đọc lại lời mở đầu của bản Khế ước làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An: "Trọng đạo thánh hiền, quý người cầu học, khuyến khích nghề nông, trọng người tuổi tác,

hậu việc đưa ma, ngay làm tập tục, bỏ việc xa xỉ, cấm điều gian dối...". Bản khế ước này tồn tại trong khoảng từ năm 1600 đến 1918.

Tôi thật thấm hiểu sự ngậm ngùi của các trí sĩ khi thốt lên "bao giờ cho đến ngày xưa" là như vậy.

Ở Việt Nam ngày nay, trí thức không được đối xử bình đẳng kể cả đến khi đã chết. Ở Nghĩa trang Quốc gia Hoa Kỳ, tôi được thấy các nhà khoa học cùng nằm bên các vị tổng thống và mọi người dân thường. Ở Pháp, điện Panthéon được dành yên nghỉ cho những nhà văn hóa lớn, nhà tư tưởng, nhà khoa học bằng tài năng sáng tạo của mình đã từng làm rạng danh đất nước. Nghĩa trang Mai Dịch của ta chủ yếu chỉ dành cho các vị lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các nhà chính trị, quân sự. Có thể nói 99,9% ở đây dành cho Đảng.

Khi nói đến tiềm năng con người được xem như lợi thế để phát triển kinh tế cần nhìn vào tính ưu việt của tư chất trí tuệ con người Việt Nam. Tôi thực sự xấu hổ khi thấy bản nghị quyết của Đảng nêu yếu tố "Giá nhân công tương đối rẻ" là một thế quan trọng để phát triển. Nếu như vậy, vừa không đúng, vừa rất tàn nhẫn. Chúng ta hiện đại hóa đất nước và xây dựng giai cấp công nhân để làm gì? Để giá công nhân cứ tương đối rẻ mãi hay sao! Bởi vì, theo cách nhận thức của bản Nghị quyết thì khi nhân công không còn rẻ tức là không còn lợi thế quan trọng để phát triển. Chẳng trách gì các nhà tư bản nước ngoài và các ông chủ tư bản mới Việt Nam tha hồ đim giá lương người làm thuê của ta. Ai dám kêu gào, nhoe nhoe thì họ trừ dập, hăm hại, kẹp đầu vào háng để đánh đòn.

Đình công, bãi công đang nổ ra ngày càng nhiều, qui mô ngày càng lớn. Và, điều chua chát tất yếu xảy ra: một bộ phận công nhân sẽ trở thành đối tượng đàn áp của chính cái gọi là chuyên chính vô sản.

Đối với mọi chủ trương, đường lối, mọi chính sách lớn nhỏ, không bao giờ được xem con người là phương tiện, mà phải là mục đích.

Ngày xưa, khi nghe giảng trong các bài chính trị kinh tế học: "Người là vốn quý nhất", tôi đã thấy không mấy hài lòng. Tôi chỉ muốn nói đơn giản hơn: "Người là quý nhất".

Cho nên không nên gấn vấn đề xây dựng giai cấp công nhân vào quá trình hiện đại hóa đất nước nữa. Càng không nên khẳng định khiên cưỡng rằng: "Giai cấp công nhân Việt Nam... ngày nay lại đang đi đầu trong sự nghiệp đổi mới và công nghiệp hóa, hiện đại hóa"<sup>6</sup>.

Ngày nay, không thể còn áp dụng mãi thủ đoạn Goebbels, cứ nói lấy được thì rồi sẽ được nữa.

Hãy thử đọc cả phần trích đoạn nói về giai cấp công nhân trong bản Nghị quyết "Giai cấp công nhân Việt Nam thông qua Đảng tiên phong của mình đã lãnh đạo cách mạng nước ta trong hơn nửa thế kỷ qua, ngày nay đang đi đầu trong sự nghiệp đổi mới và công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhưng trong quá trình chuyển sang cơ chế mới, đã có nhiều biểu hiện coi nhẹ vị trí, vai trò của giai cấp công nhân... Chưa chú trọng bồi dưỡng ý thức giai cấp, trình độ kiến thức và tay nghề, lương tâm nghề nghiệp, tác phong công nghiệp... cho công nhân. Chưa làm tốt việc chăm lo lợi ích tạo ra động lực trực tiếp kích thích công nhân sáng tạo..."<sup>6</sup>.

Vì sao giai cấp công nhân đã đang đi đầu trong sự nghiệp vì đại của dân tộc mà lại bị coi nhẹ? Ai đi đầu? Ai coi nhẹ?

Một giai cấp còn thiếu rất nhiều tư chất: thiếu ý thức giai cấp, thiếu trình độ kiến thức và tay nghề, thiếu lương tâm nghề nghiệp, tác phong công nghiệp... thì làm sao lãnh đạo nền công nghiệp hiện đại được? Một giai cấp lãnh đạo thì phải làm được sứ mệnh chăm lo lợi ích tạo ra động lực trực tiếp kích thích lao động sáng

tao cho toàn xã hội chứ sao lại bắt xã hội làm việc đó cho mình?

Karl Marx chỉ tìm thấy ở giai cấp công nhân sứ mệnh lịch sử là xóa bỏ áp bức, bóc lột, giải phóng cho mình, đồng thời giải phóng cho toàn nhân loại.

Ngày nay, khi mà phương thức sản xuất mới càng ngày càng dựa vào thông tin, tri thức và văn hóa, khi mà cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại đã làm cho các yếu tố của lực lượng sản xuất xã hội phát triển vượt bậc và thay đổi về chất, khi mà xã hội sẽ đòi hỏi phải có sự phối hợp hài hòa giữa công nghệ cao cấp (high tech.) với sự giao tiếp tinh tế (high touch), giữa nền công nghiệp dựa trên trí tuệ với tiềm năng của con người thì giai cấp công nhân, nếu còn tồn tại thật, cũng không thể là giai cấp trung tâm và tiên phong của xã hội nữa. Vai trò đó phải thuộc về tầng lớp trí thức khoa học - kỹ thuật và khoa học xã hội - nhân văn. Tầng lớp trí thức là chủ thể của xã hội vì họ là lực lượng cơ bản thúc đẩy lịch sử tiến lên. Họ là lực lượng sáng tạo ra tri thức, tin học và công nghệ mới.

Trước đây chúng ta đã phi lý bao nhiêu khi tụng niệm câu thần chú: "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có con người xã hội chủ nghĩa" (chủ nghĩa Mác-xít nói vật chất là cái có trước, tinh thần là cái có sau, chưa có chủ nghĩa xã hội thì làm sao có được con người xã hội chủ nghĩa?) thì ngày nay chúng ta càng sai lầm bấy nhiêu nếu cứ phải tôn giai cấp công nhân làm giai cấp lãnh đạo.

Trong thực tế, không thấy tồn tại giai cấp công nhân nữa vì theo định nghĩa kinh điển thì giai cấp phải là "những tập đoàn to lớn của những người khác nhau về địa vị của họ trong một hệ thống sản xuất xã hội nhất định, khác nhau về quan hệ của họ đối với những tư liệu sản xuất, về vai trò của họ trong tổ chức lao động xã hội, và như vậy khác nhau về cách thức hưởng thụ và về phần của cải xã hội mà họ không được hưởng" .

Người công nhân Việt Nam hiện nay trong cả thành phần kinh tế quốc doanh, kinh tế tư doanh... ở ngoài lề xã hội. Trong lĩnh vực quốc doanh có người được làm việc trong các tập đoàn công nghiệp lớn, có người ở các xí nghiệp nhỏ. Trong lĩnh vực tư doanh, có người vận hành các thiết bị tối tân trong xí nghiệp liên doanh hiện đại, có người ở một công ty nội địa thô sơ, có người chỉ được thuê mướn tạm thời trong sản xuất hộ gia đình. Phương thức lao động của họ rất khác nhau, thu nhập cũng chênh lệch nhau có khi đến vài chục lần. Họ không còn đồng sàng nên tất nhiên sẽ dị mộng. Họ không còn chia ngọt sẻ bùi nên không cùng chí hướng nữa.

Tôi không biết khi nói chế độ chính trị của ta ưu việt người ta hiểu rằng nó là phản ánh thượng tầng kiến trúc của một xã hội nào? Trong thực tế, cho đến nay, Việt Nam về cơ bản vẫn là một nước nông nghiệp lạc hậu.

Dân số nước ta hiện nay là hơn 70 triệu. Tám mươi phần trăm đang sống ở nông thôn. Họ đóng góp đến 75% tổng số lao động xã hội. Hiện nay họ sống ra sao?

Tôi đã gặp, không phải ở vùng xa xôi hẻo lánh mà ngay những chỗ chỉ cách tỉnh lộ, huyện lộ không đầy 1 km; những gia đình anh Pha, chị Dậu, lão Hạc... Và, nguy hiểm hơn, cả chí Phèo. Hoàn toàn không phải là sự so sánh một cách hình tượng. So sánh tuyệt đối bằng sử dụng toán học cơ bản cổ điển cả về vật chất lẫn tinh thần đấy. Tôi cũng biết, các bà mẹ anh hùng, và gần đủ tiêu chuẩn anh hùng, cũng ở xung quanh đó thôi. Những lúc ấy tôi đứng ngẩn ngơ, nghĩ rằng hình như các vị lãnh đạo Đảng, Nhà nước rất ít khi hoặc không thể đến những chỗ như thế này.

Khoảng 30 triệu người đang sống vất vưởng nghèo túng ở nông thôn. Theo Tổng cục Thống kê, 45,6% nông hộ thuộc diện nghèo và 10% thuộc diện rất nghèo. Nghèo theo cả nghĩa tương

đối lẫn tuyệt đối. Thậm chí còn đói thật sự nữa! Theo định nghĩa của Liên Hiệp Quốc, nghèo tương đối là khi mức thu nhập chỉ bằng 1/3 của mức thu nhập bình quân, nghèo tuyệt đối, tức là không có khả năng mua một lượng sản phẩm tối thiểu để sống. Rất nghèo ở Việt Nam gồm những người có mức thu nhập bình quân tương đương trị giá khoảng 60 USD mỗi năm. Thu nhập bình quân hàng năm của mỗi người trong 10% số hộ nông dân ta hiện nay không đủ mua một chai rượu ngoại cho các vị giám đốc, tổng giám đốc chiêu đãi bạn bè và các vị quan chức. Thật là cảm cảnh!

Muốn làm gì và làm cách nào để phát triển đất nước thì trước hết cũng phải ưu tiên giải quyết vấn đề nông thôn. Ngoài các lý do kinh tế - xã hội, ưu tiên giải quyết vấn đề nông thôn ở Việt Nam còn là yêu cầu bức xúc của đạo lý, của nghĩa tình. Chín mươi phần trăm xương máu đổ ra cho các cuộc chiến tranh vừa qua là từ nông thôn. Tuy giương rất cao khẩu hiệu công nông liên minh nhưng Đảng tỏ ra không mấy bận tâm hay thậm chí tuồng như vong ơn nông dân ngay từ khi cất xén lời di chúc của Hồ chủ tịch để hồng trốn tránh việc miễn giảm thuế nông nghiệp cho nông dân sau ngày chiến thắng.

Các quốc gia thành công trong phát triển để "hóa rồng" đều bắt đầu bằng việc xây dựng kinh tế nông thôn vững chắc, sau đó mới chuyển sang xuất khẩu hàng công nghiệp và tự sản xuất các mặt hàng thay thế nhập khẩu.

Ở nước ta có lẽ không nên vội vàng đầu tư ồ ạt để nâng cấp các thành phố lớn, ngay cả cho thủ đô Hà Nội và thành phố Sài Gòn. Chưa cần triển khai mạnh việc hình thành các tam giác đô thị lớn. Trước hết phải đầu tư nâng cấp hạ tầng cơ sở nông thôn, tạo điều kiện "đô thị hóa" nông thôn từng bước, từng bước.

Sẽ không hay ho gì nếu vì nôn nóng công nghiệp hóa để rồi xây dựng nên những thành phố ngổn ngang, ô nhiễm, ùn tắc như Bangkok.

Chưa công nghiệp hóa mà đô thị nước ta đã bị ô nhiễm ghê gớm. Tại Hà Nội, không khí bị ô nhiễm, khí SO<sub>2</sub> gấp 14 lần, ô nhiễm khí CO<sub>2</sub> gấp 2,2 lần tiêu chuẩn cho phép. Các sông hồ nội thành bị ô nhiễm chì, thủy ngân, crom nặng nề, chỉ số BOD<sub>5</sub>, NO<sub>2</sub>, NH<sub>4</sub> đều cao hơn tiêu chuẩn cho phép.

Tại Sài Gòn, các chất thải rắn, lỏng từ 700 nhà máy và 30.000 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp đã gây ô nhiễm không khí, nước và đất. Xung quanh các cơ sở sản xuất có các kim loại nặng như chì, crom, thủy ngân... với hàm lượng lớn hơn 20 lần tiêu chuẩn cho phép. Bụi bẩn vượt tiêu chuẩn 70 lần. Các khí khác vượt 6 lần.

Chúng ta thường sinh học tập Trung Quốc nhưng bây giờ sẽ không sai lầm nếu học hỏi để vận dụng kinh nghiệm của họ trong việc xây dựng các hương trấn và phát triển các đơn vị kinh tế cấp hương trấn. Ở Trung Quốc, các đơn vị loại này đã tăng trưởng nhanh hơn nhiều so với các nhà doanh nghiệp quốc doanh lớn và chính chúng đã mang lại sức sống cho toàn ngành công nghiệp Trung Quốc.

Phát triển nông thôn không phải chỉ vì nông thôn mà vì cho cả thành thị. Diện tích đất canh tác bình quân đầu người ở ta khá thấp (0,1 ha/người), trình độ cơ khí hóa nông thôn rất kém (50% số doanh nghiệp nông thôn chỉ dùng công cụ cầm tay; 15,5% sử dụng công cụ nửa cơ giới, chỉ 39,4% có sử dụng máy chạy điện): lại do những chính sách sai lầm trong thời gian qua nên nông thôn Việt Nam rất trì trệ, tối tăm. Đại hội đảng lần thứ VI mới chỉ vừa cho phép sửa đổi đôi chút qua chính sách khoán 10 mà trong vòng mười năm qua năng suất lúa bình quân đã tăng gấp rưỡi, từ 20 tạ/ha lên 35 tạ/ha, làm cho sản phẩm nông nghiệp đã chiếm tỷ trọng 36% GDP. Tuy nhiên, mỗi lao động nông nghiệp của ta chỉ nuôi

được từ 3 đến 5 người, trong khi ở các nước phát triển chỉ số này là từ 20 đến 30 người.

Nếu đảm bảo cho giá cả nông sản hợp lý hơn và xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đúng mức thì năng suất nông nghiệp sẽ còn tăng với nhịp độ không kém các khu vực khác. Khi có thu nhập cao hơn, đời sống khấm khá hơn, nông dân ngày càng mua hàng sản phẩm công nghiệp nhiều hơn cũng như có nhu cầu lớn hơn về hàng hóa và dịch vụ để hỗ trợ cho sản xuất ngày càng tăng, do đó sản xuất của các ngành phi nông nghiệp tại thành phố sẽ phát triển theo.

Nhờ điều tiết hợp lý bằng cách hạn chế đầu tư quá mức vào khu vực thành thị để tăng cường phát triển nông thôn nên tuy mức thu nhập bình quân đầu người của Indonesia chỉ bằng 1/3 của Thái Lan nhưng tỷ lệ dân số của Indonesia sống dưới mức nghèo khổ tuyệt đối thấp hơn nhiều so với Thái Lan.

Xóa đói, giảm nghèo ở nông thôn sẽ giúp ngăn chặn làn sóng người đổ về thành phố gây nên cảnh bực bội tại những khu nhà ổ chuột đau lòng như ở Châu Mỹ la-tinh và Châu Phi. Chẳng những thế, nâng cao mức thu nhập và cải thiện chất lượng đời sống nông thôn sẽ tạo sức hút người từ thành thị về nông thôn nếu không phải để làm nông nghiệp thì cũng là để tìm một môi trường thanh bình hơn, trong sạch hơn, đầm ấm hơn.

Năm 1989, dù chỉ được mời sang Washington dự Hội nghị Địa chất Quốc tế và năm 1991 để đọc báo cáo khoa học tại trường Đại học Texas A&M và Illinois-Chicago nhưng tôi đã tự tạo cơ hội may mắn tham quan một vài vùng nông thôn Hoa Kỳ. Một trong những ấn tượng tốt đẹp đọng lại trong tôi về xã hội Hoa Kỳ là ở đây chất lượng cuộc sống nông thôn không chênh lệch gì so với thành thị. Tuy một bên là cao vút những nhà chọc trời, một bên chỉ có những nhà một, hai tầng nhưng đều rất tiện nghi. Nhà ở nông thôn cũng trải thảm, trong nhà có ti-vi màu, vài chiếc điện thoại, dưới bếp có lò nướng, bếp điện, máy rửa bát, ngoài vườn có xe ô-tô cá nhân, xe tải nhỏ, thậm chí có cả xưởng máy và nhà du lịch tự hành (camping car). Nói chung, sự ổn định trong đời sống kinh tế nông thôn là kết quả hoạt động của tất cả các chương trình của chính phủ Hoa Kỳ trong 30 năm gần đây.

Từ những năm 70, dân số ở nông thôn Hoa Kỳ đã ổn định. Đã xuất hiện xu hướng một bộ phận dân thành phố chuyển về nông thôn không phải để làm việc mà chỉ để ở. Dân sống ở nông thôn không còn chỉ là những người làm nông nghiệp.

Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn như đường xá, hệ thống tưới tiêu, hệ thống cung cấp điện, mạng lưới thông tin liên lạc cũng khá tốn kém nhưng hệ số sinh lợi để thu hồi vốn thì lại rất chậm. Dầu sao Đảng và Nhà nước không nên để bị thu hút quá mạnh vào những dự án thu lợi có bề nổi, mà cần tỉnh táo tập trung cho những dự án về nông thôn để tạo thế phát triển hài hòa và bền vững cho cả nước.

Đối với nông thôn ngày nay, vấn đề hàng đầu không phải chỉ là phát triển nông nghiệp mà là chăm lo xây dựng kết cấu hạ tầng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng cường tiện nghi trí tuệ và giá trị xã hội cho nông dân. Bởi vậy có lẽ sự tồn tại của Bộ Nông Nghiệp là không thích hợp nữa. Một trong những yêu cầu bức xúc của bộ máy hành chính quốc gia là cần thành lập Bộ Phát Triển Nông Thôn. Bộ Phát Triển Nông Thôn phải là một trong những bộ lớn, ít nhất là ngang với Bộ Công Nghiệp.

Cần tiếp tục cảnh giác với "tư tưởng đại qui mô" còn rơi rớt sau cả một thời gian dài phải tụng niệm: "Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là phát triển đại công nghiệp" là "xây dựng nền đại công nghiệp cơ khí hóa...", v.v.

Cần phải biết trấn trở trước quyết định hình thành tổ chức tập đoàn này, tập đoàn kia. Trong những quyết định ấy, cái nào đúng

đắn, cái nào có sự len lỏi của mưu đồ cá nhân, lợi dụng quyền lực đem của cải của nhân dân vô cho bè lũ bộ hạ và họ hàng thân thích thành những "tên tư bản đỏ" béo mập. Chứng nào người ta còn có thể lợi dụng chiêu bài "phải luôn luôn bảo đảm thành phần quốc doanh là chủ đạo", một cách không hợp lý, chứng đó bọn "quan lại" còn có đủ điều kiện cấu kết với các phần tử xấu trong xã hội moi móc, cưỡng đoạt tài sản của nhân dân, của nhà nước để "biến công vi tư".

Số nợ tồn đọng khó đòi hoặc không thể đòi được đã lên tới 12.000 tỷ đồng + 200 triệu đô-la + 10 tỷ yen + hàng nghìn lượng vàng... là gì? Là hệ quả của sự lợi dụng chiêu bài trên để tạo nên cả một bát quái trận đồ, thiên la địa võng trong cái cơ chế không ra thị trường điều tiết cũng không ra tập quyền chỉ huy.

Nếu số tiền trên không bị lang thang phiêu bạt trong các biệt thự sang trọng, trong các xe hơi đắt tiền hơn cả xe hơi của chủ tư bản nước ngoài, trong các bữa tiệc linh đình... thì nhà nước đã có thể nâng cấp và xây thêm cho các em vài chục ngàn ngôi trường kang trang, với khoản đầu tư vài tỷ đồng cho mỗi cái.

Đất nước còn nghèo, phải bàn bạc thật sự dân chủ để lựa chọn được những phương án tối ưu cho những "công trình vĩ đại". Nhiều người vẫn không sao hiểu nổi tính hợp lý và sự cần thiết của việc xây dựng đường dây tải điện Bắc Nam dài tới 1.400 km. Lượng điện tải bằng đường dây này tương ứng với sản lượng của một nhà máy điện có công suất 500-600 MW.

Để giải quyết nhu cầu điện cho miền Nam có thể tính đến nhiều phương án khác nhau. Theo thống kê chưa đầy đủ của Bộ Năng Lượng, ta có hơn 400 vị trí thuận lợi để xây dựng các trạm thủy điện công suất từ 100 KW đến 20.000 KW. Tiềm năng thủy điện miền Nam thấp hơn miền Bắc nhưng năng lượng mặt trời và gió từ vĩ tuyến 16 trở vào hầu như có thể sử dụng quanh năm.

Tiềm năng khí đốt của Việt Nam nói chung và thềm lục địa phía Nam cùng với châu thổ sông Cửu Long nói riêng cũng rất lớn. Riêng lượng khí đốt đồng hành đang khai thác được ở mỏ Bạch Hổ đã chừng 150 triệu feet khối mỗi ngày. Nếu xây dựng gấp hệ thống ống dẫn vào bờ thì có thể sử dụng làm nhiên liệu cho một nhà máy điện chạy khí công suất 1.000 MW. Toàn bộ khối khí đó đang bị đốt bỏ ngay tại miệng giếng khoan trên biển. Tận dụng được toàn bộ nguồn khí đốt để biến thành điện năng thì chẳng những hoàn toàn thỏa mãn nhu cầu điện cho miền Nam mà còn có thể xuất khẩu.

Tài nguyên khoáng sản của ta rất phong phú, đa dạng. Ngoài dầu mỏ-khí đốt, đã phát hiện được hơn 4.000 mỏ và điểm quặng và các biểu hiện của gần 90 loại khoáng sản. Trong số đó, bẽ than antracit Đông Bắc có trữ lượng hàng tỷ tấn, than nâu vài trăm tỷ tấn, bauxit vài tỷ tấn, titan sa khoáng ven biển hàng chục triệu tấn, ngọc saphir, rubis có triển vọng lớn v.v... Cho đến nay mới có khoảng 300 mỏ của hơn 30 loại khoáng sản được đưa vào khai thác hoặc thiết kế khai thác.

Cần tăng cường thiết bị và các phương pháp hiện đại để chuẩn xác hóa công tác điều tra, thăm dò, thiết kế khai thác; đồng thời mở rộng mạng lưới hệ thống giao thông để đẩy mạnh khai thác, chế biến khoáng sản nhằm giải quyết việc làm và tăng thu nhập quốc dân thông qua xuất khẩu nguyên liệu và sản phẩm chế biến. Trong xu thế ngày càng xuất hiện nhiều dạng năng lượng mới, vật liệu mới nhờ các thành tựu vượt bậc của khoa học-kỹ thuật thế giới, không cần đắn đo quá nhiều đến việc để giành tài nguyên khoáng sản nhưng cần tiết kiệm tối đa và bảo đảm nghiêm túc yêu cầu bảo vệ môi trường khi tổ chức khai thác.

"Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu đáng kinh ngạc trong những năm đầu của quá trình chuyển sang một nền kinh tế thị trường. Trong vòng có bảy năm Việt Nam đã thực hiện được

những bước chuyển to lớn, nhanh hơn cả Trung Quốc và có hiệu quả cao hơn cả Nga và Đông Âu vào cùng thời điểm. Chính phủ Việt Nam có thể tự hào về những thành quả đã đạt được"<sup>10</sup>. Đây không phải là sự đề cao, cũng không phải lời tán dương của các bạn bè truyền thống mà là nhận xét của một chính khách Hoa Kỳ.

Chúng ta vui mừng và tự hào hơn khi giữ được ổn định xã hội trong tình trạng chủ nghĩa cộng sản, không phải bất ngờ nhưng đội ngọt, sụp đổ tan tành ở hầu hết các nước thuộc hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Mặc dầu vậy, không nên quá mừng phấn khởi và chưa thể lạc quan, tin tưởng. Cũng chính nhà nghiên cứu kinh tế đó lại nhận xét: "Khi đã quen thuộc hơn với thực tế Việt Nam, từ sự ngạc nhiên thích thú lúc ban đầu, các nhà quan sát có kinh nghiệm đi dần đến chỗ thất vọng, hoặc ít nhất thì cũng nản lòng. Đằng sau sự tăng trưởng rầm rộ, các nhà kinh tế phát hiện ra rằng cải cách kinh tế ở Việt Nam còn rất nhiều lỗ hổng, và những thành tựu đạt được cho tới nay là chưa vững chắc...".

Sau gần 10 năm tiến hành công cuộc đổi mới, ai cũng thấy đời sống vật chất của cả nước nói chung đã được cải thiện, tốc độ tăng trưởng kinh tế đã đạt tới con số 8% một năm. Xét đơn thuần về mặt kinh tế-tài chính, đây là con số kỷ diệu. Tuy vậy, xét cho cùng, sự tăng trưởng kinh tế nhanh sẽ chủ yếu chỉ đem lại uy tín nhất thời có tác dụng củng cố sự tồn tại của chính quyền đương thời. Bản thân nó là điều kiện cần chứ không thể là điều kiện đủ để chứng minh và bảo đảm sự phát triển xã hội lành mạnh. Trung Quốc đang trì trệ, suy thoái, sau khi sửa sai đã đạt mức tăng GDP là 13% vào năm 1992, 13,4% vào năm 1993. Vì sự tốc độ tăng trưởng kinh tế quá nóng sẽ gây tác động tiêu cực xã hội lớn nên Trung Quốc chủ trương giảm mức tăng GDP năm 1994 xuống chỉ còn 9% nhưng kết quả thực tế vẫn là 12%.

Từ ngày cầm quyền đến nay, tổng thống Bill Clinton đã giải quyết được nhiều vấn đề kinh tế rất xuất sắc, nhưng gần đây, khi trả lời phỏng vấn báo Newsweek, ông chỉ nhấn mạnh: "Hãy nhìn lại những gì tôi đã làm. Dĩ nhiên vẫn có những cứ liệu minh chứng cho việc làm sai trái của tôi ở cương vị tổng thống. Tôi nghĩ rằng việc chúng ta cố gắng tránh cho trẻ em dưới hai tuổi bị lây nhiễm, việc để mọi người tới trường, việc cấm mang vũ khí tấn công... là tốt".

Mọi chủ trương, đường lối chính trị-kinh tế không chỉ nhằm mục đích tự thân mà phải hướng tới bảo đảm xây dựng một xã hội công bằng, văn minh, nhân ái.

**Nguyễn Thanh Giang**

Chuyên viên địa vật lý - Cục Địa Chất Việt Nam  
Nhà riêng: Phòng 203- Nhà C17 - Thanh Xuân Bắc, Hà Nội

#### Chú thích:

<sup>1</sup> Nguyễn Thanh Giang, *Thư gửi BCH TƯ ĐCSVN*, ngày 20-11-1993.

<sup>2</sup> V.I.Lenin, *Toàn tập* - tập 31.

<sup>3</sup> Lê Duẩn, trong bài "*Giải đoạn mới của cách mạng và nhiệm vụ của Công đoàn*".

<sup>4</sup> Nghị quyết Đại hội ĐCSVN lần thứ II.

<sup>5</sup> Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 của BCH TƯ ĐCSVN.

<sup>6</sup> Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 của BCH TƯ ĐCSVN, khóa VII.

<sup>7</sup> Dwight H.Perkins, trong bài "*Chính sách công nghiệp hóa và xuất khẩu hàng công nghiệp ở Việt Nam*".

<sup>8</sup> Báo Nhân Dân, ngày 15-6-1994.

<sup>9</sup> *Từ điển triết học*, nhà xuất bản Tiến Bộ, Moskova, 1986.

<sup>10</sup> Jonathan H.Haughton, trong bài "*Cải cách kinh tế ở Việt Nam - Bức tranh tổng quát*".

(Tiếp theo trang 7)

## Đề nghị của nhà thơ Bùi Minh Quốc

...thức đổi tên thành Mặt Trận Tổ Yến. Tại sao lại hy vọng ông X rút lui? Xin thưa rằng khác với ông Huyền, bà Đại là những người suốt đời phục vụ độc tài không phân biệt "quốc gia" hay "cộng sản", miễn được dùng thì làm, thì ông X là người duy nhất trong Mặt Trận Tổ Quốc hiện nay đã có nhiều tuyên bố trước kia, có lợi cho công cuộc đấu tranh cho dân chủ. Sự rút lui của ông X lúc đó là một bước nhảy vọt trong cuộc đấu tranh cho dân chủ mà kết quả thật quan trọng không lường trước được. Hiệu quả sẽ hơn gấp bội so với phương pháp "đấu tranh chui" cho dân chủ mà phần lợi cho Đảng Cộng Sản trong chủ trương cây kiềng, hữu danh vô thực, hơn hẳn phần lợi cho công cuộc đấu tranh vì dân giàu nước mạnh, vì dân chủ đã nguyên.

Đâu phải chỉ có "Mặt trận là nơi có thể trình bày một cách thẳng thắn những ý kiến ...". Nếu Đảng Cộng Sản chú ý thật sự ý kiến của người dân thì chỉ cần để tai ra ngoài phố cũng sẽ được nghe không biết bao nhiêu ý kiến thẳng thắn xây dựng. Khi tôi về thành phố Nha Trang vào đúng ngày 2-9, ở bãi biển trước khách sạn Hải Yến, chiều nào cũng thành lệ, một nhóm năm bảy người đã về hưu gặp nhau bàn tán các tin tức nghe được ở các đài VOA, BBC, RFI về Việt Nam. Tôi được nghe rất nhiều ý kiến trên bãi biển này, những dân bình thường đã về hưu như các cụ mà cùng nhận thấy hiện nay ý thức hệ Cộng Sản đã sụp đổ, thế giới đã bỏ con đường đối đầu, đã chuyển sang hợp tác hòa bình, đất nước đã chấp nhận kinh tế thị trường và nhất là xã hội đang băng hoại. Như thế, có nghĩa là đất nước nay đã hội đủ điều kiện để thực hiện hòa giải hòa hợp thật sự, đất nước không thể xem là của riêng của một đảng nào, một giai cấp nào. Các cụ còn nói thêm nếu phải chọn ngày Quốc Khánh, thì phải chọn ngày mà các thành phần dân tộc chịu hòa giải với nhau, xóa bỏ hận thù để cùng chung một mục đích là dân giàu nước mạnh, xã hội tự do dân chủ hoàn toàn. Tôi nghĩ rằng ý kiến của họ rất thẳng thắn cũng như những ý kiến đóng góp bất kỳ ở đâu. Ý kiến đóng góp ở Mặt Trận Tổ Quốc chỉ có thể cao hơn được nếu như Mặt Trận Tổ Quốc chấp nhận đề nghị của nhà thơ Bùi Minh Quốc cho ra tờ báo "Diễn đàn dân chủ" để loan báo những ý kiến công khai trên báo chí cho mọi người cùng biết. Chừng đó ý kiến thẳng thắn của ông X ở Mặt Trận Tổ Quốc sẽ có trọng lượng hơn ý kiến các cụ ở bãi biển Nha Trang.

Trở lại vụ gặp gỡ với một đoàn nợ qua công tác ở Châu Âu, anh trưởng đoàn sau đó đã nói riêng với tôi: "Các anh ở ngoài phải hỗ trợ, phổ biến thật rộng những tiếng nói lẽ phải ở trong nước. Qua sự mở cửa và kinh tế thị trường, các cụ càng bóp chặt càng trơ trên. Trước chúng tôi bị trừ thì hết đường kinh tế, nay có bị trừ cũng còn được vào kinh tế thị trường, nghĩa là còn kiếm sống lấy được. Từ từ người ta hết sợ áp lực của đảng. Mà hết sợ mới làm nổi cơ đồ. Thế nào rồi dân chủ cũng thắng, các anh đừng vội".

Chúng tôi không vội. Nhưng đất nước lại rất vội. Đảng cộng Sản vẫn ù lì ra đó, nguyên nhân của sự băng hoại của xã hội vẫn còn ù lì chưa giải quyết được. Càng đi tới đức tin này thì xã hội càng lún sâu!

**Mai Chi**

# YÊU NƯỚC HAY KHÔNG YÊU NƯỚC ?

Nguyễn Thành Nhân

Trong bài "Một cách nhìn cuộc chiến" (Thông Luận số 82 tháng 5-95) có lẽ vì muốn khơi mào cho một cuộc tranh luận, nên ông Nguyễn Gia Kiểng đã đưa ra một số lập luận, mà tôi, một thành viên Thông Luận, e rằng để gây ra ngộ nhận, bất lợi cho tinh thần hòa giải hòa hợp dân tộc giữa những người tâm huyết đang ủng hộ hay đấu tranh trên mọi tuyến cho tự do dân chủ.

Hòa giải hòa hợp là trước hết phải có một cái nhìn bao dung. Bao dung có nghĩa là phải thấy được cái dở cũng như cái hay của người khác. Thấy cái dở để góp ý sửa đổi, để khuyến khích tìm con đường đồng thuận trong tinh thần tôn trọng lẫn nhau. Nhìn nhận cái hay để mọi người dễ chấp nhận những sai lầm đã vấp phải mà cũng do sự am hiểu rằng tâm lý và tự ái con người không cho phép họ phủ nhận một cách tuyệt đối và toàn bộ quá khứ để không còn một niềm hãnh diện nào trong cuộc sống hôm nay và ngày mai.

Ông Kiểng nhận định rằng những người quốc gia hay cộng sản đã không yêu nước đúng theo nghĩa (ý nghĩa đó sẽ được diễn giải dưới đây). Cái tình cảm mà họ nghĩ là lòng yêu nước đó "chỉ là một ngộ nhận máy móc do ảnh hưởng của một nền giáo dục trong đó lòng yêu nước đã được áp đặt như một giá trị phải chấp nhận mà không được bàn cãi". Nói như vậy chẳng hóa ra lịch sử Việt Nam, với bao giai đoạn oai hùng chống ngoại xâm khiến cho mỗi người Việt Nam tự hào về đất nước mình, thật ra đã đầu độc chúng ta, làm chúng ta quên đi cái thực chất của lòng yêu nước? Những người đã chiến đấu ở hai chiến tuyến chắc khó mà chấp nhận cái quan điểm này, cho rằng họ đã không yêu nước như họ tưởng mà là yêu một cái gì đó mà bản thân họ đã không tự xác định được hay vì tiềm thức họ đã không cho họ thấy.

Vậy như thế nào mới là yêu nước?

Theo ông Kiểng thì đó phải là một "tình cảm tự nguyện của một con người có chọn lựa, do sự gắn bó mật thiết và hài hòa với đất nước." Ông Kiểng không nói hết ý là cái tình cảm tự nguyện đó có mục đích gì. Từ điển Pháp thì định nghĩa yêu nước (patriotisme) là yêu tổ quốc. Khái niệm về tổ quốc (patrie), về quốc gia (nation) là những khái niệm đa dạng, có khi đồng nghĩa, nhưng đã biến chuyển qua từng thời kỳ. Ví dụ như vào năm 1694, Hàn Lâm Viện Pháp chỉ định nghĩa nó như một tập thể những người có cùng một nguồn gốc, sống chung trên một mảnh đất, nói cùng một thứ tiếng. Ngày nay người ta hiểu nó là bầu trời, là mảnh đất, là bờ cõi, là dân tộc, là văn hóa, ... Như vậy có nghĩa là, theo ông Kiểng, con người trước hết phải sống trong một môi trường, một xã hội không áp đặt việc bảo vệ những giá trị đó (như ngày nay bên Pháp chẳng hạn công dân giáo dục không còn nữa) để rồi, một ngày đẹp trời, chọn lựa bảo vệ chúng thì mới là yêu nước. Sự chọn lựa yêu nước phải hoàn toàn không bị chi phối bởi những quyền lực hay ảnh hưởng bên ngoài cá nhân. Và cá nhân chọn lựa bảo vệ chúng vì nhiều lý do. Lý do thứ nhất mà ông Kiểng nêu ra là "sự hãnh diện về đất nước mình, hãnh diện như "người Pháp, người Anh, người Đức, người Nhật ... về những thành tựu văn hóa, khoa học", hãnh diện vì "là một dân tộc rất

nhỏ" như Thụy Sĩ, Hòa Lan "mà vẫn cạnh tranh thắng lợi" với các nước lớn hơn. Lý do thứ hai viện dẫn là quyền lợi mà đất nước đem lại cho người công dân như công ăn việc làm, công lý, giáo dục, ... cũng như ông Kennedy "đã được nước Mỹ tặng cho tất cả". Lý do cuối cùng, phản nghĩa lại với hai lý do đầu, là yêu nước không vì một niềm hãnh diện nào hết, như yêu như cha mẹ mình, con cái mình vì những người đó là của riêng mình.

Yêu nước vì quyền lợi hay vì hãnh diện đối với những thành tựu của nó, theo tôi nghĩ, chưa có ai đồng hóa cái tình cảm này với lòng yêu nước. Yêu nước phải là một tính toán lợi hại? Nếu như vậy thì quả những người đã hy sinh để bảo vệ bờ cõi của họ ngu thật, họ đã chết đi để cho người khác hưởng nhàn. Thông thường chỉ khi nào niềm tự hào dân tộc bị tổn thương dẫn đến những hành động bảo vệ nó mới được xem như yêu nước. Hành động bảo vệ đó lại bao hàm một ý niệm về hy sinh trong đó mức độ cao nhất là hy sinh tánh mạng bản thân. Còn bắt đầu từ mức độ hy sinh nào mới được xem là yêu nước thì là vấn đề chủ quan của mỗi người, chưa có một văn kiện nào quy định. Lý do thứ ba tương đối hợp lý với cái định nghĩa của ông Kiểng về lòng yêu nước hơn vì tình yêu cha mẹ hay con cái là một tình cảm tự nguyện, không tính toán, bất chấp mọi hoàn cảnh khiến cho con người có thể chấp nhận những hy sinh về vật chất, tinh thần hay quyền lợi của bản thân. Đối với lý do này thì ông Kiểng lại lập luận rằng tổ quốc Việt Nam đã và đang bị chiếm đoạt bởi một nhóm người nên người ta cũng không còn lý do để yêu nó nữa trừ khi nó trở thành "một tổ quốc bao dung và hiền hòa". Tổ quốc và chế độ là hai phạm trù riêng rẽ, chỉ gắn bó với nhau trong một giai đoạn lịch sử nào đấy mà thôi. Chế độ CS này sẽ đổ nhưng tổ quốc ta sẽ vẫn còn đó. Nhưng ở đây thì có thể nghĩ rằng ông Kiểng hòa nhập hai hình ảnh với nhau để mơ tưởng đến một tổ quốc tươi đẹp trong đó hai phạm trù quán quện lấy nhau, đất nước và chế độ không còn cách biệt trong lòng người dân. Nhưng chúng ta cũng phải nghĩ rằng chính sự tước đoạt tổ quốc bởi những kẻ đã đi làm đường nhưng nay tham quyền cố vị mới là nguyên nhân chính đáng cho mọi người yêu nước chân chính sát cánh đứng lên đấu tranh giành lại chủ quyền về tay toàn dân. Về tay toàn dân qua một chính quyền được bầu lên một cách dân chủ.

Ông Kiểng không nhìn nhận tính chất thuần túy yêu nước của những người CS ngay cả lúc ban đầu, khi phần lớn những đảng viên CS chưa biết nội dung cái chủ nghĩa CS như thế nào. Người ta chỉ hứa hẹn cho họ một thiên đường xã hội trong đó không còn cảnh người bóc lột người, không còn bóng ngoại xâm, khi đó đang là vấn đề day dứt nhất của những thanh niên mới lớn lên, lòng mang bao hoài bão góp phần vào việc giải phóng quê hương và dân tộc khỏi ách thực dân Pháp. Lý tưởng này đã nung nấu cả một thế hệ thanh niên Việt Nam, dù là quốc gia hay cộng sản. Có khác chăng là cái hậu thuẫn bên ngoài mà hai phe đã đi tìm. Các lãnh đạo CSVN đã khôn khéo chọn lựa hậu thuẫn, nếu không muốn nói là sự chỉ đạo, của một cái khối chính trị đang trong thời



kỳ hưng thịnh, khối cộng sản. Những người quốc gia, trái lại đã chọn những con ngựa què, phát động phong trào Đông Du để tìm hậu thuẫn của Nhật chẳng bao lâu thì bị Nhật trục xuất sau khi đã thỏa ước với Pháp.

Qua thời kỳ đối đầu với Mỹ thì ông Kiểng lại phê phán người CS đã hy sinh quá nhiều sinh mạng người Việt. Đối với lãnh đạo một quốc gia, bắt đầu từ con số tử vong nào thì có thể đánh giá là lãnh đạo đó không yêu dân mình? Tổng thống Lincoln có thương dân Mỹ trong cuộc nội chiến Nam Bắc với trên 600 000 người chết không hay lại chỉ vì tham vọng cá nhân? Tướng de Gaulle có thương yêu dân Pháp không hay chỉ vì không chịu ở dưới quyền tướng Pétain ?

Nếu phê phán người CS thì chỉ có thể phê phán tổng quát trên một khía cạnh, nhưng khía cạnh này lại chi phối toàn bộ chủ trương chánh sách của họ. Đó là tính chất phi nhân của cái chế độ chính trị mà họ đã và còn đang áp đặt cho người VN. Thật không có gì lại mâu thuẫn bằng, phát sinh từ một nhận thức, một ý chí yêu công bằng xã hội, yêu quê hương, người CS lại xây dựng những chế độ bất công nhất và phi nhân nhất trên thế giới. Ngày nay, một số đảng viên CSVN còn bám víu vào cái tư tưởng Hồ Chí Minh để biện minh một cách chân thành cho sự tham gia của mình trong quá khứ vào cái màn bịp bợm quốc tế, cho cái trách nhiệm nặng nề của họ đối với dân tộc VN. Đó là điều dễ hiểu nhưng họ cần sáng suốt hơn, thoát ra khỏi cái gông tuyền truyền đã đầu độc họ trong mấy chục năm trời. Ông Hồ Chí Minh là người rất thông minh nhưng trên con đường tìm phương cách hữu hiệu nhất để giải phóng đất nước, ông đã bị mê hoặc bởi lý thuyết Mác xít, mù quáng áp dụng nguyên tắc chuyên chính vô sản, với châm ngôn cứu cánh biện minh cho phương tiện. Làm sao có thể phủ nhận rằng chính ông đã chỉ đạo tất cả những vụ tàn sát, đấu tố, trấn áp những kẻ không tuân theo ông. Làm sao có thể tin rằng ông không hề biết đến những trại tù khổng lồ của Stalin, những vụ thanh trừng vô nhân đạo bên Nga cũng như bên Trung Quốc. Phải đợi đến khi chiến dịch đấu tố, cải cách điền địa, động chạm cả đến gia đình các đảng viên cao cấp, lúc đó ông mới tìm cách đầu dụ, làm như mọi việc đã không thông qua ông.

Tình nghĩa đồng bào không còn một giá trị nào nữa trong học thuyết cộng sản. Ông Hồ Chí Minh đã chọn giải pháp dùng bạo lực tiêu diệt tất cả những mầm mống chống đối. Do đó còn viện dẫn tư tưởng Hồ Chí Minh là còn chống dân chủ tự do. Nếu ông còn sống chưa chắc ông đã chấp thuận đi theo kinh tế thị trường, không chừng lại còn đi theo Fidel Castro hay Kim Nhật Thành. Lòng yêu nước là sự can đảm nhìn nhận là đã bị các nhà lãnh đạo CSVN lường gạt, lợi dụng lòng yêu nước của mình để từ đó góp sức với nhiều thành phần xã hội có chính kiến khác nhau, xây dựng một xã hội thực sự của con người, vì con người. Lòng yêu nước là sự căm phẫn trước bất bớ tùy tiện, trước thái độ xem thường quần chúng, xem thường công lý của chính quyền CSVN.

Đối với những người lãnh đạo của chế độ Việt Nam Cộng Hòa cũ, ông Kiểng cũng không thấy ở họ có biểu hiện lòng yêu nước. Nhận định này của ông có phần xác đáng đối với một số lớn các lãnh đạo nói trên nhưng ta cũng nên tránh gây cảm tưởng vu đũa cả nắm. Cuộc chiến đấu chống CS không phải chỉ có những người lãnh đạo đó. Nói rằng ông Thiệu dùng "ngôn ngữ của một tên lính đánh thuê" trong một bài diễn văn vào cuối tháng 4-75, rằng "với các tướng tá sau này vấn đề yêu nước không đặt ra", vô tình ông Kiểng lặp lại những luận điệu tuyền truyền của những

tổ chức thân cộng xa xưa và có thể xúc phạm đến những chiến sĩ VNCH đã vào sinh ra tử trong cuộc chiến tương tàn khi xưa. Vì nếu có những tướng tá chỉ biết trục lợi đục nước béo cò thì cũng có những tướng tá khác đã tin rằng họ đấu tranh để bảo vệ mảnh đất họ và gia đình con cái họ đang sống và để miền Nam không biến thành những trại goulag của những Stalin Việt Nam. Làn sóng những người di tản và sự sụp đổ của khối CS Đông Âu càng là một biện minh hùng hồn cho niềm tin đó.

Nhưng ta cũng đừng quên rằng chính người Mỹ đã dùng miền Nam như tiền đồn chống cộng của họ và khi nội bộ của họ lục đục họ đã buông rơi không thương tiếc. Đừng bao giờ quên trách nhiệm nặng nề đó của nước Mỹ để đừng mang những ảo tưởng hào huyền. Tuy nhiên thời thế đã thay đổi, thế giới đi vào một trật tự mới trong đó đấu tranh chính trị là hàng đầu. Lòng yêu nước của người quốc gia phải thể hiện qua sự kết hợp với tất cả những người yêu nước chân chính trên mọi tuyến trong cuộc đấu tranh giành chính quyền về tay nhân dân.

Nói tóm lại, có thể có lòng yêu nước đơn thuần không, hay bao giờ cũng phải có những yếu tố như môi trường, hoàn cảnh, cá tính hay tình cảm tác động hỗ tương với nhau để gây ra một phản ứng nào đó mà đôi khi được xem là hành động yêu nước? Người dân quê Việt Nam chỉ biết quê hương qua cái tầm nhìn của mình. Đó là thửa ruộng, vườn rau, đó là con kênh xanh, rặng tre ngăn vách hay hơi đất nồng sau cơn mưa... nhưng họ cũng đã chứng minh rằng họ sẵn sàng bảo vệ cái mảnh vù trụ đó khi có nguy cơ mất nó. Cũng có người cuốn hành trang đăng lính, vào bung vì những lý do rất bình thường như vì bất mãn với hoàn cảnh, thân phận, vì sự áp bức của một quận trưởng... Nhưng nguyên nhân rất tàn bạo và phong phú nhưng hậu quả hành động mới đáng quan tâm, nhất là khi những hành động đó hướng về xây dựng một tương lai chung. Những lý do bình thường gián tiếp có thể dẫn đến những hành động oai hùng cao cả và ngược lại những hành động đơn sơ chùng mực cũng có thể bắt nguồn từ những động lực đáng tôn vinh. Đi tìm một cách suy nghĩ thuần lý cho lòng yêu nước phải chăng là ảo vọng?

Muốn đánh giá lòng yêu nước của người khác, trước hết tôi nghĩ phải có một thái độ khiêm tốn, tôn trọng quá khứ của những người đã hoặc sẽ ý thức được hạnh phúc của dân tộc ngày hôm nay và mai sau chỉ có thể có trong một chế độ dân chủ đa nguyên. Cuộc chiến đó cần sức mạnh trong sự đồng thuận như ông Kiểng nói. Nhưng tạo đồng thuận bắt đầu bằng sự đặc nhân tâm. Trái với ông Kiểng, tôi nghĩ lòng yêu nước của người Việt từ mọi tuyến có thừa. Lòng yêu nước đó sẽ không cho phép bất cứ ai xem dân tộc VN như một bày thú, chỉ cần ăn no ngủ kỹ với cái kinh tế thị trường mà không nghe thấy những lời than oán từ những nhà tù chính trị vọng lại, không thấy cái thân phận cu ly mà dân ta đang phải đóng để làm giàu cho tư sản ngoại nhân. Những người có thời đã từng lên tiếng đòi tự do dân chủ, giải phóng dân tộc và vì công bằng xã hội, hơn bao giờ hết, phải tiếp tục đấu tranh. Lòng yêu nước không thể chỉ là một thú tiêu khiển của thời thanh xuân. Tôi tin rằng bao lâu đất nước còn những nhà tù để biệt giam những người tâm huyết vì họ tranh đấu cho những giá trị phổ biến của loài người như dân chủ, nhân quyền... chừng đó lòng yêu nước vẫn là ngọn lửa thôi thúc nghị lực của mọi lứa tuổi, mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam, trong cũng như ngoài nước.

**Nguyễn Thành Nhân**

# Chỉ có con đường duy nhất: lộ xác

Nguyễn Hộ

LTS: Chúng tôi xin giới thiệu với độc giả một bài viết mới của ông Nguyễn Hộ mà trong nước đã "ưu tiên chuyển ra cho TL (Pháp), NV và TK (Mỹ) nhờ công bố ở ngoài rồi trong mới phát hành". Ông Nguyễn Hộ hiện nay vẫn bị quản thúc tại Sài Gòn. Thông luận đã giới thiệu tài liệu "Quan điểm và cuộc sống" và tiểu sử của ông trong báo số 70, tháng 4-1994. Xin tóm lược là ông mới được 79 tuổi vào tháng 5 vừa qua. Ông đã bỏ ĐCSVN từ tháng 3 năm 1990, sau 54 năm là đảng viên với những chức vụ quan trọng.

## Phần Một

### 1. Lo âu và quả trách

Việc tôi bị bắt giam, quản thúc lần thứ hai vào sáng ngày 7-3-1994 diễn ra ngay sau cuộc hội nghị cán bộ của Trung ương ĐCSVN ngày 3-3-1994 tại Hà Nội. Trong Hội nghị này, ông Đỗ Mười, Tổng Bí thư, có bài phát biểu quan trọng. Ngoài ra, còn có bản nhận định tình hình và hướng dẫn hội nghị kèm theo của Ban Văn Hóa Tư Tưởng Trung Ương ĐCSVN. Toàn bộ nội dung hội nghị là nhấn mạnh khả năng "diễn biến hòa bình" có thể xảy ra ngay sau khi Mỹ bỏ cấm vận đối với Việt Nam: bởi lẽ theo hội nghị, Mỹ bỏ cấm vận vừa là thời cơ thuận lợi để xây dựng đất nước, đồng thời có nguy cơ làm tan rã chủ nghĩa xã hội (CNXH) và sự lãnh đạo của ĐCSVN. Cho nên, chống "diễn biến hòa bình" là nhiệm vụ cấp bách của mỗi đảng viên cộng sản.

Tuy hội nghị mang tính chất nội bộ nhưng các văn kiện quan trọng nói trên được lan truyền khắp thế giới sau đó không lâu. Điều đó cho phép dư luận quốc tế có thể nhận thức rõ hơn bản chất thật sự của Việt Nam hiện nay. Nội dung bài phát biểu của ông Đỗ Mười đã toát lên một loạt vấn đề đáng chú ý:

a. Một tâm trạng lo âu và như quả trách lực lượng lý luận đồng đảo của mình ở các cơ quan nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin, cơ quan khoa học xã hội, cơ quan văn hóa tư tưởng... tỏ ra "thụ động", đã không kịp thời phản kích các lập luận "thù địch" trong và ngoài nước về sự phá sản, cáo chung của chủ nghĩa Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới (Đông Âu cũ, Liên Xô cũ).

b. Với quan điểm giai cấp (vô sản) và đấu tranh giai cấp, ông Đỗ Mười đã khẳng định rằng "chủ nghĩa Mác-Lênin", "chủ nghĩa xã hội" là "sự lựa chọn đúng đắn" của ĐCSVN và, hiện nay, nó vẫn có "sức sống mãnh liệt" soi đường cho nhân dân Việt Nam tiến lên. Do đó, ĐCSVN hơn lúc nào hết phải ra sức bảo vệ chủ nghĩa Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội.

c. Khẳng định Việt Nam "không đi theo con đường tư bản chủ nghĩa vì mục tiêu lợi nhuận của một giai cấp, một nhóm người", mà "thực hiện một nền kinh tế thị trường theo định hướng chủ nghĩa xã hội, tức nền kinh tế thị trường có sự quản lý can thiệp của nhà nước, do ĐCSVN lãnh đạo, vì lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động".

d. Phát động đảng viên chống đa nguyên đa đảng và khẳng định sự độc quyền lãnh đạo của ĐCSVN, tiếp tục thực hiện sự chuyên chế độc tài ở Việt Nam. Điều đáng ngạc nhiên là ông Đỗ Mười chỉ biết hò hét, qui trách nhiệm cho các cán bộ trong các viện, các cơ quan nghiên cứu lý luận đáng lẽ "phải có thái độ, phải lên tiếng, tại sao lại ngồi yên ở thế bị động suốt mấy năm nay?". Và theo ông: "Sắp tới còn bị động nữa nếu ta không bàn và thống nhất với nhau, nhất là các viện nghiên cứu mà không nghiên cứu sâu thì không thể chủ động đấu tranh với địch được". Trong khi đó, chính bản thân ông tổng bí thư và các ủy viên bộ chính trị, những người đứng đầu ĐCSVN, để thực hiện chủ nghĩa Mác-

Lênin, chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam và là những người có trách nhiệm cao nhất trong việc bảo vệ nó lại cũng ngồi yên "án binh bất động" suốt mấy năm qua.

Như vậy so với các cán bộ nghiên cứu ở các viện, các cơ quan thì tinh thần bảo vệ chủ nghĩa Mác-Lênin, chủ nghĩa lãnh đạo của các ông lãnh đạo cũng không mấy gì khác lắm.

### 2. Nhân dân không có quyền phát biểu ý kiến của mình về chủ nghĩa xã hội

Đáng lẽ, với tư cách là những người đứng đầu Đảng cộng sản và nhà nước Việt Nam, các ông lãnh đạo cần có bài phát biểu chính thức và liên tục của mình trên các phương tiện truyền thông đại chúng để nhân dân cả nước được thấy, được nghe trực tiếp các lời phản kích chống lại các "lập luận thù địch" muốn phủ định chủ nghĩa Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội. Hoặc tốt nhất là các cơ quan lãnh đạo cần tổ chức nhiều cuộc hội thảo lớn công khai khắp cả nước để người dân, mỗi cán bộ, đảng viên có thể tự do phát biểu quan điểm của mình đối với chủ nghĩa Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội. Hội thảo lớn, công khai dân chủ trong cả nước sẽ đưa đến kết quả cụ thể sau cùng là có bao nhiêu người tán thành tiếp tục đi theo con đường chủ nghĩa xã hội và bao nhiêu người phản đối chủ nghĩa xã hội. Với 2-3 số phiếu, quan điểm nào chiến thắng sẽ được thực hiện trong cả nước sau đó. Đó là cách làm dân chủ nhất, được lòng dân và hợp lý nhất, giống như một cuộc trưng cầu dân ý thông thường ở các nước, chỉ có khác là vấn đề đặt ra được thảo luận, tranh luận công khai với thời gian cần thiết trước khi bỏ phiếu quyết định.

Sau khi Đông Âu và Liên Xô tan rã, vấn đề chủ nghĩa xã hội hay không chủ nghĩa xã hội đặt ra với tính cách khách quan, cấp bách và phức tạp, mà chỉ dựa vào ý kiến của một số ít người trong bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương ĐCSVN, thông qua nguyên tắc dân chủ tập trung, buộc hai triệu đảng viên chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết của cơ quan lãnh đạo tối cao của Đảng và từ đó, tiếp tục áp đặt chủ nghĩa xã hội - đại bộ phận trên đã chết trên thế giới- cho cả dân tộc Việt Nam với trên 70 triệu người phải răm rắp thực hiện, không được quyền có ý kiến ngược lại. Đó là cách làm lỗi thời, lạc hậu và thô bạo nhất xuất phát từ chính sách độc đoán, độc tài của cơ quan lãnh đạo ĐCSVN, bất chấp những biến đổi khách quan long trời, lở đất trên thế giới trong mấy năm qua (1989-1993), bất chấp những yêu cầu, nguyện vọng, dư luận âm ỉ của quần chúng nhân dân về sự cáo chung của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Mác-Lênin. Điều chắc chắn là trong thời gian ấy, lực lượng cán bộ nghiên cứu ở viện, các cơ quan không phải là thiếu tinh thần trách nhiệm đối với đất nước dân tộc, không phải không nắm vững chủ nghĩa Mác-Lênin trong khi họ vẫn lần từng câu từng chữ, từng chương sách kinh điển mác xít, không hề sai sót chút nào, mà chính là chủ nghĩa Mác-Lênin tự nó không còn sức sống để giải thích mọi thực tiễn sống động đang diễn ra khắp thế giới ngày nay. Cũng như chính bản thân tổng bí thư Đỗ Mười

và các ủy viên ĐCSVN không thể giải thích nổi hoạt động thực tiễn hàng ngày của mình khi nó được đối chiếu với chủ nghĩa Mác-Lênin, với những phát biểu và tuyên bố của bản thân mỗi người.

Thông thường, trong cuộc sống hàng ngày, ai ai cũng bươm chải, lo toan miếng cơm manh áo sao cho gia đình đỡ khó khăn, vất vả có một đời sống yên lành. Mặt khác, giữ gìn phẩm giá con người, đặc biệt con người đã từng theo đuổi cách mạng từ lâu lại càng quan trọng hơn. Nó không cho phép người cán bộ trung thực nhắm mắt làm càn trước những đảo lộn, những biến đổi toàn diện chưa từng có trong lịch sử thế giới. Phát biểu bừa bãi theo những giáo điều có sẵn cách đây gần tròn một trăm năm mươi năm (1848) vì biết đâu đó sẽ là sự tự hủy diệt cuộc đời cách mạng đáng trân trọng của bản thân mình, không ai tội gì lại đi tiêm thuốc để cứu chữa cho một xác chết. Người biết đắn đo suy nghĩ không ai lại tự biến mình thành "con thiêu thân". Người ta thường ra sức thúc đẩy sự phát triển của một xu thế mới vừa nảy nở, chớ không ai lại dốc toàn lực tiếp tục chạy theo một xu thế tàn tạ hoặc bám chặt vào toa tàu đang lao nhanh xuống vực thẳm.

### 3. Ai thực hiện "diễn biến hòa bình"?

Đề chống "diễn biến hòa bình" có hiệu quả, điều quan trọng đối với ông Đỗ Mười là phải nhấn mạnh với hội nghị về quan điểm, lập trường đấu tranh giai cấp (vô sản-công nhân) của ĐCSVN đã được khẳng định từ khi đảng này mới ra đời (1930), và phải dựa vào đó để ứng phó với tình huống trong quá trình "đổi mới" hiện nay. Những câu hỏi được đặt ra đầu tiên là ở Việt Nam đã có "diễn biến hòa bình" chưa? Ai thực hiện nó và nội dung cụ thể của nó ra sao?

Đại hội lần thứ 6 của ĐCSVN (12-1986) -Đại hội chủ trương đổi mới- là sự khởi đầu của công cuộc "diễn biến hòa bình" về kinh tế, chính trị ở Việt Nam, từ kinh tế xã hội chủ nghĩa (quốc doanh tập thể) chuyển sang nền kinh tế thị trường có nhiều thành phần bao gồm cả kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa (TBCN) bằng chỉ thị nghị quyết và luật pháp, chớ không có bạo lực đổ máu. Về góc độ chính trị của diễn biến nói trên cho thấy ĐCSVN đã chuyển từ lập trường giai cấp vô sản (sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể) sang lập trường của giai cấp tư sản (sở hữu cá thể, tư nhân tư bản chủ nghĩa trong và ngoài nước). Tuy nhiên đó chưa phải là sự chuyển biến của toàn bộ chế độ cả về kinh tế và chính trị ở Việt Nam.

"Diễn biến hòa bình" mà ĐCSVN thực hiện từ năm 1986 đã nâng tổng số vốn đầu tư của nước ngoài (TBCN) từ non 4 tỷ đôla vào đầu năm 1993 lên 5 tỷ đôla vào cuối năm 1994. Hàng trăm công ty tư bản trên thế giới vào Việt Nam làm ăn. Nhiều tổng thống, thủ tướng và cả công chúa, thái tử của các nước tư bản dồn dập đến thăm Việt Nam với hàng vạn đoàn đại biểu của các nước, gồm hàng chục vạn thành viên mà đa số là các nhà doanh nghiệp tư bản, chuyên gia, chính khách. Ngược lại, về phía mình, Việt Nam cũng có nhiều đoàn đại biểu cấp cao của nhà nước, thậm chí của ĐCS, với hàng trăm đoàn gồm hàng ngàn các nhà doanh nghiệp Việt Nam dồn dập đến thăm các nước phương tây, các nước tư bản ở các khu vực châu A, châu Úc, châu Âu, châu Mỹ,...

Nếu Hội nghị quốc tế Paris viện trợ cho Việt Nam vào tháng 11-1993 đã nhất trí cấp 1,8 tỷ đôla tín dụng cho Việt Nam thì giữa tháng 11-1994, hội nghị nói trên lại quyết định cho Việt Nam 2 tỷ đôla tín dụng. Tất cả tình hình nói trên cho thấy "diễn biến hòa bình" mà ĐCSVN thực hiện trong những năm qua (không hề bị

lên án và phản đối) đã làm cho Việt Nam ngày càng gắn chặt với các nước tư bản chủ nghĩa. Đồng thời, mặt khác, nó cũng làm cho các nước tư bản nói chung và các nước G7 nói riêng càng gắn bó với Việt Nam như đã từng gắn bó giữa các nước tư bản với nhau xưa nay; vì thực chất, Việt Nam đang đi giữa lòng qui đạo chủ nghĩa tư bản. Cho nên, quan điểm và lập trường đấu tranh giai cấp (của giai cấp công nhân) của ông Đỗ Mười nhấn mạnh nó lạc lõng làm sao với thực tiễn cuộc sống -thực tiễn hoạt động của ĐCSVN hiện nay.

### 4. Thỏa hiệp hay đầu hàng giai cấp?

Thực tiễn hoạt động của ĐCSVN hiện nay không thể giải đáp nổi những câu hỏi đặt ra về đấu tranh giai cấp:

- Tại sao Việt Nam xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của ĐCSVN lại xin gia nhập ASEAN (khối Đông Nam Á) thuộc tư bản, để quốc kẻ thù không đội trời chung và đã được ASEAN công nhận là thành viên chính thức?

- Tại sao Bộ chính trị ĐCSVN lại mời ông Lý Quang Diệu -cựu thủ tướng nước tư bản Singapore giàu có, người khét tiếng chống cộng sản Đông Nam Á- làm cố vấn đặc biệt về kinh tế cả về chính trị cho chính phủ và ĐCSVN?

- Tại sao ĐCSVN đã từng phát động nhân dân Việt Nam tiến hành cuộc chiến tranh cứu nước chống các đế quốc xâm lược Nhật, Pháp, Mỹ... giành độc lập tự do cho đến ngày toàn thắng, ngày nay lại khẩn thiết mời trên 50 nước tư bản, đế quốc, có cả Nhật, Pháp, Mỹ,... vào Việt Nam làm ăn kiếm lời?

- Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước trên thế giới hầu hết là các nước tư bản, đế quốc. Phải chăng ĐCSVN thừa nhận tư bản, đế quốc là bạn của mình, chớ không phải là kẻ thù căn bản phải tiến hành đấu tranh giai cấp để tiêu diệt?

- Điều kỳ lạ chưa từng có là các phương tiện truyền thông đại chúng duy nhất của ĐCSVN (báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình,...) không chút ngại ngùng lại quảng cáo rầm rộ hàng hóa tư bản và các hoạt động của các công ty tư bản tại Việt Nam như: IBM, MITSUBISHI, MOTORS, PEPSI COLA, COCA COLA, GOLDSTAR, HITACHI, KENWOOD, M 969M, PHILCO, TOSHIBA, CALTEX, SUZUKI, P. K. ELECTRONICS. Đặc biệt các phương tiện nói trên đã tuyên truyền khá mạnh về vai trò của gia đình họ Tống nói chung đối với cách mạng Trung quốc, trong đó vai trò nổi bật nói riêng của bà Tống Khánh Linh (vợ của Tôn Dật Tiên -Tân Trung Sơn- lãnh tụ vĩ đại của Quốc Dân Đảng và người lãnh đạo cuộc cách mạng tư sản dân quyền Tân Hợi năm 1911 ở Trung Quốc) và người em gái của bà là Tống Mỹ Linh (vợ của Trường Giới Thạch -cựu Tổng thống Trung Hoa dân quốc trước năm 1949). Phải chăng làm những điều "cấm kỵ" đối với ĐCSVN lâu nay như đã nói trên là để củng cố, nâng cao lập trường giai cấp vô sản của bản thân ĐCS?

Phải chăng ĐCSVN ra lệnh mở toang những tập hồ sơ, tài liệu về binh lính, sĩ quan Mỹ bị bắt làm tù binh và số binh lính sĩ quan Mỹ bị tử vong trên chiến trường Việt Nam để các đoàn nghị sĩ Mỹ đến xem tận mắt và nghiên cứu, đồng thời ra lệnh cho 40 tỉnh thành đảo bới cả nước để tìm kiếm hài cốt của binh sĩ Mỹ chết tại các chiến trận, đó là vì ĐCSVN kiên trì lập trường đấu tranh giai cấp hay vì lý do nhân đạo hay vì sức ép chính trị và kinh tế?

Các câu hỏi và sự kiện có mối liên quan xuyên suốt nói trên cho thấy đó hoàn toàn không phải là lập trường đấu tranh giai cấp (vô sản) của chủ nghĩa Mác-Lênin mà thực chất là thỏa hiệp giai

cấp đều thường được ĐCSVN khẳng định là "đầu hàng giai cấp".

Rõ ràng, trên thực tế, ĐCSVN đã vút bỏ từ lâu cái lập trường giai cấp vô sản ấy đi rồi khi bước vào giai đoạn "đổi mới" - cải cách và mở cửa.

#### 5. Lãnh đạo ĐCSVN đến thăm các nước tư bản "thù địch" được đón tiếp trọng thể ?

Nghe ông Đỗ Mười cất cao giọng: "Ngày nay, cuộc đấu tranh giai cấp vẫn tồn tại và tiếp tục tồn tại. Cuộc đấu tranh ai thắng ai giữa độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản đang diễn ra", người ta không khỏi kinh ngạc khi nhớ lại cuộc đi thăm các nước tư bản Singapore, Thái Lan, Malaysia của ông tổng bí thư vào đầu năm 1994 vừa qua và cuộc đi thăm Cộng hòa Triều Tiên (tư bản chủ nghĩa) - nước kẻ thù không đội trời chung của Việt Nam XHCN- và nghỉ mát an dưỡng tại đây, chớ không phải tại Bắc Triều Tiên XHCN đồng chí của ông Cố vấn BCH TƯ ĐCSVN Nguyễn Văn Linh vào cuối năm 1993. Người ta hình dung: để cho cuộc đi thăm "hữu nghị" đạt kết quả cao và khi máy bay vượt Thái bình dương đến các nước chủ nhà, các lãnh đạo tối cao nói trên của Việt Nam chắc chắn đã ném cái lập trường đấu tranh giai cấp, mác-xít quý giá ấy của các ông xuống tận đáy đại dương, nhằm mục đích không cho một ai có thể tìm lại được nó và để cho các ông được nhẹ nhàng, thoải mái, tự do, không còn vướng mắc điều gì trong tư tưởng để hân hoan bước xuống sân bay, đi trên thảm đỏ, có đội quân ngự lâm bằng súng dàn chào thẳng tắp - biểu hiện sự đón tiếp nồng nhiệt, trân trọng của các nước chủ nhà (các chính phủ tư bản) đối với vị "khách quý" Việt Nam (cộng sản). Thật là điều hiếm có trong lịch sử, từ đó đặt ra nhiều câu hỏi liên quan đến bản chất của sự việc.

Vào thời điểm đối diện với các nước tư bản thật sự, với các vị tổng thống, thủ tướng và nhiều nhà doanh nghiệp tư bản của các nước mà mình đến thăm này, các ông cố vấn và tổng bí thư, đặc biệt ông Đỗ Mười, không thể không hồi tưởng lại những gì ông đã làm với lập trường đấu tranh giai cấp kiên định để có "chủ nghĩa xã hội ưu việt" tại Việt Nam như ông đã từng chỉ đạo công cuộc cải tạo XHCN đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh - đánh tư bản vào những năm 1956-1957-1958 ở nửa nước miền Bắc XHCN và đánh tư sản vào những năm 1977-1978, sau khi miền Nam được giải phóng và thống nhất đất nước (30-4-1975). Người ta còn nhớ lúc bấy giờ, trước đông đảo cán bộ, với động tác, cử chỉ quen thuộc hàng ngày: đi tới, đi lui, vỗ bàn, vỗ ghế, thậm chí vỗ ngực, đưa tay chỉ chỗ vào cử tọa và hét to rằng: "Chúng ta là những người cộng sản, chúng ta phải tiêu diệt của riêng, sở hữu cá thể, tư nhân, tiêu diệt giai cấp tư sản, giai cấp bóc lột ăn bám và chủ nghĩa tư bản, tịch thu toàn bộ tư liệu sản xuất của họ, thực hiện công cộng hóa chúng, biến chúng trở thành sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, để trên nền tảng đó chúng ta xây dựng thắng lợi XHCN, đem lại tự do, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân lao động và tiến lên "xây dựng chủ nghĩa cộng sản" trên phạm vi toàn thế giới - thế giới đại đồng. Giai cấp tư bản là giai cấp ăn bám, chủ nghĩa tư bản bóc lột tận xương tủy nhân dân lao động, gây ra bao cảnh lầm than, đói nghèo chết chóc cho nhân dân lao động".

Những suy nghĩ chốc lát về quá khứ ấy trong lúc đang đối diện với các vị chủ nhà mến khách, đậm đà tình hữu nghị, ông tổng bí thư Đỗ Mười tự thấy mình trước sao mà lỗ bịch và khoác lác đến thế. Phải chỉ có phép "thần thông quảng đại" như Tôn Ngộ Không chắc ông đã biến hóa đi mất rồi. Nhưng vì không có phép đó nên ông đành bình tĩnh ngồi yên và tiếp tục đối thoại,

đàm đạo với các vị lãnh đạo chủ nhà trong không khí cởi mở chân thành. Sự thật ngày nay, chính công cuộc xây dựng và phát triển toàn diện của các nước tư bản mà các ông đến thăm đã chinh phục được các ông không khó khăn lắm. Vì vậy, vấn đề đặt ra rất cấp bách đối với các ông là làm sao cho Việt Nam có thể đuổi kịp các nước nói trên vì hiện nay, Việt Nam đang được xếp vào những nước nghèo và lạc hậu nhất trên thế giới (thu nhập bình quân đầu người chỉ có 200 đôla Mỹ). Do đó điều quan trọng và khẩn cấp không phải là tiếp tục bám vào ảo tưởng, chạy theo những suy luận viển vông, giáo điều mà là tiếp thu những giá trị toàn diện về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội,... của các nước nói trên và các nước tư bản tiên tiến bởi mắt thấy tai nghe và sờ mó trực tiếp được. Tất nhiên, sự thật là đánh thép nhất, nó đánh bại mọi thứ nguy hiểm. Cho nên, khiêm tốn và chân thành học tập kinh nghiệm của các cường quốc kinh tế, các con rồng kinh tế là điều tốt nhất, khôn ngoan nhất của mỗi người Việt Nam hiện nay...

#### 6. Tầm gương của các cường quốc kinh tế, các "con rồng" kinh tế

Thực tiễn lịch sử xã hội loài người đã từng chứng minh những điều kỳ lạ. Các nước phát xít Đức, Ý, Nhật trước kia là những nước đã từng phát động chiến tranh thế giới lần hai (1939-1945) gây nhiều tội ác với nhân loại và cuối cùng đã bị đánh bại, phải đầu hàng lực lượng Đồng Minh (Anh-Pháp-Mỹ-Liên Xô và Trung Quốc), chịu sự khống chế toàn diện từ 1945 trở đi bởi phe Đồng Minh thắng trận do Mỹ và Liên Xô đứng đầu.

Đi vào khôi phục xây dựng lại đất nước bị chiến tranh tàn phá, ba nước Đức-Y-Nhật có những điều kiện và hoàn cảnh giống nhau, tiếp tục đi theo con đường cũ tư bản chủ nghĩa của mình và biết dựa hẳn vào các nước tư bản để quốc thắng trận, đặc biệt dựa hẳn vào nước Mỹ - một cường quốc tư bản chủ nghĩa đứng đầu thế giới. Từ đó, với ý nhân nại tự lực tự cường vượt đau khổ, thất lưng buộc bụng, cần cù lao động dầy sức sáng tạo, nước Nhật đã trở thành cường quốc kinh tế thứ hai trên thế giới ngày nay, sau nước Mỹ. Nước Đức cũng trở thành cường quốc kinh tế thứ ba sau Mỹ và Nhật. Còn nước Ý thì trở thành một trong bảy nước giàu có nhất trên thế giới là G7. Tương tự như các nước nói trên, Cộng hòa Triều Tiên (Nam Triều Tiên) và Đài Loan đã trở thành những con rồng kinh tế châu Á ngày nay. Đặc biệt Đài Loan có khối lượng dự trữ ngoại tệ thuộc loại lớn nhất thế giới (90 tỷ đôla), sau Nhật Bản. Còn hai nước XHCN Trung Quốc và Việt Nam càng đấu tranh giai cấp theo chủ nghĩa Mác-Lênin, càng cải tạo XHCN, càng tiêu diệt sở hữu cá thể tư nhân, xóa sạch giai cấp tư sản, kinh tế tư sản và lợi nhuận bằng bạo lực, cưỡng bức, tước đoạt thì đất nước càng xơ xác, càng chìm sâu trong đói khổ lầm than, nghèo nàn lạc hậu. Nhưng khi thức tỉnh ra biết mềm dẻo bắt tay với tư bản để quốc thì đất nước chuyển động khác thường theo hướng đi lên. Cui Mỹ là "con cọp giấy" và hô hào "Gió Đông thổi bạt gió Tây" (XHCN đánh thắng TBCN) vào thập niên 50, 60. Về sau, Trung Quốc - nước XHCN đầu tiên - chính thức bắt tay với Mỹ (để quốc tư bản lớn nhất thế giới) bởi hiệp ước Thượng Hải do tổng thống Mỹ Nixon và thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai ký kết vào tháng 2-1972. Từ đó quan hệ Trung-Mỹ phát triển mạnh mẽ trên các mặt. Đó là điều kiện và thời cơ thuận lợi để ông Đặng Tiểu Bình phát động cải cách kinh tế và mở cửa ra bên ngoài vào năm 1979. Sau 15 năm "học tập chủ nghĩa tư bản và làm theo mô hình tư bản chủ nghĩa" (còn gọi là "chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc"), ngày nay Trung Quốc trở thành nước đi đầu thế giới về tăng trưởng kinh tế và trong một tương lai không

xa sẽ trở thành một cường quốc kinh tế trên thế giới.

Tương tự như vậy, Việt Nam sau 8 năm "đổi mới" - cải cách và mở cửa (1986-1994) - tăng trưởng kinh tế hàng năm là 8%, được cả thế giới hoan nghênh và đánh giá rằng Việt Nam sẽ trở thành con rồng kinh tế ở Châu Á vào đầu thế kỷ 21 tới đây. Tất cả những điều được trình bày trên đây đã chỉ ra rằng con đường phát triển xã hội loài người là con đường tư bản chủ nghĩa không thể đảo ngược được. Chủ nghĩa tư bản - một xã hội trân trọng và bảo vệ sở hữu cá thể và quyền tự do cá nhân của mỗi người, chế độ kích thích tạo ra lợi nhuận, từ đó tạo ra tất cả mọi thứ để đáp ứng kịp thời các nhu cầu của xã hội. Từ buổi sơ khai cách đây bao nhiêu nghìn năm và do cuộc sống cấp bách, loài người đã sáng tạo ra chế độ tư hữu và qua đó thúc đẩy xã hội loài người phát triển không ngừng qua các thời kỳ nô lệ, phong kiến và tư bản ngày nay. Chế độ tư hữu là của nhân dân quần chúng, là sự thật khách quan. Còn chế độ công hữu (sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể) là chế độ tư suy nghĩ (chủ quan) của ba nhà bác học lớn trên thế giới Karl Marx, F. Engels, V. I. Lênin mà có và thông qua các ĐCS đã thực hiện nó trên phạm vi rộng lớn của thế giới từ thập kỷ 20 của thế kỷ 20. Nhưng vì nó không phải là của nhân dân (nhân dân bị cưỡng bức chấp nhận nó), nó thiếu sức sống nên chỉ tồn tại trên 70 năm thì biến mất, không những ở Liên Xô và Đông Âu cũ mà còn ở Trung Quốc, Việt Nam, Mông Cổ, Campuchia... Như vậy, chế độ tư hữu tại những nơi này đã trở về với những người đã đẻ ra nó, với hầu hết loài người trên quả đất. Trên thế giới ngày nay, có trên 200 nước là thành viên của Liên Hiệp Quốc mà hầu hết là những nước tư bản chủ nghĩa. Như vậy, có rất nhiều mô hình mà Việt Nam có thể học tập. Cụ thể như Nam Triều Tiên, Malaysia, Singapore, Thụy Điển, Hòa Lan, Na Uy, Tây Ban Nha, Anh, Pháp, Đức, Ý, Nhật, Úc, Mỹ, Canada, ... Không lẽ trong số đó không có mô hình thực tiễn nào (không phải mô hình trong sách vở) mà Việt Nam học tập được sao? Hay chỉ có mô hình của bản thân Việt Nam với bình quân thu nhập đầu người hàng năm là 200 đôla mới "xứng đáng" cho chúng ta tự học tập và phát huy lên sao?

Đã gọi là giá trị - những gì tinh tế nhất, tốt đẹp nhất - trên các lãnh vực của các nước tư bản thì ta có học tập và vận dụng nó vào nước ta. Còn những gì không phù hợp, thậm chí có hại, thì ta không học làm gì, bởi lẽ ta có quyền chọn lựa mô hình nào thích hợp với nước ta, với xu thế của thời đại văn minh, chứ không có sự bắt buộc nào cả.

### 7. Đấu tranh giai cấp: ai thắng, ai thua?

Ông Đỗ Mười hò hét "đấu tranh giai cấp ai thắng ai giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản" trong khi những người lãnh đạo ĐCSVN, kể cả tổng bí thư, phải chạy đôn chạy đáo khắp thế giới (tư bản chủ nghĩa) để vận động các nước viện trợ cho Việt Nam càng nhiều đôla chừng nào càng tốt chừng ấy. Rõ ràng thế giới đã thay đổi quá nhiều, còn tư tưởng của ông tổng bí thư thì không thay đổi gì cả, y hệt tư tưởng năm 1930 (khi ĐCSVN ra đời) cách đây 65 năm. Điều đó cho thấy ông không hề chịu thích nghi với sự phát triển của lịch sử. Bài phát biểu ngày 3-3-1994 tại Hà Nội của ông minh chứng là ông phải tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh giai cấp chống chủ nghĩa tư bản như hồi ông chỉ huy chiến dịch cải tạo xã hội chủ nghĩa đánh tư sản ở miền Bắc và miền Nam trước đây. Dường như tính chất cay cú muốn tiêu diệt chủ nghĩa tư bản ấy của ông đã dẫn đến hậu quả là làm cho ông lâm bệnh (rối loạn não trạng) sau những năm 1957-1958 (cải tạo xã hội chủ nghĩa - đánh tư sản ở nửa nước miền Bắc xã hội chủ nghĩa) và phải

nghỉ việc đi nằm bệnh suốt 5-7 năm. Vì vậy, ngày nay, với máu cay cú đó, ông tổng bí thư vẫn lớn tiếng "Chúng ta dám chơi, nhưng đã chơi là phải thắng, không được phép thua, tư tưởng không được thua, chính trị không được thua, kinh tế không được thua mà phải thắng".

Ông tổng bí thư và tập thể lãnh đạo của ông nói rất hăng, rất hùng hổ về đấu tranh giai cấp chống chủ nghĩa tư bản là cốt để che đậy sự quay lưng 180 độ của các ông đối với lập trường đấu tranh giai cấp chính thống của mình (chủ nghĩa Mác-Lênin) bằng những hành động nổi cộm không sao dấu diếm được, biến đấu tranh tấn công tiêu diệt chủ nghĩa tư bản thành thỏa hiệp đầu hàng chủ nghĩa tư bản: đồng đôla là đồng tiền của nước Mỹ tư bản, để quốc lớn nhất thế giới, ngày nay lại trở thành linh hồn tiền tệ, tài chính của nước CHXHCNVN, linh hồn của mọi tính toán, mọi kế hoạch kinh tế, xã hội của ĐCSVN. Do đó, hơn lúc nào hết, Việt Nam phải gắn rất chặt với phương Tây tư bản chủ nghĩa như đã từng gắn chặt với Liên Xô, Đông Âu xã hội chủ nghĩa trước đây nếu không thì công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế, xã hội của Việt Nam sẽ sụp đổ. Tất nhiên, cả thế giới đều lấy đồng đôla làm nền tảng để tính toán mọi vấn đề mặc dù mỗi nước đều có đồng tiền riêng của mình, thì Việt Nam - nước thuộc loại nghèo và lạc hậu nhất - muốn hòa nhập vào cộng đồng quốc tế (tư bản) thì làm sao có thể đứng ngoài xu thế đó được? Ở Việt Nam, hiện nay đông đảo người dân các thành phố đều biết rất rành việc mua bán, tiêu xài đồng đôla, trong đó phải kể đến "vị trí nổi bật" của một số vợ con các ông lãnh đạo cao cấp ĐCSVN. Đó phải chăng đó là "thắng lợi về tư tưởng, chính trị, kinh tế" của ĐCSVN đối với chủ nghĩa tư bản, với phương Tây? "Đấu tranh giai cấp" và "phải thắng chứ không được thua" của ông Đỗ Mười là như thế đấy ư? Tuy nhiên, điều đó chứng tỏ một nghịch lý là, đối diện với chủ nghĩa tư bản, ĐCSVN và chủ nghĩa Mác-Lênin thua to, thất bại nặng, còn đất nước và nhân dân Việt Nam thì "được mùa lớn", thắng lợi to (theo hướng phồn vinh, giàu mạnh, đời sống nhân dân ngày càng tốt hơn) hay nói cách khác: khi ĐCSVN thắng để quốc tư bản trong chiến tranh giải phóng, giành độc lập dân tộc và đi vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, triệt tiêu mọi hình thức kinh tế cá thể, tư nhân tư bản chủ nghĩa thì hậu quả sau cùng là đất nước chìm đắm trong đói nghèo, lạc hậu, nhân dân cơ cực lam than suốt hơn 30 năm dài. Ngược lại, ngày nay, khi ĐCSVN buộc phải "đổi mới", chấp nhận phục hồi sự phát triển kinh tế cá thể tư nhân, tư bản chủ nghĩa trong và ngoài nước, bắt tay với tất cả các nước tư bản, để quốc trên thế giới (kể cả gia nhập ASEAN) - tức đã thua tư bản để quốc trong xây dựng hòa bình - thì đất nước Việt Nam sôi động, phơi phới đi lên theo hướng phồn vinh, giàu mạnh, ấm no, hạnh phúc, văn minh, hiện đại.

"Đổi mới" - "diễn biến hòa bình" từ chủ nghĩa xã hội đích thực sang chủ nghĩa tư bản đã phơi trần sự thua to trên các lãnh vực tư tưởng, chính trị, kinh tế của ĐCSVN trước chủ nghĩa tư bản đồng thời bác bỏ lời tuyên bố huênh hoang như đã nêu trên của ông Đỗ Mười.

### 8. "Gậy ông đập lưng ông" được không?

ĐCSVN về bản chất chủ nghĩa tư bản, coi đây là cái vú sữa vô cùng quan trọng của nước CHXHCNVN, lại vừa tích cực chuẩn bị mọi điều kiện để khi tình hình cho phép sẽ thực hiện "lý tưởng cộng sản chủ nghĩa cao đẹp" của mình, tấn công tiêu diệt chủ nghĩa xã hội. Đó là nhiệm vụ chức năng hàng đầu của ĐCSVN và chủ nghĩa xã hội. Và lại, nếu không thực hiện được nhiệm vụ nói trên thì chủ nghĩa xã hội và ĐCSVN sẽ trở nên vô nghĩa. ĐCSVN



rất tâm đắc về việc sử dụng "gậy ông đập lưng ông", gậy tư bản đập lại tư bản, sử dụng viện trợ của tư bản để cuối cùng quật ngã chủ nghĩa tư bản ngay trên mảnh đất Việt Nam và cả thế giới. Thật là thú "mưu lược tài tình" của ĐCSVN đang nhìn các nước tư bản kể cả phương tây như giun, như đế bằng con mắt "Điện Biên Phủ", "30-4-1975" đầy ngạo nghễ? Nhưng ông tổng bí thư đã quên rằng với đường lối "đổi mới", ĐCSVN đã làm tiêu tan khí phách oai hùng Điện Biên Phủ", 30-4 của dân tộc Việt Nam trong nội bộ ĐCS, rầm rập làm theo mọi điều chỉ dẫn xây dựng hòa bình theo mô hình tư bản chủ nghĩa, được các nước tư bản đế quốc hết lời ca ngợi và sẵn sàng viện trợ mạnh mẽ cho Việt Nam phát triển. Và lại, bằng sức mạnh kinh tế, chính trị, quân sự của mình, đồng đảo các nước tư bản đế quốc đội ngũ chính tề, đàn chào thẳng tắp hai bên đường để nhiệt liệt hoan nghênh và bảo vệ Việt Nam "qua cầu tư bản" đi đến đích: chủ nghĩa tư bản.

Như vậy hậu quả không phải là "gậy ông đập lưng ông" mà chính là "đã đập vào những ai mang tư tưởng xơ cứng, bê tông hóa, những ai không chịu học bài học "xe trước đổ, xe sau phải tránh", không chịu tự thay đổi mình cho phù hợp với khách quan cũng tức là đập vào những ai không có bản lĩnh sử dụng "gậy ông". Một lý do đơn giản là hàng trăm nước tư bản đế quốc bao vây rất dễ dàng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa "còn sống sót", chứ một nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam bị cô lập làm sao có thể bao vây hàng trăm nước tư bản đế quốc được. Từ đấy, ta có thể hiểu rõ cái gọi là "mưu sâu" nói trên của ĐCSVN hóa ra rất là nông cạn, không chịu tự hiểu mình đang là gì và sẽ ra sao? Và cứ một mực "kiên định lập trường" như Liên Xô, Đông Âu cũ trước đây?

#### 9. Hòa giải giữa các kẻ thù

Hòa giải hòa hợp giữa các kẻ thù với nhau là xu thế mới của thế giới ngày nay sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt:

- Hòa giải giữa cộng hòa Liên bang Nga và các nước cộng hòa khác thuộc Liên Xô cũ với Mỹ và phương Tây.

- Hòa giải giữa Trung Quốc và Mỹ, Anh, Nhật và phương Tây nói chung, với Nam Triều Tiên, Ấn Độ, Việt Nam, Indonesia nói riêng.

- Hòa giải giữa Việt Nam với Mỹ, Pháp, Nhật và phương Tây nói chung, với Trung Quốc, ASEAN, Nam Triều Tiên nói riêng.

- Hòa giải giữa Israel với Palestine và dần dần với các nước Ả Rập khác.

- Hòa giải giữa Mỹ với Bắc Triều Tiên và giữa hai miền Nam-Bắc Triều Tiên với nhau,...

Xu thế hòa giải giữa các kẻ thù nói trên đòi hỏi các nước này có những nỗ lực lớn để vượt lên những tư tưởng dân tộc cực đoan và hận thù dân tộc nhằm đạt mục tiêu quan trọng cấp bách của thời đại là: đối thoại, hòa bình, hợp tác và phát triển. Từ xu thế đó, hòa giải hòa hợp giữa các kẻ thù trong một nước càng trở nên khẩn cấp (Campuchia, Nam Phi,...) coi đó là sự sống còn của các nước, của các dân tộc. Không chân thành hòa giải hòa hợp thật sự trên cơ sở dân chủ, bình đẳng thì cái giá phải trả là: đẫm máu kéo dài. Giai cấp là một bộ phận nhỏ của dân tộc. Trong khi hòa nhập vào cộng đồng thế giới (tư bản) và phải thực hiện hòa giải hòa hợp dân tộc (còn nhiều vấn đề nghiêm trọng) thì ông tổng bí thư ĐCSVN Đỗ Mười lại hò hét đấu tranh giai cấp là điều hết sức lỗi thời, hết sức sai lầm bởi nó sẽ dẫn tới nhiều tội ác.

Trong điều kiện ngày nay, nhấn mạnh sắc tộc, tôn giáo, giai cấp, đảng phái một cách cực đoan là xô đẩy dân tộc, đất nước vào

con đường sát hại lẫn nhau đẫm máu. Do đó, khi đọc xong bài phát biểu ngày 3-3-1994 tại Hà Nội của ông Đỗ Mười, báo "Diễn đàn" (Forum) ở Pháp, trước khi đăng toàn văn bài phát biểu ấy trên tờ báo của mình đã có mấy nhận xét ngắn gọn và chính xác: "Thật ra, mỗi sự bình luận là nhằm vì trình độ của các luận điểm nêu ra trong bài cũng phản ánh trình độ lý luận và ngộ cụt tư tưởng hiện nay trong các văn kiện của ĐCSVN. Song chúng tôi cho rằng, độc lập với trình độ lý luận, bản thân bài phát biểu là một chứng từ có giá trị tâm lý, xã hội học về lãnh đạo ĐCSVN hiện nay".

#### 10. "Qua cầu tư bản" sẽ đi tới đâu?

Quả vậy, sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới (Liên Xô và Đông Âu cũ) tất nhiên là tín hiệu về sự phá sản của học thuyết Mác-Lênin bởi vì mọi thành quả đạt được ở các nước xã hội chủ nghĩa luôn luôn được đánh giá là nhờ có chủ nghĩa Mác-Lênin soi sáng, chỉ đường. Cho nên, khi cả hệ thống XHCN tự nó tan rã thì không có sự biện hộ nào đứng vững được về sự sụp đổ tất nhiên của bản thân chủ nghĩa ấy. Thế nhưng ĐCSVN thì khẳng khái không chấp nhận thực tiễn khách quan ấy và vẫn cho rằng: "Dù phải trải qua những bước thăng trầm, học thuyết Mác-Lênin vẫn mãi mãi đầy sức sống vì nó xuất phát từ thực tiễn, phản ánh quy luật của lịch sử, thể hiện khát vọng của nhân dân lao động ở tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức". Và để chứng minh điều đó, Việt Nam đang xây dựng nền kinh tế thị trường "theo định hướng XHCN", không "phải đi theo con đường tư bản vì mục tiêu lợi nhuận của một giai cấp, một nhóm người nào" mà "phải thực hiện tư tưởng của Lênin: Một nước chậm phát triển muốn tiến lên CNXH phải qua cầu tư bản nhà nước, dùng hình thức tư bản và dùng tư bản để xây dựng CNXH".

Có điều tư tưởng "chính sách kinh tế mới: qua cầu tư bản" để xây dựng chủ nghĩa xã hội được V. I. Lênin vạch ra sau cách mạng tháng 10 Nga thành công và ông đã mất vào năm 1924. Năm 1928, Đại hội ĐCS Liên Xô đã quyết định hủy bỏ chính sách kinh tế của Lênin. Do đó, suốt kỷ nguyên Xô Viết (1917-1991) và ở hầu hết các nước XHCN Đông Âu, Á châu chưa hề có thực tiễn nào được tổng kết để chứng minh rằng bằng lợi dụng "qua cầu tư bản" đã tới mục tiêu CNXH cả. Nhưng trước cuộc khủng hoảng của hệ thống XHCN trong các thập kỷ 60,70 hai nước XHCN ở châu Á: Trung Quốc (1979) và Việt Nam (1986) đã tiến hành cải cách kinh tế và mở cửa ra bên ngoài (hay gọi là "đổi mới"), coi như vận dụng tư tưởng "chính sách kinh tế mới" nói trên của Lênin vào hoàn cảnh thực tế của mỗi nước. Hoàn toàn khác với thời Lênin còn sống (sau 1917), Trung Quốc và Việt Nam đổi mới, cải cách và mở cửa trong hoàn cảnh mới của thế giới: có tổ chức Liên Hiệp Quốc, có các tổ chức kinh tế tài chính, tiền tệ tư bản chủ nghĩa thế giới: Quỹ tiền tệ (IMF), Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng châu Á (ADB), tổ chức "Hiệp định về thuế quan và mậu dịch" (GATT) đã trở thành "Tổ chức mậu dịch thế giới" (WTO), vào ngày 1-1-1995. Đặc biệt là công cuộc "đổi mới và cải cách" đó lại diễn ra trong bối cảnh hệ thống XHCN thế giới Liên Xô và Đông Âu tan rã. Do đó việc lợi dụng "qua cầu tư bản" của Việt Nam và Trung Quốc không đơn giản chút nào ("một mình một chợ") mà rất phức tạp, không thể không chấp nhận những điều kiện ràng buộc đặt ra về kinh tế và chính trị trong "đổi mới", "cải cách" của mình như: tư nhân hóa các xí nghiệp quốc doanh, đổi mới hoạt động ngân hàng, tài chính, kế toán..., cải cách hành chính, thay đổi pháp luật theo kinh tế thị trường, bảo đảm thu hút và phục vụ đầu tư nước ngoài (tư bản).

Không những cải cách kinh tế mà còn cải cách chính trị (đa nguyên dân chủ, nhân quyền) để có thể nhận được nhiều viện trợ, giúp đỡ của các nước tư bản, của phương Tây. Quá trình này thuận chiều với sự phát triển của lịch sử, đem lại rất nhiều lợi ích lớn lao cho đất nước và nhân dân Việt Nam và chắc chắn "qua cầu tư bản" đó không phải để đạt tới mục tiêu CNXH mà tất yếu phải tới đích TBCN (giàu có, hùng mạnh, ấm no, hạnh phúc, dân chủ, tự do, văn minh hiện đại). Không thể nào khác được là phải tỉnh táo và thực tế hơn để việc "qua cầu tư bản" không thể dẫn đến "vỡ mộng", đau buồn.

### 11. Tranh luận giữa Trần Văn và Đặng Tiểu Bình

Về vấn đề nói trên, qua tin tức nước ngoài, vào năm 1992 đã từng xảy ra tranh luận gay gắt giữa ông Đặng Tiểu Bình và ông Trần Văn. Ông Trần Văn và con trai của ông (đương nhiệm tổng giám đốc ngân hàng trung ương Trung Quốc) cho rằng "Trung Quốc đang đi trên con đường TBCN và cần phải giải tán các đặc khu kinh tế tự do" (tư bản) như Thẩm quyền-Quảng Đông,... Ông Trần Văn đứng khi nhận định Trung Quốc đang đi trên con đường TBCN" nhưng lại sai lầm, giáo điều, bảo thủ khi chủ trương giải tán các đặc khu kinh tế tự do ở Trung Quốc. Còn ông Đặng Tiểu Bình thì chủ trương Trung Quốc cần học tập CNTB và làm theo mô hình TBCN, tiếp tục cải cách kinh tế và mở cửa ra bên ngoài là rất đúng, rất táo bạo. Tư tưởng chiến lược ấy biến thành đường lối cách mạng không ngừng tiến lên của Trung Quốc trong thập kỷ cuối cùng của thế kỷ 20, đã được Đại hội lần thứ 14 của ĐCS Trung Quốc hồi cuối năm 1992 thông qua. Tuy nhiên, ông Đặng Tiểu Bình chỉ chủ trương cải cách kinh tế nhưng chống cải cách chính trị và tiếp tục duy trì chế độ độc tài đảng trị. Điều đó nói lên tính chất khép kín, phiến diện (một chiều) trong đường lối cách mạng của ĐCS Trung Quốc. Vì ai ai cũng thừa hiểu rằng kinh tế và chính trị là hai mặt của một chế độ xã hội, cần được song song phát triển và thúc đẩy lẫn nhau, chớ không phải cái này tách rời cái kia, cái kia kìm hãm cái nọ. Tính chất phiến diện, khép kín của đường lối chiến lược ấy không thể không gây ra "nhức nhối" chính trị thường xuyên, liên tục, thậm chí cũng dễ dàng dẫn đến bùng nổ chính trị, xã hội ở Trung Quốc (sự kiện Thiên An Môn-Bắc Kinh 4-6-1989).

### 12. Nói một đường làm một nẻo

Ngày xưa các bậc vĩ nhân Mác, Anghen, Lênin, trước khi viết ra nhiều tác phẩm về chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản đã nghiên cứu hàng ngàn, hàng vạn tác phẩm và hàng núi tài liệu về triết học, kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, giáo dục,... trong thế giới TBCN. Ngày nay, sau khi Liên Xô, Đông Âu XHCN tan rã, kéo theo sự sụp đổ của chủ nghĩa Mác-Lênin trên phạm vi thế giới, và giống như ĐCS Trung Quốc, ĐCSVN vẫn khăng định CNXH mà mình theo đuổi là đúng đắn bằng cách xây dựng một nền kinh tế thị trường -kinh tế TBCN. Điểm quan trọng là còn gắn thêm vào đó một cái đuôi với 7 chữ "theo định hướng XHCN" là đủ rồi, là "sáng tạo" ra một CNXH mới trong hoàn cảnh mới của thế giới (thập kỷ 80,90) mà không cần mất nhiều năm tháng để nghiên cứu sách vở, tài liệu và viết ra những tác phẩm mới về CNXH như Mác, Anghen, Lênin đã từng làm.

Do bế tắc về tư tưởng và lý luận trước những biến đổi khách quan to lớn mang tính chất đảo ngược của tình hình thế giới trong mấy năm vừa qua (cuối thập kỷ 80 và đầu thập kỷ 90), ĐCSVN càng bộc lộ tính chất không nhất quán, không xuyên suốt của mình giữa lời nói và việc làm, nói một đường làm một nẻo, nói

CNXH làm CNTB, nói dân chủ làm độc tài, nói ấm no hạnh phúc, làm nghèo đói bất hạnh, nói văn minh làm lạc hậu, nói đấu tranh giai cấp thành thỏa hiệp đầu hàng giai cấp, nói đánh đổ tư bản nhưng xin tư bản viện trợ thật nhiều đôla cho Việt Nam, nói Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước (tư bản) nhưng lại muốn tiêu diệt các nước nói trên, nói tư bản thối nát nhưng lại tiếp tục đến thăm các nước tư bản, liên tục mời các nước tư bản vào thăm Việt Nam, chúng tỏ tư bản không phải là thối nát mà thơm ngát, nói tập đoàn tư bản cá mập bóc lột tận xương tủy người lao động nhưng lại khẩn thiết mời các công ty tư bản siêu quốc gia trên thế giới vào Việt Nam xây dựng, khai tác kinh doanh kiếm lời, nói đại đoàn kết dân tộc nhưng lại chia rẽ dân tộc (kỳ thị tôn giáo, sắc tộc, trí thức, văn nghệ sĩ, người kháng chiến cũ,...), nói chấp nhận chánh kiến, ý thức hệ khác nhau nhưng lại đàn áp bắt bớ những ai có ý kiến khác với ĐCSVN...

### 13. "Gọt chân cho vừa giày"

Sáu năm qua (1989-1995), thế giới bước vào thời kỳ đảo lộn đã làm thay đổi nhanh chóng nhận thức, tư tưởng của con người. Nhưng riêng ĐCSVN vẫn bám vào những giáo điều mác xít có sẵn cách đây gần tròn một trăm năm mươi năm làm cơ sở cho nhận thức, tư tưởng và hành động của mình. Từ đó không thể không làm nảy sinh biết bao mâu thuẫn trong bản thân ĐCSVN, thể hiện ở lời nói và việc làm, ở tuyên bố và hành động không nhất quán, chủ quan và khách quan không thống nhất và chống chọi nhau gay gắt.

Sự tan rã của Liên Xô và Đông Âu XHCN (1989-1991) đã tạo ra tình hình khủng hoảng toàn diện cả lý thuyết và thực hành đối với các ĐCS nói chung trên thế giới, đặc biệt đối với các ĐCS ở các nước XHCN còn "sống sót" trong đó có ĐCSVN. ĐCSVN chủ trương "xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN" tức xây dựng nền kinh tế TBCN đặt dưới sự lãnh đạo của ĐCSVN. Chủ trương "đổi mới" đó của ĐCSVN không khác nào "gọt chân cho vừa giày" chớ không phải đóng giày cho vừa chân, không phải tư tưởng, nhận thức của con người phải phục tùng thực tiễn khách quan mà buộc thực tiễn khách quan phải phục tùng nhận thức, tư tưởng cũ kĩ, lạc hậu của con người.

Chúng ta ai nấy cũng đều hiểu rằng lịch sử đã từng chứng minh hề có ĐCS và CNXH thì không thể có chủ nghĩa tư bản và ngược lại. CNXH và CNTB như lửa với nước, hề có cái này thì không thể có cái kia và ngược lại, tức không có chuyện CNXH và CNTB song song tồn tại, ĐCS và CNTB "hưởng tuần trăng mật". Tuy nhiên, thực tế ĐCSVN thông qua "đổi mới" đã phục hồi và phát triển CNTB ở Việt Nam (1986-1995) mặc dầu CNTB ở Việt Nam đã từng bị ĐCSVN tiêu diệt trong suốt 28 năm (1957-1985). Chúng ta biết rằng khắp thế giới, CNTB tồn tại và phát triển không hề có chuyện ĐCS lãnh đạo nó. Trên nguyên tắc quy luật đó, sự phục hồi và phát triển CNTB, được gọi là "kinh tế thị trường theo định hướng XHCN" của ĐCSVN là sự chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết cho sự tiêu vong của CNXH và của cả ĐCSVN. Có thể nói sự phục hồi và phát triển CNTB nói trên đã dần dần làm biến dạng -thay đổi về chất- ĐCSVN, bởi lẽ càng nhiều CNTB ở Việt Nam bao nhiêu thì máu cộng sản trong ĐCSVN càng vơi đi bấy nhiêu và nó được thay thế vào đó bằng những giòng máu TBCN "ấm áp". Đường như đó là điều hiển nhiên, không cưỡng lại được của một tình trạng kỳ quái có thể xảy ra về một đảng cộng sản quái thai ở Việt Nam trong một tương lai không xa.

#### 14. Bám chặt CNTB, nhưng lại lên án những ai chủ trương học tập CNTB

Mặc dầu bám chặt CNTB, dựa hẳn vào nó và chấp nhận sự chỉ giáo của nó trên nhiều mặt trong xây dựng nền kinh tế thị trường -kinh tế tư bản- ĐCSVN vẫn lớn tiếng lên án những ai chủ trương "học tập CNTB" và làm theo mô hình TBCN. Qua 3 thế kỷ tồn tại và phát triển, CNTB đã làm nổi bật mọi giá trị tiêu biểu của xã hội loài người, tuy rằng nhân loại đã từng trả giá đắt cho sự tồn tại và phát triển của nó. Do đó, trong bài phát biểu của tôi "Quan điểm và cuộc sống" (vào giữa năm 1993), tôi (Nguyễn Hộ) chủ trương cần học tập CNTB và làm theo mô hình TBCN mà tôi cho là hợp lý sau sự kiện tan rã CNXH ở Đông Âu và Liên Xô, lập tức tôi bị ĐCSVN lên án là "phản bội, phản động, phản cách mạng". Có điều quái lạ là chủ trương của tôi mới thể hiện trên giấy trắng mực đen và lời nói, ngoài ra chưa có hành động gì cụ thể khác, thế mà ĐCSVN cứ quy chụp cho nhiều mũ "phản động, phản cách mạng, ...". Ngược lại, trên thực tiễn đã có biết bao nhiêu chủ trương hành động cụ thể đi theo CNTB rất mạnh mẽ của ĐCSVN. Vậy ai là người có quyền lên án ĐCSVN trong trường hợp này? và ĐCSVN có bị lên án phản bội dân tộc, phản động, phản cách mạng không? Những người lãnh đạo ĐCSVN, kể cả tổng bí thư, đi khắp thế giới tư bản, đế quốc, đến tận các cơ quan tình báo các nước như CIA của Mỹ, 2è Bureau của Pháp, Intelligence Service của Anh, ... Vậy những người ấy có bị lên án làm tay sai cho tư bản, đế quốc, cho CIA, 2è Bureau, Intelligence Service không? Cùng làm một công việc có tính chất giống nhau, tại sao ĐCSVN tự cho mình là "cách mạng", còn đối với những người khác thì lại lên án là "phản động, phản cách mạng, ..."? Phải chăng ĐCSVN tự ban cho mình cái quyền tự do lên án những ai mà mình không ưa thích và cần phải lên án? Tất nhiên, sống phẳng mà nói, những người khác cũng có quyền tự do của mình lên án những ai trong cơ quan lãnh đạo ĐCSVN mà họ thấy cần phải lên án.

Thực tiễn ngày nay cho thấy những người lãnh đạo ĐCSVN có thiết tha gì chủ nghĩa Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội đâu, trong khi họ nỗ lực ngày càng gắn chặt với CNTB, coi đây là sự sống còn mà họ không bao giờ dám nói lên sự thật đó, dám thừa nhận nó. Bởi vì điều quan trọng là sự tồn tại của ĐCSVN phải gắn liền với chủ nghĩa Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội. Tức là, có chủ nghĩa Mác-Lênin, CNXH là có ĐCSVN. Do đó, sự từ bỏ chủ nghĩa Mác-Lênin, CNXH (đã lỗi thời) là từ bỏ chính bản thân ĐCSVN. Cho nên, để tồn tại, ĐCSVN phải đành chịu đi theo nghịch lý "nói một đường làm một nẻo", không có sự chọn lựa khác, vấn đề không phải là "lý tưởng cộng sản chủ nghĩa" mà thực chất là "lý tưởng cái ghế" - vì quyền lợi cá nhân của các ông lãnh đạo mà thôi.

#### 15. Phải "LỘT XÁC"

Khách quan đã thay đổi buộc chủ quan phải thay đổi theo. Chủ quan -nhận thức, tư tưởng của con người- luôn luôn phải phục tùng khách quan, chớ không có chuyện ngược lại. Một trong những nguyên nhân quyết định dẫn đến sự sụp đổ của hệ thống các nước XHCN (1989-1991) là nhận thức chủ quan của người lãnh đạo không theo kịp tình hình biến đổi khách quan. Cho nên, điều cấp bách là phải dám nhìn thẳng vào sự thật, dám xác nhận và nói rõ sự thật, có sao nói vậy, không quanh co, làm TBCN thì cứ nói TBCN chớ không thể nói XNCN được, tức không thể tự lừa dối mình, lừa dối nhân dân, xã hội và cả thế giới được. Cuộc cách mạng "lột xác" về nhận thức, tư tưởng phải đi trước một bước để từ đó thúc đẩy cuộc cách mạng "lột xác" toàn diện tiếp theo về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, ... tạo điều

kiện thuận lợi cho sự hòa nhập của Việt Nam vào cộng đồng thế giới (TBCN) và cho sự phát triển mạnh mẽ, toàn diện của đất nước, tiến kịp nền văn minh nhân loại.

Cách mạng "lột xác" để không ngừng tiến lên phía trước đòi hỏi phải thay đổi triệt để cả hình thức lẫn nội dung, chớ không phải thay đổi nửa vời, nửa đời nửa chuốt. Đối với ĐCSVN -đang lãnh đạo cách mạng, đồng thời biến thành chướng ngại vật của cách mạng Việt Nam- không những phải thay đổi tổ chức Đảng và danh xưng mà còn phải thay đổi cả nội dung đường lối chiến lược và phương pháp hoạt động. Về phương diện này, trên thế giới đã có những tiền lệ như Đảng nhân dân cách mạng Campuchia và Đảng nhân dân cách mạng Mông Cổ -hai đảng cộng sản- đã "lột xác" hoàn toàn:

- Đổi tên đảng
- Từ bỏ chủ nghĩa Mác-Lênin, CNXH
- Từ bỏ độc quyền lãnh đạo của Đảng và chuyên chính vô sản, chuyển chế độ tài, phân dân chủ và thực hiện:
- Kinh tế thị trường
- Chính trị đa nguyên -dân chủ đa đảng
- Hòa giải và hòa hợp dân tộc, chấm dứt chiến tranh, thực hiện hòa bình như ở Campuchia.

Cách mạng "lột xác" -cách mạng tự thân- như mỗi cuộc cách mạng thông thường khác, không thể không có sóng to, gió lớn của bão táp và nguy hiểm. Tuy nhiên, không phải bất cứ bão táp sóng gió nào cũng đánh chìm tàu bè đi lại cả. Nhiều tàu bè thường xuyên vượt qua bão táp, sóng to gió lớn và cập bến an toàn. Tất nhiên, cũng có rủi ro có tàu bè bị đánh đắm. Chính bão táp sóng to gió lớn đã thường xuyên trui rèn ý chí và bản năng của người lái tàu cũng như trui rèn ý chí cách mạng của người lãnh đạo và các chiến sĩ cách mạng khác. Thực tiễn về cuộc cách mạng "lột xác" của đảng nhân dân cách mạng Campuchia (ĐCS trước đây) trong mấy năm qua đã nêu lên những bài học quý giá cho những người cách mạng chân chính trên thế giới. Ngày nay, đảng nhân dân Campuchia (đảng mới), với những người lãnh đạo tài năng như các ông Hunxen, Chiaxin, Henxomrin, ... và đồng đội cũ của mình đã tiếp tục phát huy vai trò tiên phong cách mạng của đảng tiên thân (ĐCS) trong điều kiện hoàn toàn mới của thế giới và đất nước Campuchia. Trước bao thử thách lớn lao, họ đã đứng vững và tiến lên và sẽ còn đứng vững như đền Angkor đáng tự hào của dân tộc Campuchia. Thực tiễn ấy có sức thuyết phục và đánh tan những hoài nghi lo lắng về cuộc cách mạng "lột xác" táo bạo và dũng cảm như đã nói trên. Cách mạng "lột xác" là để không ngừng tiến lên, gắn quá trình cách mạng trước (chống đế quốc xâm lược và tay sai, giành độc lập dân tộc, cải tạo XHCN và xây dựng CNXH) với quá trình cách mạng sau (hòa giải hòa hợp dân tộc, chấm dứt chiến tranh, xây dựng đất nước, xây dựng nền kinh tế thị trường và nền chính trị đa nguyên -dân chủ đa đảng-, hòa nhập vào cộng đồng thế giới) thành một quá trình cách mạng xuyên suốt, trọn vẹn của một đảng cách mạng chân chính. Còn nếu từ chối cuộc cách mạng tự thân "lột xác" thì cách mạng chắc chắn phải đâm chân tại chỗ, thậm chí đi đến sụp đổ. Ngày nay, ĐCSVN đang đối diện trước hai sự lựa chọn:

- Dám tự mình lột xác để tiếp tục tiến lên
- Hoặc chờ đón lấy sự sụp đổ hoàn toàn bởi tư tưởng xơ cứng, bảo thủ, lỗi thời của mình.

(Còn tiếp phần sau)

Nguyễn Hộ

Viết xong ngày 17-2-1995

# Dân chủ là hướng đi bắt buộc

Nguyễn Văn Huy

Ngày 14-5-1995, tại hội trường d'Artagnan, Câu lạc bộ Thân Hữu Thông Luận đã tổ chức một ngày hội thảo bàn tròn, tựa là "Việt Nam hôm nay và ngày mai", với bốn chủ đề: "kinh tế và xã hội", "Việt kiều và đất nước", "Việt Nam và quốc tế" và "nhân quyền và ổn định". Số người tham dự khoảng 100, gồm có người trẻ lẫn các vị cao niên. Diễn giả là những chính trị gia, các nhà chuyên môn và những người thuộc xã hội dân sự. Dù rằng tất cả không là thân hữu của Thông Luận, cuộc trao đổi diễn ra trong một bầu không khí tốt đẹp với những phát biểu đúng đắn.

## Đề tài I: Kinh tế và xã hội

Đề tài I do hai ông Lê Văn Cường (giám đốc khảo cứu CNRS) và Nguyễn Gia Kiểng (Thông Luận) dẫn nhập, ông Trần Ngọc Sơn chủ tọa. Đề tài gồm ba phần: phần I: Nhìn lại chặng đường kinh tế từ 1975 đến 1990, phần II: từ 1990 đến nay, và phần III: mục tiêu năm 2000.

Mở đầu phần I, ông Lê Văn Cường nhắc lại diễn biến và đặc điểm của kinh tế Việt Nam từ 1975: cải tạo xã hội, phát triển công nghiệp nặng và tập thể hóa nông nghiệp. 1979: trả lương theo số lượng sản phẩm làm ra. 1980-81: khoán sản phẩm nông nghiệp. 1985: chế độ hai giá, bãi bỏ chế độ bao cấp, tăng lương, đổi tiền, lạm phát tăng đến 500%. 1986: kinh tế nhiều thành phần; tỷ lệ nhập khẩu theo vùng đồng rúp giảm. 1990: nói lỏng sinh hoạt kinh tế, theo nguyên tắc lợi nhuận, ngân sách nhà nước thâm hụt.

Theo ông Nguyễn Gia Kiểng, chính quyền cộng sản đã thất bại trên tất cả các kế hoạch 5 năm đã được áp dụng từ 1975 đến 1990. Giai đoạn 1976-1980: công cuộc xây dựng kinh tế theo đường hướng xã hội chủ nghĩa thất bại hoàn toàn. Để thoát khỏi bế tắc, từ 1980 chính quyền cộng sản áp dụng chính sách khoán sản phẩm, chấp nhận chế độ kinh tế hàng hóa. Đến năm 1985, Trường Chinh thi hành chính sách tập trung nông nghiệp: hậu quả là sản xuất nông nghiệp suy giảm và sinh hoạt kinh tế suy sụp. Nạn đói đã xảy ra trong những năm 1986-1988 tại miền Bắc, nhiều người chết đói. Sau 1989, chính quyền nói lỏng quyền tự do về sản xuất, sinh hoạt kinh tế được phục hồi và phát triển.

Sang phần II: từ 1990 đến nay, ông Nguyễn Gia Kiểng nói sinh hoạt kinh tế đã có những chỉ số tốt: tổng sản phẩm nội địa tăng từ 5 đến 8,5%, lạm phát có tăng, cán cân thương mại cân bằng, nhưng những kết quả này không che dấu nổi hiện tượng chênh lệch giàu nghèo trong xã hội. Ông Lê Văn Cường, không đồng ý với ông Kiểng về "bức tranh bi đát" vừa đưa ra. Ông Cường nói nền kinh tế có tăng trưởng: đầu tư tăng 22%, tiết kiệm tăng 14%, thâm hụt tăng 50%. Theo ông, thâm hụt cũng là một yếu tố kích thích kinh tế. Những chỉ số này tương đương với mức độ tăng trưởng của Nam Hàn vào giai đoạn 1960-1965. Lợi tức đầu người ở vào khoảng 130-220 USD/năm. Nhưng ông Cường không mấy tin tưởng về chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế 10% có thể đạt được trong năm 1995. Theo ông, chính sách phát triển kinh tế nên có hai hướng: hướng nội là thỏa mãn tiêu dùng nội địa và hướng ngoại là gia tăng xuất khẩu, nhập khẩu máy móc.

Ông Nguyễn Gia Kiểng đề nghị nên cảnh giác các số liệu thống kê của Việt Nam về sự chính xác, hơn nữa chỉ số về thâm hụt không đo lường được. Bối cảnh của Việt Nam ngày nay không giống bối cảnh của Nam Triều Tiên trong những năm

1960. 30 triệu nông dân hiện đang sống dưới mức nghèo khổ, 10% hộ nông dân có lợi tức đầu người chưa tới 60 USD/năm. Ông Kiểng cho biết hiện nay quân đội đang đẻ ra một quốc gia trong một quốc gia: quân đội có công ty xuất nhập khẩu, khách sạn nhà hàng riêng... Ông còn cho biết hiện nay có một lỗ hổng khoảng 5 tỷ USD: nhập khẩu (lậu và chính thức) khoảng 7-8 tỷ USD, xuất khẩu tổng cộng khoảng 2-3 tỷ USD, lỗ hổng đó đang được mạng lưới mafia quốc tế san lấp bằng cách bạch hóa các số tiền buôn lậu để mua đất đai nhà cửa tại những địa điểm kinh tế thuận lợi nhất (họ đã mở một sòng bài lớn tại Nam Vang).

Sang phần III hai ông Lê Văn Cường và Nguyễn Gia Kiểng tiếp tục khai triển những ý kiến đã phát biểu ở phần II.

Trong phần trao đổi, ông Nguyễn Quốc Nam đặt câu hỏi làm thế nào để cắt bỏ những ràng buộc của chính quyền cộng sản đối với ngân sách để chi tiêu nhiều hơn nữa cho các vấn đề xã hội. Ông Diệp Tường Bảo cho rằng không thể so sánh Việt Nam hiện tại với Nam Hàn vì chính quyền ta đang bỏ rơi địa hạt giáo dục mà đó đã là yếu tố chính trong phát triển của Nam Hàn. Ông Trịnh Long Hải nói Việt Nam có đủ điều kiện để phát triển nhưng hiện nay bị bế tắc vì chế độ chính trị không thích hợp nên các định chế quốc tế không tích cực giúp đỡ, chính quyền cộng sản kềm hãm và cản trở sự phát triển của xã hội công dân. Ông Võ Nhân Trí nhắc lại một cách sơ lược về chế độ kinh tế bao cấp: tập trung cao độ, không có tính sản xuất. Về ngân sách, theo ông Trí, số đi có tình trạng thiếu hụt là vì chi tiêu cho quốc phòng và an ninh chiếm hơn 3/4 ngân sách, cán cân thương mại bị thâm hụt (1994, hụt 1,4 tỷ USD). Để kết luận, ông Trí nói công cuộc đổi mới cho đến nay chỉ là nửa vời. Bà Đoàn Việt Hoạt đề nghị ông Cường giải thích thêm về việc ông nói thâm hụt là yếu tố để kích thích sản xuất. Ông Lê Văn Cường trả lời số đi ông lấy thí dụ trường hợp Nam Hàn vì báo chí thường hay nhắc tới và có nhiều điểm trùng hợp với tình hình Việt Nam hiện nay. Chính quyền cộng sản còn duy trì một số xí nghiệp quốc doanh vì muốn nắm vai trò chủ động, nhưng vì không biết quản lý, họ đã kềm chế pháp luật và cả xã hội công dân. Về nạn tham nhũng, ông nói muốn giải quyết nạn tham nhũng, thì phải tư hữu hóa thêm nữa và khuyến khích đầu tư trí tuệ bằng cách mở thêm các trường tư thục. Theo ông thâm hụt là một yếu tố kích thích sản xuất vì những số tiền có được, ngoài những chi tiêu cho cá nhân và gia đình, sẽ được đầu tư vào sản xuất và dịch vụ.

## Đề tài II: Việt kiều và đất nước

Đề tài II do bà Nguyễn Nga (chủ tịch-tổng giám đốc công ty Bartech có cơ sở tại Việt Nam), hai ông Nguyễn Quốc Nam (phó chủ tịch Liên Minh Dân Chủ Việt Nam) và Vũ Thiện Hân (Thông Luận) dẫn nhập, ông Trần Huy Lịch chủ tọa.

Mở đầu bà Nguyễn Nga nói về trường hợp của cá nhân mình: theo bà, về nước tham dự đầu tư là chuyện tự nhiên. Trong nước bà cũng không phải đặt ra vấn đề bảo đảm an ninh cá nhân vì không có gì đặc biệt. Bà chỉ phiền hà mỗi một điều là pháp luật Việt Nam không rõ ràng, cần phải đặt lại. Luật pháp và thủ tục hành chánh hiện nay xem Việt kiều là những người ngoại quốc nên sự đi lại rất đắt, tất cả mọi chi phí phải trả bằng ngoại tệ. Ngày nay vai trò người Việt hải ngoại trở nên quan trọng, nhất là nguồn ngoại tệ lớn lao hàng năm gởi về trong nước, chính quyền muốn huy động khả năng đó vào việc xây dựng đất nước. Gần đây, họ đã đưa ra 11 điểm khuyến khích người Việt định cư ở nước ngoài về nước đầu tư. Bà Nga cũng lưu ý là nói đến Việt kiều, ngoài các quốc gia tiên tiến tại Âu Châu, Mỹ Châu và Úc Châu, thì cũng phải kể đến gần 300.000 người Việt hiện đang sinh sống tại các

quốc gia Liên Xô cũ và Đông Âu cũ. Những người này cũng là một tiềm năng tài chính tại hải ngoại. Vấn đề đặt ra là làm sao để những số tiền đó mang lại lợi ích cho đất nước. Theo bà, người trong nước đã chịu đựng quá nhiều đau khổ trong suốt thời gian qua do đó không sẵn sàng chấp nhận Việt kiều về nước ăn trên ngồi trước họ. Dân chủ đa nguyên không phải là một nhu cầu bức xúc để mọi người tập trung tranh đấu, vấn đề hiện nay là nâng cao mức sống. Những thay đổi trong đời sống xã hội hiện nay tại Việt Nam là không thể đảo ngược được, tự do và dân chủ càng rõ ràng hơn. Tuy nhiên, theo bà, về tiềm năng của người Việt hải ngoại không thể lấy thước mà đo lường được vì rất lớn: ngoài khả năng về tài chính, nó còn là đường dây trí tuệ giới thiệu khoa học kỹ thuật về trong nước.

Theo ông Nguyễn Quốc Nam, Việt kiều là anh em ở quốc gia ngoài, đất nước là anh em ở quốc nội. Vấn đề Việt kiều hiện nay là một vấn đề chính trị, chính quyền cộng sản hiện nay chưa tạo được niềm tin để mọi người dồn mọi khả năng xây dựng đất nước. Phục vụ đất nước thì mọi người Việt hải ngoại còn quan tâm đến đất nước đều mong muốn nhưng phục vụ quyền lợi của tập đoàn lãnh đạo cộng sản hiện nay thì không.

Ông Vũ Thiện Hân nhắc lại là đối với chính quyền, Việt kiều hay người Việt định cư ở nước ngoài bao gồm người Việt có quốc tịch của quốc gia sở tại, trẻ em sinh đẻ tại nước ngoài có cha mẹ là người Việt hoặc gốc Việt.. Luật quốc tịch năm 1988 không công nhận một người Việt Nam có hai quốc tịch. Hiện nay có khoảng hai triệu người Việt sinh sống trên 70 quốc gia, hơn 90% đi sau biến cố 1975, và có khoảng 300.000 đến 400.000 người có trình độ đại học. Theo ông Hân, Việt kiều cần tham gia vào các hoạt động ở bên nhà, từ xã hội, y tế đến kinh tế, thương mại để cùng đồng bào xây dựng một xã hội dân sự lành mạnh. Tùy hoàn cảnh, mỗi người có thể và cần biết rõ đâu là những giới hạn để việc làm của mình không đi ngược lại trào lưu dân chủ hóa đất nước hay lý tưởng của mình. Quan hệ Việt kiều/đất nước cần được bình thường hóa, dựa trên luật pháp và sự bình đẳng với đồng bào trong nước. Chính sách ve vãn, "ban ân" để sử dụng hay lợi dụng đã gây ra nhiều ảo tưởng, hiểu lầm hay tệ hơn nữa là những luồng gạt về cả hai phía.

Trong phần trao đổi, ông Nguyễn Gia Kiểng nói cộng đồng người Việt hải ngoại đã gửi về nước khoảng 700 triệu USD, một số tiền cao hơn bất cứ nguồn đầu tư ngoại quốc nào mỗi năm. Nhưng đó chỉ là số tiền cho không, nếu đất nước có tự do dân chủ, người Việt hải ngoại, với số tiền tiết kiệm được, có thể đầu tư trực tiếp vào đất nước và tổng số tiền đầu tư cũng sẽ cao hơn bất cứ mức đầu tư của ngoại quốc nào.

Ông Võ Nhân Trí nhắc nhở mọi người hãy coi chừng: tranh thủ Việt kiều là một trong bốn ưu tiên của đảng cộng sản Việt Nam; tất cả chỉ nhằm mục đích củng cố chế độ hiện hành theo đường lối xã hội chủ nghĩa. Ông Đinh Hùng nói, ngoài hoạt động chính trị và xã hội, người Việt hải ngoại nên tập trung vào sinh hoạt kinh doanh vì nếu không sau này khó bảo vệ được độc lập kinh tế. Nói chung các cuộc trao đổi chỉ xoay quanh vấn đề người Việt hải ngoại nên về với tư cách nào, không thấy có ý kiến chống lại việc đi về nước.

### Đề tài III: Việt Nam và quốc tế

Đề tài III do các ông Lê Đình Thông (giảng viên về môn Quan hệ quốc tế tại Đại Học Nanterre, Paris), Nguyễn Quốc Nam và Nguyễn Phi Phụng (Thông Luận) dẫn nhập, ông Diệp Tường Bảo chủ tọa. Tuy chủ đề là Việt Nam và quốc tế nhưng cuộc thảo luận chỉ xoay quanh quan hệ Việt-Trung. Cuộc thảo luận kéo dài hơn hai giờ.

Mở đầu, ông Lê Đình Thông trình bày những điểm chính trong quan hệ Việt-Trung và sự bành trướng của Trung Quốc trên toàn vùng Đông Nam Á. Nói về quan hệ Việt-Trung, ông Thông cho biết đây là một kế thừa lịch sử: từ trước đến nay người Việt luôn luôn phải đối phó với ý đồ xâm lấn của Trung Hoa. Gần đây, ở trong nước, Trung Quốc gia tăng khả năng quốc phòng, ngoài nước gia tăng viện trợ quân sự cho Miến Điện và Lào. Trên biển cả, họ đã chiếm Hoàng Sa từ 1974 và hiện nay đang lấn chiếm từng hòn đảo trên quần đảo Trường Sa, trong khi đó quân đội Việt Nam không được trang bị đầy đủ để đối phó. Theo ông Thông, muốn đương đầu với Trung Quốc, Việt Nam phải là Một: đoàn kết người Việt trước hết là thống nhất nhân tâm; muốn được vậy trước hết phải giải tán đảng cộng sản Việt Nam.

Ông Nguyễn Quốc Nam cho rằng trước sự đe dọa của Trung Quốc, vấn đề dân chủ hóa xã hội Việt Nam không thể chờ đợi thêm nữa. Theo ông, hiện tình Việt Nam đang rất nguy ngập, nếu những người cộng sản bất lực trong việc giải quyết các vấn đề của đất nước thì hãy trao quyền cho những người có khả năng hơn. Ông tin tưởng dân chủ sẽ thắng tại Việt Nam.

Về việc thương lượng các vấn đề biên giới, ông Nguyễn Phi Phụng nói Trung Quốc chỉ chấp nhận thảo luận về biên giới đất liền, còn biên giới ngoài khơi họ không bàn đến. Việc Việt Nam gia nhập vào ASEAN là một thuận lợi vì các quốc gia này đều lo ngại sự bành trướng của Trung Quốc xuống Đông Nam Á. Vấn đề của người Việt Nam là gây lại niềm tin vào đất nước bằng những phương thức dân chủ.

Trong phần trao đổi, tất cả đều lo âu trước sự xâm lấn của thế giới Trung Hoa về tài chính cũng như về quân sự. Bà Nguyễn Nga nói hãy tập trung sức lực giúp đất nước đi lên vì nước mất thì chẳng còn gì để đòi dân chủ đa nguyên. Ông Nguyễn Quang Hạnh nói giải pháp hiện nay có thể giúp đất nước mạnh lên là thay đổi chế độ hiện hành. Ông Nguyễn Ứng Long phát biểu muốn đối phó với Trung Quốc và đưa đất nước đi lên chỉ có một con đường là xây dựng lại nền tảng quốc gia trên căn bản dân chủ và đa nguyên vì Việt Nam là một quốc gia đa chủng, từ xưa đến nay mỗi khi có nguy biến người Việt Nam biết sát cánh bên nhau chống lại ngoại xâm.

Cuộc thảo luận đi dần đến một vài khuynh hướng bài Hoa. Ông Trần Nguyên Đạo đã kích lập luận của ông Lê Đình Thông về mối đe dọa quân sự của Trung Quốc rồi đặt lại vai trò của người Hoa tại Việt Nam. Ông Nguyễn Gia Kiểng chặn lại và nói mối đe dọa Trung Quốc là có thật, nhưng không vì thế mà nghi kỵ cộng đồng người Hoa tại Việt Nam. Ông Kiểng nhắc lại quá trình hình thành đất nước, công lao khai dựng miền Nam phần lớn do công sức của những tổ tiên người Việt gốc Hoa, những người này có công rất lớn đối với nước trong quá khứ và sẽ còn tiếp tục trong tương lai. Ông Kiểng đề nghị Việt Nam nên mở rộng quan hệ ngoại giao với thế giới Tây Phương, đặc biệt là với Pháp và Mỹ, nhưng các quốc gia này chỉ thật tình giúp Việt Nam khi nào có dân chủ đa nguyên. Ông Nguyễn Bá Hào trình bày về các âm mưu bành trướng của Trung Quốc nhưng vì thời giờ quá eo hẹp, ông đã không nói hết được những gì muốn nói.

### Đề tài IV: Nhân quyền và ổn định

Đề tài IV do bà Trần Thị Thức (giáo sư đại học tại Sài Gòn), phu nhân giáo sư Đoàn Viết Hoạt hiện đang bị cầm tù tại Việt Nam, và ông Diệp Tường Bảo (Thông Luận) dẫn nhập, ông Nguyễn Ứng Long chủ tọa. Đề tài đề cập đến việc vi phạm nhân quyền tại Việt Nam của nhà cầm quyền cộng sản và nhân quyền có phải là một cản trở trong công cuộc phát triển hay không. Cuộc thảo luận kéo dài hơn hai giờ.



Bà Trần Thị Thúc tố cáo chính quyền cộng sản Việt Nam đã vi phạm tất cả các quyền tự do của con người mà họ đã long trọng ghi trong hiến pháp: điều 4, điều 70 và 71, và điều 1 của bản tuyên ngôn quốc tế nhân quyền. Theo bà, một quốc gia không có tự do tư tưởng thì các quyền tự do khác đều trở nên vô nghĩa. Bà cho biết chính quyền cộng sản cũng vi phạm nhân quyền ngay trong nhà tù: các tù nhân chính trị bị giam chung với các tội phạm hình sự và phải chịu đựng những cực hình cả về thể xác cũng như tinh thần. Theo bà, nhân quyền và ổn định gắn bó với nhau, ổn định chỉ có khi nào nhân quyền được tôn trọng. Riêng về Đoàn Viết Hoạt, sở dĩ ông bị kết án nặng nề là vì bị cho rằng ông có hậu thuẫn của cộng đồng người Việt hải ngoại, rất nguy hiểm.

Ông Diệp Tường Bảo cho rằng Việt Nam hiện tại không có dân chủ nhưng cũng không có ổn định. Theo ông có ba nguy cơ đe dọa dân Việt Nam là: sự chênh lệch xã hội - có khả năng đưa đến những bạo động; việc môi trường bị phá hủy - nguyên do của phát triển bừa bãi và việc quân đội tham gia vào thương mại - vì họ sẽ có khuynh hướng sử dụng vũ khí trong việc tranh đua thương mại, khách hàng.

Trong phần thảo luận, cử tọa đã phát biểu rất hăng say. Ông Trần Thanh Hiệp nói nhân quyền là một khoa học nhân văn, nó là điểm qui tụ của các định chế quốc tế. Hai bản công ước quốc tế về nhân quyền đã được ra đời và đã được hầu hết các quốc gia trên thế giới ký nhận, trong đó có Việt Nam. Nhưng hiện nay, các quyền tự do của con người không được tôn trọng ở Việt Nam.

Ông Võ Nhân Trí nói chế độ cộng sản thường nguy hiểm trong việc dùng từ, họ phân biệt nhân quyền nhân dân và nhân quyền tư sản. Ông trích lời ông Nguyễn Mạnh Cầm, bộ trưởng ngoại giao của chính quyền Hà Nội, nói về trường hợp Đoàn Viết Hoạt: nếu Đoàn Viết Hoạt dùng nhân quyền chống chế độ thì ngay cả bên Mỹ cũng bị cầm tù. Ông Nguyễn Võ Kỳ nhận định nhân quyền và ý thức nhân quyền đã có từ trước và là những quyền tự nhiên của con người nhưng vì bị thường xuyên bị vi phạm nên phải ghi vào văn bản. Ông nói không nên bị quan vì nhân quyền là những quyền tự nhiên của con, khi bị vi phạm người ta sẽ đứng lên đòi tôn trọng. Ông Nguyễn Quốc Nam nhắc nhở bốn phạm của mọi người là phải thường xuyên nghĩ đến những người vì lập trường dân chủ mà bị cầm tù như giáo sư Đoàn Viết Hoạt và tranh đấu cho họ được trả lại tự do.

Ông Nguyễn Gia Kiểng phê bình lập luận của một số người chấp nhận "chế độ độc tài sáng suốt". Độc tài là khởi điểm từ sự u mê, do đó khó có độc tài sáng suốt. Nhân quyền và dân chủ không ngăn cản nước nào phát triển. Theo ông, muốn tranh đấu cho dân chủ và nhân quyền, có hai cách: tích cực là tố cáo lên án tiêu cực là phải xuất hiện như những con người dân chủ thực sự, do sự chọn lựa cá nhân, mà biểu tượng là giáo sư Đoàn Viết Hoạt. Ông Vũ Thiện Hân nói sự chọn lựa của mỗi người là cá biệt phải được tôn trọng, đấu tranh cho nhân quyền ngoài khía cạnh lý thuyết, lý tưởng còn có khía cạnh đạo lý, tình cảm. Vì tình người, công bằng và lẽ phải, phải ủng hộ những con người đáng qui đang tranh đấu cho tự do dân chủ và nhân quyền. Ông Trịnh Long Hải kêu gọi phải tập trung hơn nữa để đưa tiếng nói của những chiến sĩ dân chủ cất lên cao hơn. Để ủng hộ những con người dân chủ, ông Cung Hồng Hải đề nghị cần phải có một hệ thống thông tin rộng rãi và đầy đủ để mọi người cùng bắt chung nhịp đập của các chiến sĩ dân chủ đang bị cầm tù trong nước, nhất là phải mạnh dạn tố cáo việc vi phạm nhân quyền trước các đại hội về nhân quyền quốc tế.

Cuộc thảo luận chấm dứt vào lúc 18 giờ 45.

**Nguyễn Văn Huy** tường thuật

## Kháng thư

viết từ trại cải tạo Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

Chúng tôi trân trọng đệ trình bản kháng nghị của chúng tôi cho: Tổng bí thư Liên Hiệp Quốc; Ủy ban về nhân quyền của Liên Hiệp Quốc; Phái đoàn điều tra về nhân quyền của quốc hội Úc; Tất cả những người tiến bộ trên thế giới; Tất cả người Việt, trong nước cũng như ở nước ngoài.

Căn cứ:

- Trên việc Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam là thành viên Liên Hiệp Quốc

- Trên Tuyên ngôn Quốc tế về Nhân Quyền tháng 12 năm 1948

- Trên điều 9-18 của Công ước Quốc tế về Quyền Dân sự và Chính trị được ký giữa chính phủ Việt Nam, các chính phủ khác và những tổ chức quốc tế

Và căn cứ trên những sự kiện cụ thể sau đây:

- Chính quyền Việt Nam đã đàn áp tất cả các tôn giáo và giam cầm hàng ngàn người Việt yêu nước

- Họ đã xây cất hàng trăm nhà tù khủng khiếp trên cả nước

- Hàng trăm tù nhân chính trị đã bị kết án tử hình và nhiều người hành quyết trong đó có cả đàn bà có thai

- Hàng trăm tù nhân chính trị và thành viên tôn giáo đã chết vì đói, đau ốm và tra tấn bởi những quản giáo tàn ác trong các nhà tù nghiêm khắc. Đại đa số chúng tôi đã bị đối xử một cách tàn tệ: bị tra tấn dã man tàn bạo và sống cơ cực

- Hàng ngàn người chúng tôi đã phải sống lưu vong và làm những công việc nặng nhọc từ cả chục năm nay

- Hàng triệu dân đã phải rời bỏ nước để xin tị nạn trên tất cả thế giới

- Hàng triệu gia đình đã phải khổ sở từ biệt những người thương và quê hương

Cộng hòa Xã hội Việt Nam không những không tuân theo Tuyên ngôn Quốc tế về Nhân Quyền mà còn vi phạm đến các hiệp ước quốc tế, luật bảo thân (habeas-corpus) và những quy phạm quốc tế.

Vì thế, nhân danh những người Việt yêu nước, những tù nhân chính trị và ban đại diện một số tôn giáo ở Việt Nam, chúng tôi yêu cầu quý vị can thiệp với chính quyền Việt Nam để giải quyết những vấn đề sau đây:

1- Thả ngay tức khắc và vô điều kiện tất cả những tù nhân chính trị và tín đồ tôn giáo Việt Nam đang bị giam cầm trong các nhà tù cộng sản

2- Hoàn trả tất cả tài sản của tất cả các giáo hội và phục hồi hoàn toàn tự do tín ngưỡng

3- Hủy bỏ điều 4 của Hiến pháp Cộng hòa Xã hội Việt Nam

4- Bắt buộc chính quyền Việt Nam thực hiện Tự do, Dân chủ, Nhân quyền và thiết lập thể chế đa nguyên và đa đảng

5- Tổ chức tổng tuyển cử tự do theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu do quốc tế giám sát

6- Từ bỏ sự độc quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam và nền chuyên chính vô sản để xóa bỏ hận thù, hòa giải hòa hợp dân tộc và cộng tác xây dựng đất nước.

Sau hết chúng tôi kêu gọi nhà cầm quyền CSVN thực thi một cách nghiêm chỉnh những cam kết quốc tế về Nhân Quyền cùng với những đòi hỏi nói trên.

Trân trọng kính chào,

Ban đại diện một số tôn giáo ở Việt Nam

Thay mặt Giáo hội Phật giáo: TT Thích Thiện Minh (Huỳnh Văn Ba); Thay mặt Giáo hội Cao đài: GS Nguyễn Minh Bảo; Thay mặt Giáo hội Hòa hảo: Đạo hữu Nguyễn Văn Đẩu

# DU LỊCH VIỆT NAM

Nguyễn Anh Tuấn

Việt Nam ngày nay là một trong những nơi hấp dẫn du lịch nước ngoài nhất. Những nhà kinh doanh nước ngoài vào VN du lịch để thăm dò thị trường. Những người trong thế giới tự do muốn đến xem mặt mũi cái đất nước đã đấm vật nhau với Mỹ và đã thắng nó vì tính tò mò. Nhưng những người du lịch thuộc loại đó những cán bộ kê vào số nhỏ. Các công ty du lịch của VN và các khách sạn VN thu lợi nhuận nhiều nhất từ một nhóm lớn hơn. Đó là những người Mỹ và Pháp. Những người đã từng tham chiến ở Việt Nam trước đây hoặc thân nhân của họ, muốn được tận mắt nhìn thấy bãi chiến trường xưa, nơi họ có những kỷ niệm tuy rất đau buồn, nhưng không bao giờ quên. Và một nhóm du lịch khổng lồ thứ ba rất thường xuyên liên tục. Đó là những người Việt Nam mang quốc tịch nước ngoài về thăm quê hương đất nước.

Ngành du lịch VN đã kiếm sống và làm giàu bằng tiền của những con người vừa kể. Nhưng VN chỉ giới mọi tiền người du lịch. Còn việc phục vụ của họ thuộc loại tồi dở nhất trong số các ngành du lịch các nước Á Châu. Một bộ mặt rất quen thuộc đối với những nhóm người du lịch nước ngoài là ông Bùi Xuân Nhật, một trong những đại diện chính phủ Hà Nội trước kia tham gia đàm phán ở hội nghị Paris năm 1970, để chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam. Hiện nay ông ta làm phó chủ tịch ngành du lịch của nhà nước VN. Một chức vụ béo bở và cũng là một người nói trắng ra với các phóng viên ngoại quốc rằng: VN đang cố ve vãn người Mỹ, thứ nhất là các cựu chiến binh Mỹ đã từng tham chiến ở VN vào VN du lịch. Theo ông Nhật thì đây là mới là nguồn lợi lớn cho ngành du lịch VN. Vì như chúng ta đã biết tính vào thời điểm cao nhất đã có tới gần nửa triệu lính Mỹ tham chiến ở VN. Nếu con số này kéo theo những thân nhân của họ thì ỉ ra cũng hàng triệu trở lên. Những người lính Mỹ muốn trở lại đây để ôn lại những gì của quá khứ. Họ đã rời VN với tư cách là lính bại trận cách đây hai mươi năm. Nhưng bây giờ họ về lại đây, và họ được đón tiếp như những vị thượng khách. Vậy làm sao không gọi lên trong họ những suy tư vừa chua chát vừa ngọt bùi. Có những cựu chiến binh tuổi đã cao vẫn lặn lội lên Trường Sơn, vào Khe Sanh xem lại những chiến hào xưa kia của họ, xem lại con đường mòn Hồ Chí Minh, nơi đã đưa quân miền Bắc CSVN ùn ùn kéo vào quần nhau với họ. Có những anh hùng, những anh, những chị trầm ngâm đứng trước hàng đồng vũ khí Mỹ trưng bày trong viện bảo tàng quân đội ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Tôi không hiểu họ nghĩ gì nhưng chắc chắn là họ rất xúc động.

Trong khi có "chiến dịch" du lịch người Mỹ thì ở VN đã có "chiến dịch" du lịch người Pháp. Hàng mấy chục vạn người Pháp, trong đó có rất nhiều cựu chiến binh Pháp khi xưa, cũng về VN du lịch, và mang theo những tình cảm tương đồng như người Mỹ. Khi tôi ra thăm vịnh Hạ Long, tôi đã gặp một phái đoàn toàn các vị cao niên người Pháp đến du lịch. Hỏi ra mới biết họ là những cựu chiến binh Pháp ở VN. Họ đã bị bật ra khỏi đất nước này từ 1954-55. Và giờ đây sau 40 năm họ trở lại VN với tư cách là người du lịch. Tôi hỏi: "Các vị có vui không khi các vị lại trở về thăm đất nước này?"

Một ông già nói tiếng Anh không sôi lắm trả lời tôi "vui buồn lẫn lộn". Tôi nói "Tôi cũng vậy" và hai bên trở nên thân nhau.

Khi đoàn chúng tôi trở về Hà Nội qua Đò Rừng Quảng Yên để qua thăm cảng Hải Phòng, các bạn du lịch đã rất nhã nhặn lễ phép xin chụp ảnh quay phim những người nông dân VN, gánh những cái giậm, và ngỡ ngàng không biết cái đó là cái gì và dùng để làm gì. Khi tôi đang giải thích cho họ thì có một anh cán bộ VN tương ra một câu thật vô lễ. "Chúng nó còn lạ đéo gì cái của nợ này. Chúng nó đã từng đến đây cướp nước ta và biết ăn cả mắm tôm thì còn lạ gì cái giậm".

Tôi không biết phải nói sao. Nhưng rõ ràng tôi không dám dịch lại những gì anh ta nói. Mặc dù các bạn người Pháp cũng rất nhạy cảm. Tuy họ không hiểu tiếng Việt nhưng nhìn qua phong cách nói năng họ biết rằng đây là một thái độ không mến khách. Những cán bộ CSVN thường là như vậy. Họ cần du lịch nước ngoài đổ tiền của vào cho họ. Nhưng họ vẫn tỏ vẻ ra đây có thái độ trịch thượng thiếu lễ độ. Ra điều ta là kẻ chiến thắng.

Một nhóm du lịch khổng lồ thứ ba và cũng là nguồn tiền vô tận hàng năm chảy vào VN, góp phần làm tươi lên bộ mặt rầu rĩ ảm đạm của nền kinh tế VN. Đó là những Việt kiều về thăm đất nước. Những người này vì tình cảm gia đình quê hương mà trở về. Có người về lo xây lại mộ phần cho ông cha. Có người về để xây lại căn nhà đã gần đổ nát cho mẹ. Và cũng có người về chỉ để ôn lại những kỷ niệm xưa, những ngày thơ ấu, những ngày cấp sách. Họ muốn đi thăm những cánh đồng lúa chín VN. Muốn được thấy lại cánh diều bay, con thuyền nhỏ. Biết bao kỷ niệm, biết bao cảm xúc khi một đứa con đi xa mấy chục năm về thăm quê mẹ.

Khi máy bay từ từ hạ cánh  
Lòng thấy xôn xao  
Mắt tràn lệ thấm.  
Mười mấy năm xa quê hương  
Con đã về đây  
Tổ quốc ơi!  
Mẹ hiền của con đang vậy gọi.  
Những xóm làng nhỏ nhỏ  
Những mái nhà tranh  
Những hàng tre xanh  
Những rặng dừa triu quả.  
Ôi mẹ thân thương  
Nông thôn vàng  
Lúa chín  
Việt Nam.  
Nông thôn Việt Nam  
Quê mẹ của ta  
Ta đã sinh ra  
Trong làng quê nhỏ bé.  
Một cánh diều bay  
Một đàn cò trắng  
Một mảng trời xanh  
Một con thuyền nhỏ  
Một dòng sông xanh.  
Ta lại nghe tiếng sáo diều gọi gió  
Ta sẽ lại được xem gió đỡ diều lên  
Ta sẽ lại được bơi trong dòng sông mát rượi

Ta sẽ lại được nhìn thấy nước thủy triều lên.  
Liệu có còn không mái trường xưa tấm bé  
Ta tung tăng cắp sách đến trường  
Những người bạn ấu thơ còn đó  
Ôi làng quê biết mấy yêu thương.

Đó chính là tình cảm đã nâng cánh chúng ta bay về thăm đất nước. Họ biết chúng ta tha thiết với từng mảnh đất của núi sông. Nên họ đã lên mặt khi chúng ta phải xin visa ở các đại sứ quán VC. Họ làm chúng ta về nước chỉ vì ham lợi hoặc thậm chí nghi một số người về làm gián điệp cho nước ngoài. Cái bộ máy đầy ung nhọt của chính thể VNCS đang rã ra trước ống kính của hàng triệu triệu người trên thế giới.. Những gì họ có thể phô ra được, dù cho kịch cớm chướng mắt, nhưng có tiền thì họ vẫn phô ra cho người ngoài xem. Ai cần gì làm gián điệp. Chỉ có những người quá già, con cái cháu chắt ở nước ngoài không làm các cụ vui thì các cụ muốn về sống nốt cuộc đời nơi quê cha đất tổ. Nhưng nhà nước VN đã ra những sắc luật gây khó dễ cho các cụ rất nhiều. Nếu nhà nước có những chính sách tốt đối với Việt Kiều thì con số người VN hải ngoại về nước còn tăng gấp mấy lần. Những cựu quân nhân của VNCH chưa mấy người về. Vì ta có thể tưởng tượng, khi các anh chị em này về bị những người trong chính quyền mỉa mai như kiểu anh chàng cán bộ ở bến phà Rừng Quảng Yên thì ai mà chịu được. Nhiều anh chị Việt Kiều về đã tức ói máu về thái độ hỗn xược của những cán bộ hải quan và công an VN. Nhiều người thề từ nay không bao giờ trở lại, trừ khi chính quyền này bị lật nhào, thay bằng một chế độ tốt hơn. Nhưng buồn thay ta vẫn phải về. Vì như đã nói, mồ mà cha ông còn đó, mẹ già sắp mất lại muốn gặp lại con lần cuối... Không về sẽ cam tội bất hiếu mà về cũng lắm cái khổ đau. Nào là VC soi mói mỉa mai, gây trăm ngàn khó dễ. Và khi về đến nhà ở Mỹ rồi lại bị một số chị em không thông cảm lên án gắt gao cho là đầu hàng cộng sản. Có anh đã liều thân để về thăm mẹ và nhờ có niềm sung sướng bất ngờ gặp lại con mấy chục năm xa cách, nên bà già đã khỏi bệnh. Nhưng cũng có anh không dám về và chỉ

Từ bên đây Thái Bình Dương  
Thấp nén hương thơm  
Con quỳ lay  
Vọng bái về quê  
Tạ lỗi cùng cha.

Theo con số thống kê của những nguồn khá tin cậy năm 1990 có 250 000 người VN du lịch. Năm 1993 con số vượt lên 650.000 và năm 1994 là 900.000. Và những người phụ trách đang hy vọng sẽ có trên ba triệu người hàng năm đến VN du lịch. Trong đó họ tính đến cả những người VN hải ngoại có những "mặc cảm" như họ muốn ám chỉ các cựu sĩ quan và quân nhân của VNCH.

Lòng tham của họ thì vô đáy.. Họ công khai nói rõ là ngành du lịch đã đóng góp hàng tỷ đồng USD cho nhà nước VN. Nhưng thái độ đón tiếp phục vụ thì vênh váo bất lịch sự, và không chu đáo. Giá cả cắt cổ. Phòng ngủ không đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn quốc tế. Ngay nước uống, tắm gội và điện cũng rất thất thường. Những nhân viên làm việc trong các khách sạn lớn không có kỹ năng và thái độ phục vụ đúng mức. Những khách sạn mà Hà Nội cho là tiêu chuẩn quốc tế bắt khách phải trả \$200USD một đêm. So với khách sạn loại sang nhất ở các nước Đông Nam Á Châu khác thì quá đắt và phục vụ quá tồi. Đó là nhận định của những khách sang du lịch nước ngoài nói với phóng viên nhà báo Anh Kieran Cooke... Các quan chức VN khoe rằng hiện nay có 32.000 phòng khách sạn. Nhưng thực chất chỉ có chừng một nửa

là đạt yêu cầu phục vụ.

Những nhà đầu tư ngoại quốc đang có nhiều dự án xây thêm khách sạn Việt Nam. Thí dụ như nhóm công ty Mỹ dự án xây một khu khách sạn ở Đà Nẵng. Một nhóm khác của người Singapore và Malaysia cũng đang phải xếp hàng để xin phép xây thêm khách sạn. Nhưng riêng cái khoản duyệt dự án, cấp giấy phép thì lại kéo dài quá lâu. Chưa kể đến lúc khởi công xây dựng còn nhiều khê khác. Trong số hơn 100 dự án xây dựng khách sạn với số vốn đầu tư trên một tỷ USD đã đăng ký xin giấy phép, chỉ có vài ba cái được duyệt.

Người ta than phiền về chính sách thay đổi như chong chóng của nhà nước VN. Nạn tham nhũng, cách làm việc quan liêu, cửa quyền, lễ thói ăn hối lộ cửa sau của những quan chức cao cấp Việt Nam đã làm nản lòng những nhà đầu tư ngoại quốc. Nhưng những quan chức này là bậc cáo già. Họ biết ngành du lịch là ngành béo bở cho các vị đầu tư nước ngoài. Là ngành thu vốn về nhanh và lãi trông thấy. Vì vậy họ càng được thế gây khó dễ. Các anh càng cần thì ông càng có cơ hội moi nhiều tiền đút lót. Nhưng có lẽ các nhà đầu tư khách sạn nước ngoài cũng biết bảo nhau. Nên họ không chịu đút. Vậy "mày không đút cho ông ăn thì ông còn bắt mày chờ". Đó là chân lý của các quan chức VN. Quan chức VN chỉ nghĩ đến vợ vét làm giàu cho riêng họ. Còn bộ mặt của đất nước và những di tích văn hoá dân tộc họ không quan tâm đến. Vì vậy có những di tích đáng phải giữ gìn nhưng họ mặc kệ. Thí dụ như du lịch Pháp rất muốn xem 36 phố phường cổ xưa của Thăng Long cũ. Nhưng họ đã hết sức thất vọng. Vì khu phố nhỏ hẹp này của thủ đô đang "tân trang" theo kiểu lai căng. Nhà cửa mọc lên bừa bãi như những nấm cỏ dại ở trong rừng. Cái nhô ra cái thụt vào như hàm răng khểnh. Các phòng khách sạn đáng lý phải trang trí theo kiểu văn hoá VN thì ngược lại, các nhà tư sản đổ lại chuộng của lạ Tây Phương, làm cho nó biến dạng thành một thứ "ngổ VN" nửa tây nửa Thái. Nhưng người ta đến VN không phải chỉ chui vào khách sạn mà ngủ. Người ta phải đi xem phong cảnh thiên nhiên VN. Nhưng đường xá VN thuộc loại được "gắn bảng vàng thế giới" hoặc cho mấy ông thứ, bộ trưởng phụ trách giao thông vận tải đi tù. Nhiều đoạn đường còn là "mò cua bắt ốc" "ổ gà" "hố chân trâu". Nhưng chẳng ai thèm để ý cho tu sửa bảo dưỡng. Khi tôi đi thăm chùa Hương ở VN, tôi thật cảm phục cho tinh thần lặn lội của những ông tây già, bà tây trẻ chống gậy, chèo đèo lặn suối đến thăm Hương Tích chùa. Bản thân tôi cũng đã thấy mệt phờ về những chặng đường núi gập ghềnh khó leo của nơi danh lam thắng cảnh này. Giá như không quá mệt chắc là còn thấy vui hơn nhiều và đẹp hơn nhiều. Nhưng khi chân đã đau, mặt đã đỏ gay, mồ hôi đã tuôn ra như tắm thì có người tức mình nói phạm đến cả đức Thích Ca. Đáng lẽ họ phải chửi thẳng chính phủ mới phải.

Nếu tình hình cứ như ngày nay thì ngành du lịch chỉ bùng lên một thời gian rồi sẽ tắt ngấm. Khi người ta đã hết tò mò, khi người ta đã chán và ghét cái lễ thói làm ăn vừa ngu vừa hách của quan chức VN thì họ sẽ không trở lại lần thứ hai nữa. Còn đối với Việt kiều hải ngoại, có lẽ cũng chịu đau chịu buồn sống ở nước ngoài để chờ một ngày nào đó có sự thay đổi. Tốt hơn cả là chúng ta phải làm sao tạo ra được một nước VN ấm áp thương yêu ở những nơi ta đang sống, để bù lại nỗi đau tha hương. Chúng ta đã chịu bao cảnh khổ đau trên cả một quãng đường dài từ người tị nạn vô gia cư vô tổ quốc đến một công dân Mỹ, công dân Anh gốc Việt. Tuy cuộc sống hiện nay đã khá hơn nhiều, nhưng vẫn còn nhiều trăn trở về đất nước, về thân nhân còn sống nghèo ở VN.

**Nguyễn Anh Tuấn**

# THỜI SỰ... TÌNH TỨC... THỜI SỰ...

## Bắc Kinh đàn áp dân chủ

Bắc Kinh tiếp tục khủng bố những chiến sĩ đòi tự do dân chủ nhân dịp ngày kỷ niệm Thiên An Môn đầu tháng 6-1989. Ngày 16-5, 45 nhân vật khoa học, giáo sư đại học, trí thức, sinh viên đã gửi cho Giang Trạch Dân, chủ tịch đảng kiêm chủ tịch nước và Kiều Thạch, chủ tịch quốc hội, một bản tuyên bố đòi mở rộng tự do dân chủ ở Trung Quốc. Ngoài những nhân vật đã từng chống đối chế độ từ sáu năm qua như nhà vật lý thiên văn Phương Lệ Chi bị lưu đày, nhà phê bình văn học Lưu Hiếu Ba, sinh viên Vương Đan, ông Vương Hy Triết, người ta nhận thấy nhiều nhân vật trí thức thuộc giới khoa học kỹ thuật như nhà xã hội học thuộc viện Hàn Lâm khoa học Hứa Lương Anh hay người cha bom nguyên tử A của Trung Quốc, giáo sư Wang Gan Chang (Vương Can Trường?).

Đặc biệt giáo sư Hứa Lương Anh cho biết đây không phải là một "tối hậu thư" gửi cho chính quyền Bắc Kinh mà mục đích là để giúp họ suy ngẫm. Với hành động ôn hòa như vậy, chế độ Bắc Kinh trả lời bằng khủng bố cho bắt và thẩm vấn hơn mười người. Riêng anh Ngụy Kinh Sinh, người chống đối nổi tiếng đã mất tổng tích hơn một năm nay sau khi được thả ra sau gần 15 năm tù.

Phải nói chế độ Bắc Kinh rất lo sợ những ngày kỷ niệm của sinh viên học sinh. Người ta còn nhớ lễ thanh minh năm 1976, sinh viên xuống đường tưởng niệm cố thủ tướng Chu Ân Lai, chính quyền Hoa Quốc Phong lúc đó cho là "phản cách mạng", ông Đặng Tiểu Bình bị liên lụy phải từ chức. Khi trở lại chính quyền sau đó ông Đặng cho phục hồi ngày "phản cách mạng" thành ngày "cách mạng". Ngày nay người ta có cảm tưởng là Giang Trạch Dân chuẩn bị tư tưởng để đánh giá lại sự kiện Thiên An Môn năm 1989. Do đó họ Giang cho loại các phần tử xa gần dính líu với sự kiện Thiên An Môn. Sau khi cho loại bí thư thành ủy Bắc Kinh Trần Hy Đồng với lý do tham nhũng, họ Giang tiếp tục cho loại Viên Mục (Yuan Mu), cựu phát ngôn viên chính phủ, đang giữ chức giám đốc viện nghiên cứu quốc vụ viện (chính phủ). Người ta không hiểu tại sao Viên Mục lại bị mất chức trong lúc này mặc dù ai cũng biết họ Viên là người "cuốn theo chiều gió" từ thời "tứ nhân bang" qua Hoa Quốc Phong, Hồ Diệu Bang, Triệu Tử Dương rồi cuối cùng theo Lý Bằng lên án chống đối phong trào đòi tự do dân chủ. Họ Giang có lẽ muốn có một "bộ mặt mới" và "trong sạch" trước dư luận quần chúng và trước dư luận quốc tế còn đang kết án vụ Thiên An Môn, để trở thành người thừa kế chính thức. Nhưng ngày nào "thủ phạm" Thiên An Môn còn sống (Đặng Tiểu Bình) và người thừa hành (Lý Bằng) còn nhiều uy quyền, họ Giang chỉ có cách là loại dần dần các phần tử nói trên để đạt mục tiêu cuối cùng.

## Thuyền nhân Việt Nam tại Hồng Kông bị bách hại

Ngày 20-5-1995, tại trại cấm White Head, Hồng Kông, 27 thuyền nhân Việt và 168 nhân viên công lực Hồng Kông đã bị thương sau một cuộc xô xát dữ dội. Sự việc xảy ra khi ban giám đốc trại ra thông cáo sẽ chuyển 1.500 thuyền nhân tại đây về trại giam Victoria chờ trả về Việt Nam.

Tương cũng nên nhắc lại là thuyền nhân nào đến Hồng Kông sau ngày 16-6-1988 đều bị mất quyền tị nạn chính trị và bị giam giữ trong các trại cấm: High Island, Tai A-chau và White Head. Từ con số 24.000 năm 1988, nay còn khoảng 20.000 người, mà

20% là trẻ em được sinh ra trong các trại cấm. Điều kiện giam giữ tuy không khắc nghiệt như trong các nhà giam thật sự nhưng tương lai của các thuyền nhân rất là tuyệt vọng, tất cả sẽ bị trả về Việt Nam trước cuối năm 1995. Lý do là vì Trung Quốc không muốn lãnh nhận những thuyền nhân này sau ngày 30-6-1997, ngày chấm dứt hợp đồng thuê nhượng Hồng Kông, nên đã làm áp lực buộc Anh Quốc phải giải quyết gấp vấn đề thuyền nhân tại đây. Năm 1991, một thỏa thuận đã được ký kết giữa chính quyền Anh Quốc và Việt Nam, theo đó Việt Nam sẽ nhận những khoảng tiền bồi hoàn để tạo điều kiện cho những người này hội nhập lại vào đời sống trong nước và hứa sẽ đối xử tử tế với họ. Cho đến nay đã có 1.271 thuyền nhân Việt Nam "tự nguyện" về nước.

Về phía thuyền nhân, trong thời gian gần đây, các anh chị em đã liên tục đấu tranh chống "cưỡng bách" hồi hương bằng mọi phương cách: biểu tình ngồi dưới cơn nắng lửa (45°C trong bóng mát), cắt mạch máu và mổ bụng tự sát, trèo lên mái tôn, cột điện trốn các cuộc lùng bắt, và tuyệt vọng hơn chống trả lại các cuộc đàn áp bằng bạo lực của cảnh sát Hồng Kông.

Ngày 8-5, tại trại High Island (New Territories), ban giám đốc trại công bố danh sách 81 người sẽ bị đưa về trại Victoria chờ hồi hương (dự trù vào ngày thứ tư 17-5), chỉ có 43 người chịu dời trại, 38 người khác (trong đó có 2 trẻ em) trèo lên mái nhà và cột điện trốn. Sáng ngày 11-5, lực lượng an ninh Hồng Kông huy động 700 cảnh sát và 300 nhân viên trại giam tiến vào High Island, khu Bắc, bắt nốt số người còn lại. Cuộc giằng co kéo dài từ sáng đến chiều làm 79 người bị thương, trong đó có 44 nhân viên công lực và 35 thuyền nhân (2 người phải đưa vào bệnh viện cứu cấp: một người đã rạch bụng tự sát).

Nhiều tổ chức nhân quyền Việt Nam và quốc tế cũng đã lên tiếng yêu cầu Liên Hiệp Quốc tìm một giải pháp khác cho thuyền nhân Việt Nam hiện còn đang bị giam giữ trong các trại cấm Hồng Kông và Đông Nam Á, vấn đề dường như không có giải pháp. Trước cảnh đồng bào bị người ngoại quốc bách hại, cộng đồng người Việt hải ngoại phải vận dụng mọi diễn đàn quốc tế tố cáo những hành vi xâm phạm thân thể và nhân cách thuyền nhân Việt Nam của các chính quyền Hồng Kông và Thái Lan trong các trại cấm, đồng thời tố cáo việc cố tình duy trì một chính quyền độc tài đảng trị trong nước khiến nhiều người phải bỏ nước ra đi.

## Bạo lực trong học đường

Chiều 19-4-1995, Nguyễn Trung Chính, học sinh lớp 8B trường Đông Ngạc II (huyện Từ Liêm, Hà Nội), đã dùng dao đâm cô Phùng Thị Minh Tâm, 28 tuổi, giáo sư dạy môn toán, ngay trong lớp học. Cô Minh Tâm đã từ trần tại bệnh viện ngay sau đó vì vết thương quá nặng, để lại một con trai 3 tuổi. Nguyên là vào đầu giờ toán, Chính xin cô Minh Tâm ra ngoài, nhưng cô không đồng ý. Một lát sau, Chính lên bục giảng giả vờ xin phần rồi thình lình rút dao đâm vào người cô Minh Tâm.

Liên tiếp trong hai đêm 17 và 18-4-1995, vào giờ tan trường lớp tối, các học sinh trường Lê Anh Xuân (huyện Tân Bình, Sài Gòn), đã bị một nhóm thanh niên 16-18 tuổi dùng dao chặn đường toan hành hung. Một số học sinh các lớp lớn buộc phải tự tổ chức bảo vệ đưa các bạn học ra về an toàn. Nguyên nhân là các nhóm thanh niên này muốn trấn lột sách vở, tiền bạc và đồ đạc của các học sinh lớp tối. Trước tình trạng mất an ninh này, công

an khu vực không có phản ứng mặc dầu trước đó nhà trường đã yêu cầu được bảo vệ.



### Loạn xây cất tại Hà Nội

Nạn xây cất nhà bừa bãi trên đoạn đê Nhật Tân-Yên Phụ gần đây đang gây nhiều chú ý trong dư luận, nhưng đó chỉ là một hiện tượng của loạn xây cất đang hoành hành tại Hà Nội. Trung bình mỗi tháng có trên 1.000 trường hợp vi phạm xây cất. Tính đến đầu tháng 5-1995, Hà Nội đã có trên 5.000 trường hợp vi phạm, trong đó xây dựng trái phép chiếm 80%, vi phạm các qui định về xây dựng 20%.

Nhu cầu về xây cất tại Hà Nội hiện nay lên rất cao nhưng chính quyền địa phương vẫn duy trì hệ thống hành chính nặng nề, ngoắt ngoéo trong việc cấp giấy phép xây dựng. Thêm vào đó, việc cấp phát quyền sử dụng đất cho đến nay cũng chưa rõ ràng. Theo báo cáo của Viện Kiểm Sát, từ đầu năm 1990 đến cuối tháng 6-1994, Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hà Nội đã tự tiện ban hành 1.071 quyết định giao 7.642.578 m<sup>2</sup> đất xây dựng không thông qua sự phê duyệt của chính phủ: 3% không có dự án thiết kế kinh tế-kỹ thuật; 7% không theo đúng trình tự; 20,3% vượt thẩm quyền; 62% không tính tiền sử dụng đất làm thiệt hại hơn 500 tỉ đồng (khoảng 5 triệu USD). Do không có chương trình chỉnh trang thành phố, những căn nhà mới xây này đôi khi không cân xứng với cảnh quan và môi trường. Một kinh nghiệm thực tiễn là người ta cứ xây cất bừa bãi rồi xin hợp thức hóa sau.



### Môi trường bị ô nhiễm nặng tại Hà Nội

Hiện nay, theo đánh giá của Sở Khoa Học - Công Nghệ và Môi Trường Hà Nội, có ba khu vực tại Hà Nội bị ô nhiễm ở mức độ bảo động. Khu công nghiệp thượng đỉnh với tổng lượng nước thải công nghiệp 22.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, chất thải rắn 60 tấn/ngày và rác sinh hoạt chỉ gom được 40%-45%, khí thải không được kiểm soát với nồng độ SO<sub>2</sub> vượt tiêu chuẩn cho phép từ 4 đến 6 lần, bụi lơ lửng vượt từ 4 đến 7 lần, CO vượt 3 lần. Làng gốm Bát Tràng với 312 lò nung tỏa khí độc hại vượt tiêu chuẩn 10 lần. Xã Vinh Quỳnh (Thanh Trì) không có hệ thống thoát nước, nước sông Nhuệ bị ô nhiễm nặng do bãi chôn rác dân dụng và chất thải của 11 xí nghiệp công nghiệp như phân lân, pin, nhựa đường, gạch ngói...



### Cầu Long Biên có nguy cơ bị sập

Theo báo cáo của Bộ Giao Thông Vận Tải Việt Nam thì cầu Long Biên (Hà Nội), bắc qua sông Hồng, hiện đang ở trong tình trạng bảo động, có nguy cơ bị sập vì quá cũ nát. Mặc dầu đã có sáu trụ cầu hư hỏng ở các mức độ khác nhau được sửa chữa nhưng các ống thép ở các thân trụ và trụ phụ đều bị hư hỏng và rỉ sét nặng. Nhiều chỗ thép bị mục rã để lộ ra những thân đen xì lồi lõm trông rất gớm ghiếc. Nguy nhất là sự xuất hiện vết nứt trên dầm cầu khiến có thể gây sập cầu bất cứ lúc nào. Hiện nay các xe tải chạy qua cầu tăng lên cả về số lượng lẫn trọng lượng. Không thấy chính quyền đưa ra dự án tu chỉnh qui mô hay làm lại cầu.

Cũng nên nhắc thêm là cầu Long Biên, trước kia còn có tên là cầu Doumer, đã được xây dựng từ những năm đầu của thế kỷ này và là cây cầu đầu tiên dài nhất nước thời đó (1.689,2 m).



### Lợi tức đầu người tại Sài Gòn

Theo kết quả điều tra của Cục thống kê trong năm 1994, lợi tức đầu người ở ngoại thành là 255 USD/năm (tăng 10% so với năm 1993) và trong nội thành khoảng 395 USD/năm. Lợi tức người dân ngoại thành chỉ bằng 65% dân nội thành; tỷ lệ lợi tức đầu người chung cho cả thành phố Sài Gòn khoảng 325 USD/năm.

Tuy vậy chênh lệch về mức sống giữa các tầng lớp dân cư ở ngoại thành không quá cao như trong nội thành: 57,4% có mức sống trung bình tạm ổn; 37% có mức sống khó khăn và quá khó khăn, 5,6% có mức sống khá. Trong nội thành: 64,5% có mức sống trung bình, 8,4% có mức sống khó khăn và 26,2% thuộc loại khá giả.



### Cựu ủy viên Bộ Chính Trị Lê Văn Lương từ trần

Đầu tháng 5, Hà Nội đã tổ chức trọng thể lễ truy điệu ông Lê Văn Lương, nguyên ủy viên Bộ Chính Trị, bí thư trung ương, trưởng ban tổ chức đảng, bí thư thành ủy v.v... Toàn bộ chính trị và bí thư đảng đều có mặt trong buổi lễ truy điệu này. Có thể nói ông Lương là một đảng viên kỷ cựu nhất của đảng CSVN trong gần 70 năm!

Sinh quán tại Hưng Yên, cựu học sinh trường Bưởi, ông Lương tên thật là Nguyễn Công Miên, sinh năm 1910 (hay 1912?). Tháng 6-1929, ông gia nhập Đông Dương Cộng Sản Đảng, một trong ba đảng cộng sản lúc đó trước khi được ông Hồ Chí Minh, đại diện cộng sản quốc tế, thống nhất ở Hương Cảng vào năm 1930. Ông được gửi vào Sài Gòn hoạt động với Ngô Gia Tự năm 1929 và bị Pháp bắt và kết án tử hình năm 1931, sau bị đi đày ở Côn Đảo gần 15 năm.

Năm 1945 ông được thả ra và tiếp tục hoạt động trong bóng tối. Ở Đại Hội II (1951) ở Việt Bắc, ông được vào bộ chính trị với tính cách dự khuyết. Trong vụ cải cách điền địa năm 1956, ông bị thất sủng cùng với Hồ Viết Thắng và một số nhân vật khác. Tại Đại Hội III (1960), ông mất chức ủy viên bộ chính trị nhưng được giữ lại ở ban bí thư. Ông trở lại bộ chính trị ở Đại Hội IV (1976) và được bổ nhiệm làm trưởng ban tổ chức đảng. Qua Đại Hội V (1982), ông lại mất chức ủy viên bộ chính trị và bí thư nhưng vẫn còn ở ban chấp hành trung ương kiêm bí thư thành ủy Hà Nội. Ông Lương đã là một đảng viên trung kiên, có công với DCSVN nhưng còn với đất nước thì lịch sử trong tương lai sẽ xét đoán.



### Dư luận quốc tế đòi tự do cho giáo sư Đoàn Viết Hoạt

Chuyến viếng thăm châu Âu của bà Đoàn Viết Hoạt, nhũ danh Trần Thị Thúc, đã thu lượm được nhiều kết quả tốt đẹp về mặt kêu gọi các tổ chức chính trị, văn hóa, pháp lý của quốc tế đòi tự do cho giáo sư Đoàn Viết Hoạt hiện đang thi hành án tù tại trại Thanh Cẩm ở Thanh Hoá.

Cuối tháng ba vừa qua, trước khi đến Paris, bà Hoạt đã dừng lại thành phố Frankfurt ở Đức để thay mặt chông nhận bằng Hội viên danh dự của Tổ Chức Nhân Quyền Quốc Tế. Dịp này, theo lời yêu cầu của một số quan chức và nhân sĩ chính trị, văn hóa địa phương, bà Hoạt đã trình bày cho họ biết về đường lối tranh đấu ôn hòa đòi nhân quyền của giáo sư Đoàn Viết Hoạt và chính sách



# THỜI SỰ... TIỀN

đàn áp đối lập chính trị, tôn giáo của nhà cầm quyền Việt Nam. Người ta được biết rằng hai trung tâm Văn bút thuộc Văn Bút Quốc Tế (P.E.N International) là Trung Tâm Văn Bút Ba Lan, Trung Tâm Văn Bút Đức Quốc đã bầu giáo sư Đoàn Viết Hoạt làm Hội viên Danh Dự.

Thời gian ở Paris, bà Hoạt tiếp tục vận động các giới chính trị, văn hóa của Pháp, các tổ chức tranh đấu chính trị và tôn giáo của Cộng đồng người Việt tại Pháp lên tiếng ủng hộ cuộc tranh đấu dân chủ của giáo sư Đoàn Viết Hoạt. Bà đã trả lời một cuộc phỏng vấn trong khuôn khổ chương trình việt ngữ của đài phát thanh RFI. Bà cũng tham dự hai cuộc hội thảo về nhân quyền, dân chủ và hiện tình Việt Nam do nguyệt san Thông Luận tổ chức tại Paris để bà có dịp gặp gỡ các giới đồng bào người Việt phải sống xa nước nhà. Ở đâu bà cũng tiếp nhận được rất nhiều thiện cảm và tình quý mến bà và chồng bà.

Trung Tâm Văn Bút Pháp Quốc đã mở một buổi tiếp tân đặc biệt để khoản đãi bà sau khi Trung Tâm này đã biểu quyết bầu giáo sư Đoàn Viết Hoạt làm Hội viên danh dự (membre d'honneur) kiêm Hội viên liên kết (membre associé). Nhà thơ Jean ORIZET, đương kim chủ tịch Trung Tâm Văn Bút Pháp Quốc (VBPQ), các nhà văn Hervé Roy, phó chủ tịch, Monique Garnier-Lançon, Tổng thư ký, bà M.Berthierdã, phụ tá hành chánh tiếp đón bà Hoạt tại trụ sở của Trung Tâm ở Quận 4 Paris. Cùng đi với bà Hoạt có ông Nguyễn Gia Kiểng, chủ tịch Nghĩa Hội Đoàn Viết Hoạt và ông Trần Thanh Hiệp, cựu chủ tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại. Ông ORIZET đã nói với bà Hoạt rằng lý do khiến cho Trung tâm VBPQ bầu giáo sư Hoạt làm Hội viên danh dự là sự kiện giáo sư đã "đòi tự do, dân chủ cho Việt Nam". Bà Hoạt đã cảm ơn và đàm đạo bằng anh ngữ với những người có mặt. Tưởng cũng nên nhắc lại rằng Văn Bút Pháp quốc trước đây đã bầu các nhà văn Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Sỹ Tế, Cung Trầm Tưởng làm Hội viên danh dự và là một Trung tâm Văn Bút suốt mấy thập niên qua đã tích cực bênh vực cho văn nghệ sĩ bị nhà cầm quyền Việt Nam đàn áp.

Sau hết, tổ chức Ký Giả Không Biên Giới (Reporters sans Frontières) đã ấn hành một tác phẩm riêng để giới thiệu quan điểm về nhân quyền, dân chủ của giáo sư Đoàn Viết Hoạt qua các bài viết, bài thơ mà ông là tác giả. Việc dịch các tài liệu này ra tiếng Pháp do nguyệt san Thông Luận đảm nhận.

## Vài hàng tin về Bác sĩ Nguyễn Đan Quế

Ngày 13 tháng 5 vừa qua, trong chuyến thăm nuôi thường lệ hàng tháng tại trại cải tạo Xuân Lộc, thân nhân bác sĩ Nguyễn Đan Quế cho biết ông được hưởng một chế độ bớt khe khắt hơn. Trước hết là thời gian tiếp xúc được tăng lên từ 15 phút đến 45 phút, tuy thân nhân vẫn phải túc trực và hồi hộp chờ đợi từ sáng cho đến khoảng ba giờ chiều vào lúc những nhóm thân nhân thăm nuôi các tù nhân khác sửa soạn đi về để tránh không cho bác sĩ Quế gặp gỡ các tù nhân khác. Bác sĩ cho biết vẫn bị biệt giam từ hơn năm nay, không được tiếp xúc với bất cứ một ai kể cả các quản giáo. Tối đến, cửa tù bị khóa; gần đây đã được chuyển qua căn khác, vẫn biệt giam, nhưng cửa phòng giam để ngỏ vào đêm. Tình trạng sức khỏe của bác sĩ Quế cũng đáng lo ngại: bị bệnh cao áp huyết, không có thuốc chữa trị; bị sạn thận, mới đây lên cơn đau dữ dội mà không có cách kêu cứu và thuốc đặc trị.

## Độc giả viết

### Tổ quốc thiêng liêng và độ lượng

Có một cái gì đó thôi thúc tôi viết đến các anh ít dòng. Đó là sau khi đọc bài báo "Một cách nhìn cuộc chiến" của anh Nguyễn Gia Kiểng trong Thông Luận 82.

Tôi đọc Thông Luận đã được ba năm, nói chung các bài viết chất lượng khá cao, tôi đã học hỏi được khá nhiều và tự thấy kiến thức được nâng lên rõ rệt, thế nên hàng tháng tôi đều mong đợi báo. Các bài viết của anh Kiểng có thể nói là nổi bật, nghe như có tiếng nhạc thôi thúc, có chất thơ nên tôi thường đọc nhiều lần và nhất là lúc tâm hồn trống trải tôi đem lại đem ra đọc để tìm niềm vui cho mình.

Thế nhưng sau bài viết kể trên tôi thấy cần trao đổi với anh đôi điều ở đoạn cuối. Tổ quốc - Tổ quốc Việt Nam, khi một người Việt Nam nào đó còn nhắc lại thì sẽ thấy nó thiêng liêng, thánh thiện, như là một sức mạnh huyền bí của tinh thần. [...] Tổ quốc, nếu bàn từ này có lẽ cũng khá dài dòng. Nhưng tôi chắc chắn rằng nó mang nghĩa cao quý và trù tượng và Tổ quốc Việt Nam chỉ có thể là báu vật của mọi người Việt Nam. [...] Trong bài viết của anh Kiểng gần đây, Tổ quốc gần đồng nghĩa với chế độ chính trị thế nên anh dùng tính từ péjoratif cho hai chữ Tổ quốc, và như thế lại càng đáng tiếc hơn. Con dân nước Việt có điều gì chưa trọn vẹn với Tổ quốc thôi chứ Tổ quốc bao giờ cùng là người mẹ hiền đầy yêu thương và độ lượng. Tôi cũng đồng ý với ông Tôn Thất Thiện là cộng sản Việt Nam đã lẫn lộn với dụng ý xấu khi dùng hai chữ Tổ quốc. [...] Vài dòng tâm sự với xuất phát từ sự quý mến, tôi hy vọng đôi lời góp ý là có ích lợi cho anh, cho tờ báo của chúng ta.

Phạm Ngọc Trường (Tours)

### Thực tế và giới hạn

Phong trào Nhân Văn Giai Phẩm là một phong trào phản kháng mạnh mẽ, được biết nhiều nhất trong các phong trào phản kháng lại sự bóp nghẹt của chính quyền cộng sản.

Đọc bài phỏng vấn "Nói chuyện với nhà thơ Lê Đạt", do Thụy Khuê thực hiện trên đài RFI, đăng lại trên báo Thông Luận số 82, chắc ai cũng không khỏi bùi ngùi cho thân phận một nhà thơ bị chính quyền cộng sản vùi dập, bắt đi cải tạo trên 30 năm chỉ vì dám nói lên quan điểm của mình. Ông Lê Đạt là một trong những nhân vật chủ chốt trong phong trào Nhân Văn Giai Phẩm. Theo ông thì vụ này chỉ có trên dưới chục người bị bắt! Chữ "tự thú" dùng trong tài liệu "Bọn Nhân Văn Giai Phẩm trước tòa án dư luận" cũng chỉ được ông cho là bất lịch sự. Sau 30 năm bị kèm hãm, ông tiếc là phong trào Nhân Văn Giai Phẩm đã chấm dứt một cách bi thảm. Suốt trong bài phỏng vấn, không thấy ông một lời lên án những người trách nhiệm đã ngăn cản cuộc đối thoại nghiêm túc với đảng cộng sản. Cũng không thấy ông lên án tình trạng hiện nay vì những điều căn bản ông tranh đấu cách đây 38 năm vẫn không thay đổi. Trong khi đó, nhiều người tâm huyết, cũng như ông, đã mất một phần lớn cuộc đời của mình; dân tộc, đất nước bị ngăn chặn tiến hóa trong một thời gian dài.

Viết như vậy không phải để trách cứ ông Lê Đạt; ông đã dám làm những gì ông nghĩ, nói lên được quan niệm của mình trong thời gian mà đảng cộng sản u muội và giáo điều nhất. Ông đã phải trả một giá rất đắt để ngày hôm nay thế hệ này để thờ hơn thời của ông.



# tạp ghi...

1

Cụ Nguyễn Hộ vẫn còn mạnh. "Tôi hơi bị yếu tim nhưng không sao, 79 tuổi rồi, cũng không thể đòi hỏi hơn được". Cụ rất tâm đắc với Dự An Chính Trị Dân Chủ Đa Nguyên và những gì cụ đã phát biểu trong tài liệu "Quan Điểm và Cuộc Sống" cũng như bài "Chỉ có một chọn lựa: lật xác" thể hiện sự đồng tình đó. Cụ cũng rất đồng ý với bài tôi vừa viết về Cộng Đồng Người Việt Hải Ngoại trong Thông Luận số 80, tháng 3/95. Cụ nhấn: "cộng đồng người Việt hải ngoại có vai trò rất lớn trong cuộc vận động dân chủ, chúng tôi hy vọng rất nhiều ở các anh. Đừng nghĩ người Việt hải ngoại chỉ có vai trò hỗ trợ phong trào dân chủ trong nước, nó còn là một đầu tàu". Cụ sẽ còn viết một bài quan trọng khác trước ngày kỷ niệm Cách Mạng Tháng 8. Cụ thận trọng gìn giữ sức khỏe để tiếp tục đóng góp cho cuộc vận động dân chủ và để được chứng kiến ngày đất nước có dân chủ. Một trí thức rất lớn.

2

Dân chủ làm nước Nga hỗn loạn và suy sụp? Đó hầu như là quan điểm của nhiều người và cũng là điều mà chính quyền cộng sản viện dẫn để từ chối dân chủ hóa nhân danh "ổn định để phát triển". Ông Nguyễn Minh Cần, năm nay 67 tuổi, là phó chủ tịch Ủy Ban Hành Chính Hà Nội vào năm 1964 khi xảy ra vụ "xét lại chống đảng" mà ông là một trong những người liên hệ, cùng với ông Hoàng Minh Chính. May cho ông, lúc đó ông đang công tác tại Nga nên đã ở lại tị nạn chính trị cùng với một số đồng chí khác. Ông Nguyễn Minh Cần sinh sống tại Moskva từ đó đến nay, bà Cần là một người Nga, giáo sư trường Đại Học Ngoại Giao. Cả hai vợ chồng đều là công chức, sống với đồng lương cố định. Họ là những người vất vả nhất vì nạn lạm phát phi mã. Nhưng ông Cần khẳng định với tôi là đời sống của gia đình ông, về mặt vật chất còn có phần khá hơn trước, dù không bao nhiêu. Trong khi đời sống của đại bộ phận dân chúng khá hơn trước nhiều. Lạm phát kinh khủng thật, một USD hiện nay ăn 5.000 rúp. Nhưng giá cả trong nước không tăng lên theo cùng nhịp độ với hối suất đồng đô-la và người ta kiếm tiền cũng khá dễ. Các đuôi xếp hàng đã hoàn toàn biến mất, các cửa hàng có đầy đủ mọi thứ. Đời sống tinh thần thì một trời một vực, tự do và thoải mái. Tình hình kinh tế của Nga đang dần dần ổn vững, sau những hỗn độn của vài năm đầu. Nước Nga sắp thành công trong cuộc chuyển hóa về dân chủ. Đảng cộng sản Việt Nam lại sắp mất một chỗ dựa lý luận quan trọng.

3

Năm nay Trung Quốc phải nhập cảng của Mỹ trên mười triệu tấn lương thực. Giữa lúc Đặng Tiểu Bình đang hấp hối và cuộc tranh chấp kế vị đang diễn ra khốc liệt với hàng loạt các vụ bắt giam, truy tố, cách chức, tự tử... thì Trung Quốc lâm vào cuộc khủng hoảng lương thực. Giới cầm quyền Bắc Kinh rất lo sợ, vì thiếu lương thực là mất chủ quyền và còn có thể

đưa tới hỗn loạn. Theo dự trù vào năm 2000, Trung Quốc sẽ phải nhập cảng trên ba mươi triệu tấn lương thực, một số lượng cần để nuôi gần 200 triệu người. Kể từ đầu năm nay, Trung Quốc đã triệt thoái về chính sách hoạch định và bao cấp nông nghiệp để cố vãn hồi khả năng tự túc lương thực. Chính sách này sẽ chỉ làm cho sản xuất nông nghiệp suy sụp thêm, trừ khi chính quyền Bắc Kinh bắt các hoạt động khác phải tài trợ nông nghiệp; trong trường hợp này tất cả hoạt động kinh tế của Trung Quốc có thể sẽ lâm vào khủng hoảng, ít ra sẽ khựng lại. Một khi Trung Quốc đã phải nhập cảng ba mươi triệu tấn lương thực họ sẽ phải lo sợ một quyết định cấm vận từ Hoa Kỳ nếu vi phạm nhân quyền. Cái gương Liên Xô cũ sau cuộc xâm lăng Afghanistan vẫn còn đó. Chấp nhận dân chủ để phát triển vẫn là con đường an toàn nhất.

4

Ông Võ Văn Kiệt nhấn nhủ các tổ chức chính trị hải ngoại phải bỏ cờ vàng ba sọc đỏ nếu muốn tiếng nói của họ được lọt tai ban lãnh đạo đảng cộng sản. Trích thượng và hống hách? Không biết các tổ chức hải ngoại, đã từng gay gắt lên án Thông Luận, và cá nhân tôi, là bỏ cờ vàng ba sọc đỏ có tuân lệnh ông Kiệt hay không. Có điều chắc chắn là nếu họ bỏ cờ vàng ba sọc đỏ họ vẫn không được nghe. Các nhà lãnh đạo cộng sản chỉ tin ở tương quan lực lượng. Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Huyền Quang, Quảng Độ, Nguyễn Đình Huy, Phạm Thái, v.v... có ai đi dưới cờ Việt Nam Cộng Hòa đâu. Họ vẫn bị bỏ tù vì đòi dân chủ và nhân quyền. Hay sự huênh hoang của ông Kiệt chỉ là một sự huênh hoang trước khi chấp nhận đối thoại?

5

Đoàn Viết Hoạt được nhận làm hội viên danh dự của Văn Bút Pháp. Trước đó anh Hoạt cũng đã trở thành hội viên danh dự của Văn Bút Ba Lan. Điều đáng nói là hầu hết những tù nhân chính trị Việt Nam đều ở tù vì đã viết nhưng không thấy Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại nhận ai làm hội viên danh dự cả. Có lẽ vì chưa nghĩ tới?

6

Người Việt hải ngoại cần lên tiếng. Không thể để thế giới quên các tù nhân chính trị Việt nam. Không thể để cho các vụ bắt bớ thô bạo tiếp tục như không có gì xảy ra. Một chính quyền mới vừa được thành lập, chính quyền này và nhân dân Pháp cần được báo động về tình trạng đàn áp nhân quyền tại Việt Nam. Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Huyền Quang, Quảng Độ, Tuệ Sỹ, Lê Mạnh Thát, Nguyễn Đình Huy, Phạm Thái, Phạm Đức Khâm... cần được biết là họ không bị lãng quên. Nhiều anh em đang tranh đấu, và đang sống những giờ phút căng thẳng cần một bằng chứng rằng hải ngoại sẽ không bỏ rơi họ. Bản lên tiếng dự định đăng trên báo Libération chưa được sự hưởng ứng như chờ đợi. Sinh hoạt chính trị không phải chỉ có những yếu tố khích lệ. Nhưng nó sẽ phải có. Vì chính thể diện của người Việt tại Pháp.

Nguyễn Gia Kiểng

## Sổ Tay

### Nhạc sến

Hắn lái xe. Chúng tôi còn một đường khá dài và không còn gì quan trọng để nói. Hắn bấm nút radio-cassette. Tôi biết hắn rất mê nhạc và cũng rất khó tính về nhạc. Một giọng nữ ca sĩ lạnh lạnh vang lên: "Xin trả cho anh lời nói yêu đầu...". Như bị điện giật, hắn tắt máy một cách thô bạo và nhăn nhó như bị đá thương: "Bà xã tao lại để nhạc sến. Nhảm quá!". Tôi hỏi: "Nhạc sến là gì?", và được nghe cả một bài thuyết trình.

Về nguồn gốc của hai chữ "nhạc sến", hắn quả quyết "sến" không phải ở chữ "sen" vẫn được dùng để chỉ các cô, các chị đi làm thuê, giúp việc trong nhà. Hay ít nhất hắn lên án dữ dội cách giải thích lỗ mãng đó. Hắn khẳng định các chị em lao động tay chân có "tư cách văn nghệ" rất cao. Họ sống lam lũ mà vẫn biết yêu thơ yêu nhạc. Đó là bằng chứng của tâm hồn thanh tao, rất đáng kính phục. Vụ án "nhạc sến" vì vậy không phải là vụ án người tiêu thụ mà là vụ án các nhà sản xuất. Nhạc sến là nhạc rẻ tiền vì nông cạn, giả tạo và vớ vẩn, khuôn sáo.

Như để cải chính một suy luận sai lầm nảy ra trong đầu tôi, hắn nói ngay:

- Mày đừng tưởng nhạc sến là đơn giản mà làm to. Trái lại nó rất phức tạp. Nó đầy rẫy ý niệm thơ mộng và ngôn từ bóng bẩy. Thí dụ bản nhạc vừa rồi: "Xin trả cho anh lời nói yêu đầu. Và màu thư xanh anh viết cho em. Em biết thân em là phận gái nghèo hèn, v.v...". Có mối tình đầu, có thư tình và thư tình màu xanh, màu của hy vọng và yêu đương. Có sự dang dở vì thân phận... Có đủ thứ. Phiền là thứ nào cũng dùng nhiều lần rồi. Trái hẳn với những tác phẩm có nội dung. Như khi Trịnh Công Sơn viết: "Đại bác đêm đêm vọng về thành phố, người phu quét đường dừng chổi đứng nghe". Hay khi Phạm Duy viết về bà mẹ Gio Linh được tin con mình bị chém đầu: "Nghẹn ngào không nói một câu, mang khăn gói đi lấy đầu". Trong những tác phẩm có giá trị thực sự như vậy, tác giả chỉ dùng những ý và lời mộc mạc, giản dị. Đặc tính của nhạc sến không phải là vì nó giản dị mà là vì nó phức tạp. Nhưng nó không có sáng tạo, không có xúc động thực. Các tác giả cố gắng lãng mạn. Khổ nhất là khi mình bị bắt buộc phải thưởng thức.

Tao có lần bị vợ bắt dẫn đi phòng trà. Một chàng ca sĩ hát một bản nhạc sến, anh ta cố làm ra vẻ buồn. Mặt anh ta buồn man mác như người vừa đánh mất bằng lái xe.

Còn một yếu tố quan trọng nữa của nhạc sến là vần điệu. Vần điệu trên hết. "Chiều tím, chiều nhớ thương ai, người em tóc dài...". Tại sao lại "người em tóc dài"? Người em tóc ngắn không được hả? "Tóc dài" chỉ là hậu quả của chữ "ai" trong câu trước. Nếu câu trước vần "ăn" thì tao có thể bảo đảm chắc chắn với mày là tác giả đã cho người em gái một nhát kéo gọn nhẹ để thành "người em tóc ngắn". Sự tìm vần nhiều khi còn đưa tới những tội ác ghê rợn, bởi vì nhạc sến không nhất thiết phải là nhạc tình ái. Có cả nhạc sến đấu tranh. Tao có lần được nghe một bản nhạc đấu tranh: "Phục quốc quân, giết quân vô thần". Thế có nhảm không chứ? Nguy quá. Tao với mày đều vô thần cả. Minh vô thần thì kệ cha mình. Ai hữu thần thì mặc xác họ. Minh có dụng chạm tới ai đâu. Tại sao phục quốc quân lại "giết quân vô thần"? Nước Việt Nam mình ít nhất một nửa là vô thần. Định diệt chủng hả? Mà có phải là tác giả thực sự hiểu sát như vậy đâu, ngài chỉ muốn "chống cộng" thôi. Chỉ vì "vô thần" nhíp với "phục quốc quân" mà nó đòi đem giết mình. Minh bị nó xử tử vì lý do vần điệu. Chết oan vì văn học!

Hắn đắc chí triển khai nói tiếp:

- Tao cần lưu ý mày là hiện tượng sến không phải chỉ có trong văn học mà hiện diện trong tất cả mọi địa hạt, bản chất của nó là một sự cóp nhặt ngây ngô và thỏa mãn. Có những bài nghị luận chính trị sến. Cũng dẫn chứng lịch sử, biến cố quốc tế, cũng "của dân, do dân và vì dân", cũng làm ly trầm thống lắm. Nhưng tất cả chỉ vay mượn lại những ý và lời đã cũ để nhai lại những điều đã cũ. Có cả chính sách sến. Lập lại như con két "đấu tranh giai cấp", "vô sản chuyên chính", "duy vật biện chứng", bắt chước "cải cách ruộng đất", "đấu tố"... Tất cả đều là vay mượn bừa bãi, theo đuôi người ta một cách nhảm nhí, làm khổ cả một dân tộc. Thế mà cũng huênh hoang "Bác vĩ đại, Đảng quang vinh". Mẹ kiếp, sến cả. Phải chống sến, phải cầm thù sến. Phải sáng tạo.

Có lẽ thấy mình hơi quá khích, hắn dịu giọng:

- Công bằng mà nói, đôi khi vì vần điệu người ta cũng có thể đạt tới những khám phá mới. Một nhạc sĩ trong khi loay hoay tìm vần đã sáng tác ra một câu bất hủ: "Khi ta yêu trái tim ta màu xanh". Đó là một khám phá y học rất độc đáo cần được kiểm chứng. Có sai cũng không sao. Cùng lắm là một bản nhạc sến. Không như quái thai "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" đem bảy mươi triệu người làm vật thí nghiệm.

Phù Du

### THÔNG LUẬN

#### Nguyệt san Thông tin Nghị luận

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số  
(tháng 7 và 8 chỉ ra một số)

Địa chỉ liên lạc:

Association VietNam Fraternité, 24 Square des Cottages  
91200 ATHIS-MONS, FRANCE

Giá báo một năm: Âu Châu 200 FF hoặc tương đương  
Ngân phiếu hoặc chỉ phiếu xin đề  
VIET NAM FRATERNITE (xin đừng đề Thông Luận)

#### Thông Luận

hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp  
mọi ủng hộ tài chánh  
và cảm ơn quý vị cổ động để phổ biến nó